

BÁCH KHOA

SỐ 29 – NGÀY 15-3-1958

Trong số này :

QUANG-HUẤN	Giai đoạn mới.
HOÀNG-MINH-TUYNH	Tổng thống Hiệp chúng quốc.
G. B. TRẦN-ĐỨC-HUYỀN	Đạo Khổng với óc Khoa học.
HOÀNG-ĐÌNH-TRUẬT	Nhận định phân vụ của Phụ nữ trong xã hội.
TÂN-FONG-HIỆP	Alexandre Yersin.
PHƯƠNG-TRẠCH (dịch thuật)	Hoa kỳ tự vấn.
THUẦN-PHONG	Phần đóng góp của Văn học Bình dân.
PHẠM-HOÀNG-HỘ	Nguồn gốc loài người.
VŨ-QUỲNH-BANG	Nhờ ngày ly loạn.
VÕ-PHIẾN	Nghĩ về « Chàng và Nàng ».
LƯU-NGHI	Một bản tay.
TRƯƠNG-UAN-NGỌC	Chiều (thơ).
YÃ-HẠC và TRINH-NGUYỄN	Giấc mơ chót của cây đầu.
YÃ-HẠC và NGUYỄN-VĂN-TRUNG	Lãng liêu hoa (thơ dịch).
VI-HUYỀN-ĐẮC	Khói lửa kinh thành.

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh “*Eau de Vie cu*” 40° và 50°

— Rượu Tàu “*Lao-Manh-Tu*”

— Rượu Tàu “*Tch-Tho-Tu*”

SI-RÔ “*Verigoud*” :

— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm “*Distarome*”

DISTILLERIES

DE L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DẦU THƠM “D.I.C.” :

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở NAM-PHẦN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở TRUNG-PHẦN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG
HÃNG RƯỢU NHIÊU-BÁ
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE

Đi PARIS bằng phi-cơ « SUPER G »



SAIGON — PARIS

(Chuyến bay "THANH-LONG")

cất cánh 18 giờ 15 mỗi thứ hai

SAIGON HONG-KONG

bằng DC.4 VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

cất cánh 7 g 30	) mỗi thứ tư
về tới Saigon 19 g 30	

SAIGON HONG-KONG : mỗi Chúa nhật và thứ Năm

HONG-KONG SAIGON : mỗi thứ Hai và thứ Sáu

(chung với AIR-FRANCE bằng SUPER-CONSTELLATION)

Xin hỏi **VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG**

116, Đại lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. 22.443-47 — 21.624 25 26

Société Indochinoise de Documentations et de Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Agents des Fabriques:

Métallurgiques DAVUM
Matériel technique

Exclusivités:

Whisky « BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « Les Océanides »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél: 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18, BEN BACH DANG — SAIGON



BÁCH-KHOA

Số 29 — Ngày 15-3-1958

QUANG-HUẤN	<i>Giai đoạn mới.</i>
HOÀNG-MINH-TUYNH	<i>Tổng thống Hiệp-Chúng-Quốc.</i>
G. B. TRẦN-ĐỨC-HUYỀN	<i>Đạo Khổng với óc Khoa học.</i>
HOÀNG-ĐÌNH-TRUẬT	<i>Nhận định phán vụ của Phụ nữ trong xã hội.</i>
TÂN-FONG-HIỆB.	<i>Alexandre Yersin.</i>
TIÊU-DÂN (dịch thuật)	<i>Hoa-kỳ tự vấn.</i>
THUẦN-PHONG.	<i>Phần đóng góp của Văn học Bình dân.</i>
PHẠM-HOÀNG-HỘ.	<i>Nguồn gốc loài người.</i>
VŨ-QUỲNH-BANG	<i>Nhớ ngày ly loạn.</i>
VÕ-PHIẾN	<i>Nghĩ về « Chàng và Nàng ».</i>
LƯU-NGHỊ	<i>Một bàn tay.</i>
TRƯƠNG-UẨN-NGỌC.	<i>Chiều (thơ).</i>
YÃ-HẠC và TRINH-NGUYÊN.	<i>Giấc mơ chót của cây dầu.</i>
YÃ-HẠC NGUYỄN-V.-TRUNG.	<i>Lăng tiêu hoa (thơ dịch).</i>
VI-HUYỀN-ĐẮC.	<i>Khói lửa kinh thành.</i>

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- NGUYỄN-HUY-THANH : *Những biện pháp để phát triển nền kinh tế các nước hậu tiến.*
- HOÀNG-MINH-TUYNH : *Chế độ dân chủ mác xít.*
- TRỰC-ĐỊNH : *Giông lố trên lục địa Trung-Hoa.*
- TIÊU-DÂN : *Tài giảm binh bị Thế giới.*
- CÔ-KIỀU-YIÊU : *Đề kỉ niệm Trung-Vương.*
- NGUYỄN-NGU-Í : *Nguyễn-Huệ hay là giấc mộng lớn chưa thành (tiếp theo).*
- NGUYỄN-VĂN-HÀM : *Nếp sống Đông Phương.*
- PHẠM-HOÀN-MĨ : *Phan-chu-Trinh, người đứng đầu gió.*
- HUYNH-ĐỆ : *Quyền tác giả.*
- MỸ-VIỆT : *Chung quanh vấn đề bảo vệ luân lý dân tộc.*
- VÕ-PHIẾN : *Lại nghĩ về « Chàng và Nàng ».*
- NGUYỄN-PHÚC : *Từ Thức bơ vơ.*
- YÃ-HẠC và TRINH-NGUYỄN : *Cô đơn.*
- YÃ-HẠC và TRINH-NGUYỄN : *Tiếng hát của Hà-lệ-Uyên,*

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : **90\$00** — 1 năm 24 số : **180\$**

Giá tiền trên đã tính cả cước phí.

TÒA SOẠN : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Bưu phiếu xin đề cho : **Ô. Huỳnh-văn-Lang**

Hộp thư 339 — SAIGON

GIAI ĐOẠN MỚI

Quang-Huân

NGUỜI ta đã nói nhiều đến hậu quả của những sự thực hiện kỹ thuật mới đây của Nga-sô. Hai vệ tinh nhân tạo phóng lên không trung cách nhau một tháng hầu như đã tỏ rõ cho thế giới sự tai hại của một thành công kỹ thuật trong tay những người mà mộng bá chủ thế giới là mục tiêu cuối cùng.

Qua những ngạc nhiên và lo âu ban đầu, những nhà lãnh đạo Tây Phương đã nhìn nhận rõ rằng : trên thực tế, sự thành công ấy của kỹ thuật Nga-Sô hiển nhiên là một đe dọa cho sự hòa bình của thế giới, hòa bình từ trước đến nay vẫn được đặt trên sự thăng bằng của lực lượng quân sự giữa hai nước Nga và Mỹ. Một điều đáng đề ý là dân chúng Mỹ, từ xưa đến nay, tin ở hàng rào phòng ngự quân lực của nước họ. Hiện nay điều tự tin ấy một phần nào đã tan rã. Dù chi tiết còn thiếu sót để có thể định rõ khả năng chiến thuật của những thực hiện của Nga - Sô, điều chắc chắn là những kỹ thuật gia Nga, khi phóng

được vệ tinh thứ hai nặng hơn 500 kg, đã giải quyết được vấn đề kỹ thuật liên quan đến việc phóng hỏa tiễn liên lục địa (I. C. B. M. = intercontinental ballistic missile), có thể từ những căn cứ trong bức màn sắt đi tới bất cứ một địa điểm nào trên thế giới. Chỉ cần giải quyết việc gắn vào đầu hỏa tiễn một phi đạn nguyên tử để có thể biến loại khí giới ấy thành một sức mạnh tàn phá ghê gớm.



Phản ứng của nước Mỹ trước một sự đe dọa như vậy đã rõ rệt : xúc tiến chương trình nghiên cứu hỏa tiễn của Mỹ, tổ chức lại hệ thống quân sự của khối Bắc Đại Tây Dương bằng cách đặt những dàn phóng hỏa tiễn bực Trung ở Tây Âu, lập khối cộng đồng nghiên cứu kỹ thuật và khoa học cho cả thế giới tự do, nhất là với các nước Tây Phương. Từ lâu, vai trò lãnh đạo sự bảo vệ thế giới tự do hầu như hoàn toàn do Mỹ-Quốc đảm nhiệm : ngày nay, người ta thấy rõ rằng

cần phải có một sự hợp tác chặt chẽ hơn giữa các nước Tây Phương để có thể đương đầu với sức mạnh một ngày một tăng lên của khối Cộng-Sản. Cuộc hội nghị cao cấp của các nhà lãnh đạo minh ước Đại-Tây-Dương tháng 12 năm 1957 không ngoài mục đích tìm một giải pháp để thống nhất những lực lượng kinh tế, chánh trị và quân sự của các nước trong minh ước, sự thống nhất đã nhiều khi nứt rạn vì những bất đồng ý kiến trong các biến chuyển gần đây ở Trung Đông và Tunisie. Thật ra nếu người ta không nghi ngờ gì về sự thành công của kỹ thuật Tây Phương để vượt khỏi những sự thực hiện kỹ thuật của Nga-Sô trong những năm gần đây, một khi dân chúng Mỹ nhận chân được nỗi hiểm nguy của một cuộc thua kém dù nhỏ nhen về kỹ thuật, thì trên phương diện chánh trị, sự đồng quan niệm của các nước Tây Phương quả đã rất mỏng manh. Quyền lợi riêng tư của một nước đã gần như mâu thuẫn với những ý niệm cần thiết cho mọi cuộc thống nhất hành động: người ta nhớ những lời đe dọa của đại biểu Pháp khi Anh Mỹ gửi khí giới cho Tunisie, và gần đây, Hòa-Lan hầu như muốn dựa trên lực lượng của minh ước Đại-Tây-Dương để giải quyết vấn đề tranh chấp với Nam-dương. Một số lớn các nước có chân trong minh ước ở gần bức màn sắt như Na-Uy, Đan-Mạch đã e ngại khi ngoại trưởng Dulles đưa ra đề nghị đặt những dàn phóng hỏa tiễn trong nước họ: dù sao, ở gần Liên-Sô hơn, họ hiểu nỗi hiểm nguy của đất nước họ, một khi một cuộc chiến tranh toàn diện xảy ra. Và người ta đã bám lấy một giải pháp đưa ra từ lâu: đặt

lại vấn đề thương thuyết với Liên-Sô trên cấp bậc tối cao để tìm một lối thoát cho sự chạy đua vũ trang và sự căng thẳng trên cuộc bang giao quốc tế. Người ta có cảm tưởng như là nền ngoại giao Mỹ cố đi đến sự thống nhất các lực lượng tự do để có thể chấp nhận một cuộc hội nghị Genève thứ hai cấp bậc quốc trưởng. Phóng vệ tinh nhân tạo, tuyên truyền ồ ạt về sự thành công của kỹ thuật và khoa học của Liên-Sô, âm mưu thành lập lại một mặt trận thống nhất của khối Cộng theo kiểu Kominform và Komintern: mục phiêu của các nhà lãnh đạo điện Kremlin đã rõ rệt: dọa nạt để chia rẽ các nước Tây-phương bằng cách tỏ rõ rằng Mỹ-Quốc không hẳn là một thành trì bất khả xâm phạm, cũng cố lập trường ngoại giao dựa trên uy thế quân sự, ngõ hầu đòi hỏi 1 cuộc chia đôi thiên hạ: một ý niệm đã được Molotov đưa ra từ lâu.



Trong sự tranh chấp hiện tại của 2 ý niệm Tự do và Cộng-sản mà mục phiêu cuối cùng là toàn thế giới, trọng tâm của hướng tiến vẫn là quần chúng năm châu. Sự thành công về kỹ thuật, quân sự hay không, chỉ là một phương tiện để phô trương sức mạnh. Nỗi lo ngại hiện thời không còn là nỗi lo ngại một cuộc chiến tranh thứ 3, quá đắt cho cả 2 bên vì sự hủy diệt sẽ không còn cho riêng ai nữa. Chúng ta đi đến một giai đoạn mới của cuộc tranh chấp: Giai đoạn dùng áp lực kinh tế và chánh trị để lôi kéo quần chúng năm châu. Gần đây, người ta thấy một sự kiện mới trong chiến lược của khối Cộng, hòa dịu để thâm nhập chánh trị: Pathet Lào trở về với chánh phủ, sự qui thuận

của các lãnh tụ Cộng ở Miến. Thêm vào đây, sự viện trợ kinh tế mỗi ngày một tăng gia của Nga-Sô cho các nước không hẳn là thân Cộng : Ấn - Độ, Ba-Tur, Soudan, Tân-Tích-Lan. Người ta thấy rõ ràng sự quan trọng trên ván bài quốc tế của các nước còn hậu tiến, tiềm lực quân sự không có là bao, nhưng dân chúng tuy đói khổ, nhưng đông đúc : tiếng nói của một người, như Bourguiba đã có tiếng vang quốc tế, vì nó có ảnh hưởng không riêng gì cho Tunisie mà cả trên Bắc Phi-Châu.

Vì, chung qui, đối tượng của một lý thuyết vẫn là quần chúng, sự đòi hỏi của họ về những quyền lợi tối thiểu cho con người, sự nao nức của họ trước những thực hiện kỹ thuật của một thế kỷ đang độ xoay chiều. Có thể rằng, trong những năm sau, những tiến triển của kỹ thuật chiến tranh sẽ quá cao để vấn đề tranh hùng bằng binh đao sẽ không đặt ra nữa : sự hủy diệt của kẻ gây chiến tranh cũng sẽ chắc chắn như sự hủy diệt của kẻ bị tấn công. Nhưng sự tranh chấp giữa các ý thức hệ sẽ trường cửu cùng loài người.

Nó sẽ được thể hiện bằng những thủ đoạn ngoại giao, vận động chính trị, áp lực kinh tế. Trên tiền tuyến của sự tranh chấp ấy, từ Cao-Ly đến Việt-Nam, qua Ấn-Độ sang Trung-Đông, những xáo trộn địa phương có thể là mầm gây ra những cuộc chiến nhỏ, cò diền mà ai cũng cố gắng để nó đừng lan rộng ra thành chiến tranh toàn diện.



Chúng ta cần phải ý thức giai đoạn mới của cuộc tranh chấp giữa hai thức hệ, vì, dù muốn dù không, chúng ta đã đứng ở

tiền tuyến của lẫn ranh giới. Nhưng cần nêu lên đây giòng tư tưởng sai lầm của nhiều giới trong nước nghĩ rằng một mai nếu nhà cầm quyền phương Bắc muốn thanh toán việc thống nhất xứ sở bằng võ lực kiểu Cao-Ly, hay bằng chánh trị kiểu Syrie thì sẽ xảy ra chiến tranh toàn diện. Điều cần thiết là phải độ được rằng thế giới ngày nay, dù là thế giới tự do, có nhận chịu một cuộc chiến tranh toàn diện để thanh-toán một cuộc gây hấn địa phương chẳng ? Kinh nghiệm những gì đã xảy ra ở Hung-Gia-lợi, Ai-Cập và Syrie chứng tỏ rằng nếu cần cứu vãn hòa bình và văn minh của nhân loại, người ta có thể hy sinh lẽ phải.

Biết như vậy để nhận định rõ được vị trí chánh trị và ngoại giao của phân nửa đất nước, tuy còn tự do, nhưng nằm giữa một Ai-Lao đang thỏa hiệp với Pathet Lào, một Cao-Miên chấp nhận nguyên tắc chung sống hòa bình và một Ấn-Độ vẫn còn hoài vọng bắc một nhịp cầu giữa hai lý tưởng dị đồng.



Hội nghị Bắc Đại Tây Dương bế mạc. Ngoài một bản thông cáo kêu gọi sự đồng tâm nhất trí của các nước tự do, người ta đã thấy xuất hiện rõ rệt một ý muốn cần phải tìm một sự thỏa hiệp dù là tạm thời giữa hai khối về các vấn đề trọng đại : tài binh, hạn chế sự sản xuất khí giới nguyên tử. Quan niệm cứng rắn của Ngoại trưởng Dulles đã bị chỉ trích rất nhiều, một phần lớn các nước Âu-Châu nghĩ rằng để Mỹ Quốc đặt trên nước họ những dàn hỏa tiễn bậc trung chỉ là một giải pháp quân sự tạm thời. Trong một Âu-Châu đã bị tàn phá hai lần bởi chiến tranh tàn khốc trong một

nửa thế kỷ, viễn vọng một cuộc chiến tranh nguyên tử giữa hai khối ngay trên Âu Châu là một viễn vọng hãi hùng. Vì vậy nên người ta đã nói rất nhiều đến ý kiến đưa ra bởi Ông G. E. Kennan, nguyên Đại sứ Mỹ ở Mạc-Tư-Khoa: tìm một thỏa hiệp dù là tạm thời giữa Nga Mỹ để trung lập hóa một số các nước Trung Âu với điều kiện là Quân Đội Nga rút khỏi một vài căn cứ ở Tây-Âu. Hy vọng mong manh, nhưng theo lời Ông G. E. Kennan, hy vọng cuối cùng để ra thoát khỏi cái vòng luẩn quẩn của một cuộc chạy đua vũ trang một ngày một sâu sắc hơn. Ý kiến của Ông Kennan đưa ra đã được giới Mạc-Tư-Khoa tán thành, phải chăng là nó có thể mở đầu cho một cuộc trung lập hóa một phần lớn các nước Âu-Châu, với một giá quá đắt cho Mỹ vì như vậy chắc chắn sẽ đưa đến sự cô lập hóa nước Mỹ và sự tan rã Minh ước Đại Tây Dương. Dựa trên sự thành công của kỹ thuật hòa tiền các nhà lãnh đạo ở Mạc-Tư-Khoa không muốn gì hơn là tách khỏi nước Mỹ một số các Đồng Minh của họ, một phần lớn các nước này ở gần Nga, để bị tàn phá khốc liệt trong một cuộc chiến tranh tương lai. Tâm lý chung của con người bao giờ cũng vậy lo sợ trước hiểm họa gần (hòa tiền Nga-Sô) và nhắm mắt trước hiểm họa xa (Mộng Cộng-Sản-Hóa toàn thế giới). Thái độ cứng rắn của Ngoại Trưởng Dulles trước những đề nghị mới đây của Liên-Sô có thể là một thái độ can đảm và khôn ngoan, can đảm và khôn ngoan như thái độ của Ông Eden năm 1939 khi Chamberlain tưởng rằng cứu vãn được hòa bình bằng cách hy sinh Tiệp Khắc trên ván bài Munich. Phải chăng, rồi đây, dưới áp lực của một số các nước của Minh Ước đòi một cuộc gặp gỡ Đông-Tây trên cấp bậc

thủ lĩnh để giải quyết những vấn đề còn nguyên vẹn từ hội nghị Genève đến nay, nền ngoại giao Mỹ sẽ từ bỏ địa hạt cứng rắn của Ông Dulles mà có một thái độ thỏa hiệp, thỏa hiệp nguy hiểm vì hậu quả sẽ tai hại cho tương lai của văn minh nhân loại ?

✱

Vệ tinh nhân tạo — hòa tiền liên lục địa — Thế giới của năm 1958 đi về một hướng mới. Kỹ thuật, Khoa học đã là một động lực thúc đẩy, hơn thế, một yếu tố quyết định của mọi liên hệ ngoại giao, một lợi khí tuyên truyền đập mạnh vào óc dân chúng năm châu mà bản tính sanh tồn mạnh mẽ hơn bao giờ trước hiểm họa tận diệt. Nhưng, nhìn về tương lai, nếu vì sợ bị tận diệt mà người ta chấp nhận một cuộc chia đôi thiên hạ để có một hòa bình gượng gạo tạm thời thì có nên chăng người ta chỉ lùi cái giờ « 25 » của cả nhân loại thôi. Dù muốn dù không, vấn đề là một vấn đề thời gian. Có thể rằng người ta quan niệm thời gian một cách khác ở Hoa Thịnh-Đốn và Mạc-Tư-Khoa. Con người Mỹ nghĩ rằng với thời gian họ sẽ thực hiện được một sự vượt bậc trong kỹ thuật chiến tranh, đảm bảo nền hòa bình hiện tại trong tự do cho thế giới bên này bức màn sắt và thúc đẩy một cuộc khởi nghĩa toàn diện bên kia bức màn sắt. Con người Liên Sô nghĩ rằng với thời gian họ sẽ củng cố được nội bộ, thực hiện được những chương trình to rộng về khoa học và kinh tế, và với một thể hệ mới hoàn toàn trưởng thành trong ý thức hệ Cộng-sản, họ sẽ có đủ sức mạnh để tiếp tục cuộc trường chinh khởi diễn từ tháng 10 năm 1917 và mục đích là toàn thể năm Châu.

QUANG-HUẤN

CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ CỎ ĐIỀN :

Hiệp-Chúng-Quốc Mỹ-Châu

Hoàng-minh-Tuynh

Chế độ lập hiến Hiệp-Chúng-Quốc

(tiếp theo)

D. — TÔNG THỐNG HIỆP-CHÚNG-QUỐC

1) Thẻ thức bầu cử Tổng-thống.

Theo Hiến pháp năm 1787 do tu chính án 12 đã sửa đổi lại năm 1804 thì mỗi tiểu bang thực tế đề cử, theo thẻ thức phổ thông đầu phiếu, một số người họp thành cử tri bầu Tổng-thống; số này ngang với tổng số nghị viên của Thượng và Hạ nghị viện. Trong trường hợp các vị đại biểu họp thành cử tri bầu Tổng thống này không gom được đa số tuyệt đối thì Hạ nghị viện được quyền bầu lên Tổng thống một trong ba người được nhiều phiếu nhất. Song như ta đã biết, các đại biểu bầu Tổng thống tự coi như có bốn phần phải bầu cho ứng cử viên của đảng đã bầu họ lên, nên thường bao giờ cũng bầu được đa số tuyệt đối, trừ có năm 1824. Vì vậy

việc bầu Tổng thống tại Hiệp-chúng-quốc có thể coi như do dân chúng trực tiếp bầu lấy và một khi thấy đảng nào chiếm được đa số, người ta biết ngay vị Tổng thống là ai rồi. Việc đầu phiếu của các đại biểu bầu Tổng thống, chỉ là vấn đề hình thức mà thôi.

Nhiệm kỳ của Tổng thống là bốn năm, có thể tái cử. Trước ông F.D. Roosevelt, có tục lệ mỗi vị Tổng thống chỉ được tái cử một lần. Ông Roosevelt được bầu tới ba lần nên chính ông đã phá tục lệ trên.

2) Các vị bộ trưởng.

Tổng thống được quyền lựa chọn các bộ trưởng, nhưng phải được Thượng nghị viện chấp thuận. — Trái với chế độ nghị

viện, ta có thể nhận thấy mấy đặc điểm dưới đây trong chế độ Tổng thống Hiệp-Chúng-Quốc về địa vị của các bộ trưởng :

a) Tổng thống tự do lựa chọn các bộ trưởng, chỉ cần sự thỏa thuận của Thượng nghị viện. — Các bộ trưởng chỉ chịu trách nhiệm về phương diện chính trị với Tổng thống, chứ không với Quốc Hội và vì vậy Quốc Hội không thể truất bãi được.

b) Không có Nội Các. — Các bộ trưởng điều khiển tổ chức hành chính, làm cố vấn cho Tổng thống, nhưng không hợp thành Nội các. Tổng thống quyết định mọi việc, dù đa số bộ trưởng không tán thành.

c) Tổng thống muốn thăm dò ý kiến của ai tùy ý, và thường hay thăm dò ý kiến của những người không phải là bộ trưởng mà cũng không phải là nghị viên.

3) Quyền hạn của Tổng thống.

a) Đứng đầu nắm quyền hành pháp, Tổng thống chỉ huy tổ chức hành chính, có quyền ban hành những pháp qui gọi là executive orders để thi hành luật pháp và điều khiển chính sách đối ngoại (song các hiệp ước phải được Thượng nghị viện chuẩn nhận).

b) Đối với Quốc Hội, Tổng thống không có quyền giải tán bất cứ viện nào, nhưng Tổng thống có một quyền rất quan trọng là quyền phủ quyết đối với luật pháp — Tổng thống có thể không chuẩn nhận một đạo luật đã được Quốc Hội biểu quyết và trong trường hợp này, quyền phủ quyết của Tổng thống phải có một cuộc

biểu quyết mới với đa số 2/3 trong mỗi viện mới phá nổi.

c) Trong thời khủng hoảng hay trong thời chiến tranh, Tổng thống có thể được Quốc Hội trao cho quyền hành hết sức rộng, nhất là trong thời kỳ chiến tranh, quyền của Tổng thống có thể sánh với quyền của một nhà độc tài La-Mã ngày xưa.

4) Phó Tổng-thống Hiệp-chúng-quốc.

Phó Tổng thống cùng bầu một trật với Tổng thống và cách thức bầu cũng tương tự với cách thức bầu Tổng thống. Phó Tổng thống chủ tọa Thượng nghị viện và khi khuyết vị Tổng thống, được lên chức vị Tổng thống. Như trường hợp Ông Truman trước đây chỉ là Phó Tổng thống ; khi Ông Roosevelt qua đời, ông được cử lên chức vị Tổng thống năm 1945.

5) Tổng thống Hiệp-chúng-quốc vừa là Quốc-trưởng vừa là Thủ-tướng.

Trong chế độ nghị viện, người ta thường phân biệt Quốc trưởng (Vua hay Tổng thống) người đứng làm trọng tài và tượng trưng, với Thủ tướng chính phủ người thực tế điều khiển hành chính và chính sách đối ngoại. Trái lại, trong chế độ Tổng thống, vị Tổng thống vì bầu lên bằng thế thức phổ thông đầu phiếu, nên kiêm giữ cả hai chức vụ : chức vụ Quốc trưởng và chức vụ Thủ tướng Chính phủ.

E) TỔ CHỨC TƯ PHÁP LIÊN BANG

Như chúng tôi đã trình bày trước đây, mỗi tiểu bang Hiệp-Chúng-quốc đều có tổ chức tư pháp riêng, song ngoài và trên,

còn có tổ chức tư pháp Liên bang nữa.
— Ta có thể nhận thấy mấy điểm chính sau đây trong tổ chức tư pháp liên bang :

1) Trong các án vụ, người ta cần phân biệt vụ nào thuộc thẩm quyền các tòa án tiểu bang và vụ nào thuộc thẩm quyền các tòa án liên bang. Tiêu chuẩn căn cứ để phân biệt thường dựa vào những qui tắc rất phức tạp, vào bản chất của mỗi vụ, hoặc vào thể nhân hay pháp nhân dự tụng, nghĩa là có dự vào việc kiện tụng.

2^o) Các thẩm phán tiểu bang thường do dân cử, các thẩm phán liên bang thường do Tổng thống đề cử, được Thượng nghị viện chuẩn nhận.

3^o) Tư pháp liên bang gồm ba cấp : các tòa án khu, các tòa thượng thẩm liên bang (Circuit courts of appeal) và Tối cao Pháp viện.

4^o) Tối cao Pháp viện có uy thế đặc biệt không những vì là một tổ chức quan trọng do Hiến pháp qui định, mà còn vì nhiều lẽ khác nữa : Trước hết tổ chức Tối cao Pháp viện có đầy đủ bảo đảm về quyền độc lập, khiến cho mọi người tôn trọng, uy tín vì thế đối với quốc dân lên rất cao. Thứ nữa, cấp Tối cao Pháp viện là cấp tối cao đối với pháp quyền liên bang cũng như tiểu bang — Sau hết mỗi khi có án vụ nào gây nên vấn đề vi hiến (1) của luật pháp (như khi có khước biện vi vi hiến pháp tính hay bất hợp hiến tính) thường là án vụ quan trọng, các người tranh tụng kiện nhau tới kỳ cùng, và kỳ cùng có nghĩa là

tới nhờ Tối cao Pháp viện làm trọng tài phân xử tối hậu.

F) VẤN ĐỀ CHÍNH ĐẢNG

Trong một số báo trước đây, chúng tôi đã bàn về nguồn gốc và tầm quan trọng của các đảng phái chính trị Hiệp-chúng-quốc và cần phải hiểu nghĩa « đảng phái » tại Hiệp-chúng quốc như thế nào ? Tổ chức nội bộ các đảng phái và các định chế của họ là những yếu tố cốt thiết trong cuộc sinh hoạt chính trị Hiệp-Chúng-Quốc cho đến nỗi các sách vở luận về luật Hiến pháp nào cũng dành riêng một thiên bàn về các vấn đề trên. Chính tại các viện Đại học, cũng có những ban mở riêng dạy về vấn đề chính đảng nữa.

Cơ cấu các chính đảng gồm những cơ quan thường trực như ủy ban quốc gia, ủy ban tiểu bang và ủy ban địa phương. Lại có tổ chức Hợp ước chính đảng, là những hội nghị họp đề cử cho mỗi chính đảng một người ra tranh cử Tổng thống và có cuộc tấn phong Tổng thống tương lai. Cuộc tấn phong rất gay go và nhiều khi vị Tổng thống tương lai được toàn quốc bầu lên còn tương đối dễ dàng và dờ dặt vật hơn là khi được chính đảng của mình tấn phong nữa.

CHÍNH TÌNH HIỆN THỰC TẠI HIỆP-CHÚNG-QUỐC

Cũng theo một thể thức khi trình bày về Anh quốc, chúng tôi xin ghi mấy điểm sau đây tuy không có xác định bằng một

(1) Vi hiến : trái với qui định của hiến-pháp là pháp luật căn bản của quốc gia làm qui mô cho pháp luật thường.

bản văn nào nhưng thực tế đã kết thành nền tảng cho cuộc sinh hoạt chính trị tại Hiệp-chúng-quốc.

1^o) *Nhưng công việc làm khi thực hành đã « uốn cong » nhiều điều khoản trong Hiến pháp. — Theo chế độ Tổng thống, về nguyên tắc và cứ bề ngoài mà xét thì có sự phân quyền rõ rệt và dứt khoát giữa quyền lập pháp và quyền hành pháp. Nhưng trên thực tế, không phải không có những cuộc tiếp xúc mật thiết giữa Tổng-thống và Quốc Hội. Những cuộc tiếp xúc thường do chính đảng của Tổng thống đứng là n trung gian ; cũng có khi có những cuộc « mả cả, trả giá » giữa Tổng thống và Thượng nghị viện trong việc đề cử các công chức cao cấp v. v... Người ta gọi đó là « chế độ nghị viện giả chứng ». Ông Wilson gọi đó là « chế độ nghị viện ngoài hành lang ».*

2^o) *Chế độ Tổng thống trong nhiều nước (các nước Mỹ châu la-tinh, nước Pháp năm 1848) đã tỏ ra là một chế độ*

để bị đảo chính bất ngờ. Tại Hiệp-chúng-quốc, khó lòng xảy ra một biến cố như vậy bởi lẽ người dân Mỹ tiêm nhiễm tinh thần dân chủ khoáng đạt rất sâu xa. Những cuộc đảo chính phiêu lưu không dễ gì được họ hưởng ứng tích cực.

3^o) *Hơn cả tại Anh quốc, tại Hiệp-chúng-quốc, có một sự thỏa thuận căn bản của phần lớn dân chúng Mỹ về một quan niệm nhân bản và nhân sinh, thấm nhuần tinh thần cá nhân chủ nghĩa, lạc quan chủ nghĩa và khế ước thực dụng. — Sự thành công của họ về kinh tế đã khiến cho Hiệp-chúng-quốc đạt tới mức sinh hoạt cao nhất và cắt bớt cho họ khỏi giải quyết nhiều vấn đề gai góc các nước khác đã từng vấp phải và chính đã bắt nguồn từ những cuộc khủng hoảng chính trị nội bộ của các nước này.*

HOÀNG-MINH-TUYNH biên khảo

Kỳ sau : Chế độ dân chủ mác xít.

Danh ngôn, danh lý trong số này
QUY VỀ Ý CHÍNH
« nhân ái »

★ Người nhân thường rộng yêu cả loài người.
LỄ-KỶ

★ Tôi tìm kiếm bạn tôi, khi bạn tôi khổ sở ; tôi chờ đợi bạn tôi khi bạn tôi sung sướng.

KHUYẾT-DANH

ĐẠO KHÔNG VỚI ÓC KHOA-HỌC

G. B. TRẦN-ĐỨC-HUYỀN

GẦN đây một làn gió mới tìm học Không-tử lại bắt đầu thổi ở Việt-Nam. Đáng mừng chăng? Xin đề thời gian trả lời. Nhưng thật rất đáng phân nân nếu sự học hỏi này không đi đôi với một tinh thần và óc xét đoán chọn lọc *khoa học*. Không có tinh thần đó, làn gió học Không mới chớm bắt đầu chỉ trở về thổi lại cát bụi trên con đường cũ mà Trung-hoa và Việt-Nam đã đi lại luồn quần từng bao nhiêu thế kỷ mà không đến đâu.

Đây tôi xin bàn tới mấy vấn đề cần biết rõ trước và đang khi nghiên cứu Không-giáo.

I. Vấn đề tên Không-giáo và Đạo Không:

Chữ Không giáo hay Đạo Không dùng đây không có gì ngoài ý tứ và tư tưởng của Không-tử. Hẳn là tôi cũng cùng ý với người viết bài: *Không học không phải là*

một tôn giáo đăng trong Minh-Tân số 2 ra ngày mùng 4 tháng 5 (1957, tr. 1 và 4) mà cho rằng Đạo Không không phải là một tôn giáo; nhưng không vì thế mà ta không có thể gọi là Đạo Không hay Không giáo. *Giáo* hay *Đạo* theo nghĩa cổ điển chỉ là lý thuyết, giáo lý (doctrine, enseignements) vì *Đạo* là đường lối, *giáo* là dạy bảo v.v. Xin dẫn ra đây một ví dụ: chương đầu sách Trung-Dung, ta thấy: *Thiên mệnh chi vị tính, xuất tính chi vị Đạo, tu Đạo chi vị Giáo*! *Đạo* và *Giáo* đây hẳn không phải là tôn giáo.

Chính Không phu tử cũng gọi lý thuyết của ngài là *Đạo* là gì: *Ngô Đạo nhất dĩ quán chi* (Luận-ngữ 4, 15; 15, 2: tức chương Lý-nhân và Vệ-linh-Công) hay *Đạo bất hành* (L.N 5,6 và Trung-Dung 4-5). Mãi gần đây chữ *Đạo* và *Giáo* mới có nghĩa là tôn giáo.

Bởi thế gọi lý thuyết của Không-Tử là Đạo hay Giáo thật ra rất đúng với kinh sách và ý tứ của ngài; gọi như thế là đúng tinh thần khoa học mà người Việt-Nam rất ưa chuộng: *nói có sách mách có chứng*. Người viết bài báo mà tôi nhắc tới trên kia, trách Lê-Thần Trần-trọng-Kim về việc đặt tên sách của cụ là Nho-giáo. Hoặc tác giả bài nói trên có khi đã không đọc kỹ sách của họ Trần. Sợ có người hiểu nhầm cụ Lê-Thần T.T.Kim đã phải chua ngay bằng tiếng Pháp một đầu đề nhỏ: *La doctrine des Lettrés*. Tức là cụ đã hiểu chữ giáo theo ý nghĩa kinh điển của nó là lý thuyết, giáo lý (doctrine) chứ không phải là tôn giáo (religion).

Đã nhận rằng Không không phải là một tôn giáo, tưởng không nên làm Đức Không-Tử trở thành một nhân vật tôn giáo. Đó là điểm thứ hai tôi muốn bàn tới.

II. — Con người Đức Không Tử.

Đây chỉ là một vấn đề xương tủy của Đạo Không: vấn đề chính danh, mà khi còn sống, Không-phu-Tử vẫn chủ trương.

Có nên gọi Không-tử là thánh không?

— Đại đức chí thành chí thánh;

— Đại chí thánh v. v.

Không-Tử có là một siêu nhân (surhomme) không?

Theo thiên kiến, không gì trái với tư tưởng của Không-Tử bằng mấy tên đó.

Không-Tử « trời sinh ra có đức » (L.N. 7,22), ai cũng công nhận điều ấy, nhưng làm thánh và nhân, ngài đâu có dám! (tác ngô khởi cảm: L.N. 7,33). Ngay đến làm bậc quân tử hoàn toàn ngài cũng còn do dự chưa quả quyết dám nhận (T.D. 13; L.N. 7,32: tác ngô vị chi hữu đắc). Ngài khiêm tốn? Rất đúng, vì khiêm tốn là sự thật (l'humilité c'est la vérité).

Về mặt học hỏi, ngài cũng đã phải vất vả cặm cụi như ai; phải học như cắt như cưa, như giũa như mài (như thiết như tha như mác như ma) mới hiểu rõ lẽ trời, nên ngài mới thốt ra câu: « Chẳng phải ta vừa đẻ ra đã biết ngay. Chỉ vì thích đạo của người xưa nên ta cặm cụi để tìm tòi học cho biết, thế thôi » (: ngã phi sinh nhi tri chi giả; hiểu cồ, mẫn dĩ cầu chi giả dã. L.N. 7,19).

Không-Tử đâu có là một siêu nhân! Ngài là một người như trăm họ, nguyện thành một người hoàn toàn và nhất định chỉ sống giữa loài người để thay đổi những kẻ uơu hèn (ngô phi tư nhân chi đồ dữ, nhi thùy dữ? L.N. 18,6). Trong sách Trung-Dung ngài còn nói rõ ràng hơn « Tìm tòi những điều bí ẩn, làm những việc lạ lùng để đời sau có người kể lại, ta không có thêm làm như thế (sách ẩn, hành quái hậu thế hữu thuật yên ngô phát vi chi hỹ. T.D. 11; chữ thuật đây có nghĩa là kể lại, chứ không phải pháp thuật như có người đã làm.)

Như thế đủ hiểu Không-Tử không phải và cũng không bao giờ muốn là một *siêu nhân*. Ngài đã không muốn, sao đời sau lại cứ *bắt phải* nhận cái tên hiệu cao xa ấy ? Đề tôn kính ? Phải, ta nên *kính trọng* ngài, nhưng không tôn thờ ngài như một vị thánh siêu phàm, quá sự thật của ngài. Những người học và theo lý thuyết của ngài nếu không muốn tự mâu thuẫn, tưởng phải thực hiện đúng giáo lý của ngài là: Vụ dân chi nghĩa, kính quý thần nhi viễn chi (L.N. 6,20) và: phi kỳ quý nhi tế chi, siểm dã (L.N. 2,24). Quý thần đây là tất cả những người đã khuất núi, đã về thế giới bên kia. Kính trọng ngài cũng như kính trọng một vị anh hùng cứu nước của ta: Trần-hưng-Đạo, Quang-Trung.

Trần-hưng-Đạo, Quang-Trung đã có công cứu nước về mặt chính trị, nên giá trị và công trạng chỉ đóng khuôn trong giới hạn nước nhà. Không-Tử đã cứu nước và thế hệ của ngài bên Trung-Hoa trong khu vực tinh thần: giá trị tinh thần thường không chịu bó buộc trong vòng bờ cõi một nước; vì thế mà ảnh hưởng của Đức Trọng-Ni đã lan tràn tới Việt-Nam. Thế thôi ! Những giá trị nào được lan tràn ra ngoài bờ cõi một nước và đứng vững lâu dài, là những giá trị chung của loài người: những giá trị mà Không-Tử đã có công khai thác, tìm thấy và lưu truyền lại cho đời sau. Kính là kính ở chỗ đó, và trọng cũng là trọng ở chỗ đó, chứ tưởng không kính trọng nên ở những chỗ *sách ần hành quái* !

Do đây dễ biết con người hoàn toàn của Không-Tử, người học nên có tinh

thần khoa học của thế kỷ thứ 20 này, nên căn cứ vào những tài liệu thật xác đáng và gạt bỏ ra ngoài những gì là truyền tụng hoang đường, như truyện kỳ lân và của rơi ngoài đường không ai nhặt... Ngài chưa bao giờ có tài thần thánh biến đổi lòng người dân cả một nước trong vòng mấy tháng mấy năm hay cả đời ngài đi nữa.

Đạo lý của ngài cao cả, tốt lành nhưng khắc khổ, chứ không có cái mùi vị dịu ngọt quyến rũ nôi lòng người trong chốc lát: lòng người hay thiên về vật dục và ích kỷ chứ không dễ dàng ngả về đạo đức luân lý. Chúng có là chính lúc mà người ta cho rằng đạo lý của đức Không-Tử đã hoàn toàn đổi mới nước Lỗ, là lúc đạo lý ấy đến ngày đổ vỡ: nước Lỗ vẫn còn có Lỗ - Định - Vương và Quý - Hoàn - Tử ham mê bọn đào kép và mấy con ngựa tốt, đến nỗi bỏ rơi Không-phu-Tử và lễ, nghĩa, đạo đức của ngài !

Thuyết *tính thiện* là của Mạnh-Tử. Không-Tử bênh vực thuyết *tính trực* (L.N. 6,17). Là người thực tế, Không-Tử đã nhận thấy rằng rất ít người có thể theo nôi đạo lý của ngài (dân tiền năng, cửu hỷ. T.D. 3; tri đức giả, tiền hỷ. L.N. 15,3). Ngay Tử-Lộ, học trò gần hơn hết của ngài mà cũng không muốn đi đến nơi đến chốn, đề đến nỗi ngài quở: « Tên Do đã lên tới thềm mà không chịu bước vào nhà » (L.N. 11,14). Cả Nhiễm-Câu cũng đã có lần bị trách như thế (Lực bất túc giả, trung đạo nhi phế; kim như hoạch ! (L.N. 6,10). Như thế làm sao có thể

nói rằng đã có thời của rơi không ai nhặt . . . ?

Nên đặt Không-Tử vào địa vị của ngài ! Phải thực tế như Không-Tử mới hiểu rõ Không-Tử. Tìm Không-Tử ở chỗ tưởng tượng mơ hồ nào đó e đi đến mâu thuẫn và hoang đường. Muốn không hoang đường tất phải phải có bằng chứng, tài liệu chắc chắn. Đó là vấn đề Kinh thư mà tôi xin bàn dưới đây.

III Kinh Thư

Muốn biết Không-Tử không gì bằng theo rõi Kinh thư. Nhưng không phải bất kỳ sách gì, nói thế nào về Không-Tử đều là đúng là thật cả. Mạnh-Tử nói : « Tận tín thư, tắc bất như vô thư » (Tận-tâm hạ, VII b, 3) là có ý phân biệt thật giả trong kinh sách. Những truyện đánh nhau máu chảy ngáp chày cối giã gạo Mạnh-Kha không tin (cũng chương Tận-Tam hạ ; x. thiên Vô-thành, Kinh-thư, IV, 3).

Sống giữa thời đại này, chúng ta cần biết phê bình cho chính đáng và khoa học, không nên nhắm mắt nhận lấy tất cả những sách cũ và cho là xác thật. Về mặt này người Âu-châu họ cần thận hơn người Á-đông rất nhiều.

Không ai còn lạ việc đốt sách và chôn sống nhà nho đời Tần-Thủy-Hoàng-

Đế năm 213 trước lịch tây, và việc tử sách nhà vua bị thiêu trụi ra tro trong hồi cách mạng lật đổ nhà Tần năm 206 trước tây lịch. Phải bao nhiêu khó khăn vất vả để viết lại những sách cũ của Không-Tử và môn đệ ngoài. Nhưng sách viết lại *thuộc lòng* theo lối chữ mới (Thủy-Hoàng đã đòi lối chữ viết thành dễ dàng đơn sơ) như thế biết đâu đã đúng cả. Rồi những sách tìm thấy trong bức vách kếp ở nhà họ Không, ai dám chắc hẳn là không có sự gian dối ? Quyển Lễ-Ký (chính là Lễ-Kinh, gồm có Chu-lễ, Nghi-lễ hay Lễ-nghi và Lễ-ký) chỉ thành hình như bây giờ từ thế kỷ thứ 2 tây lịch, nghĩa là gần 7 trăm năm sau khi Không-Tử mất. Vì thế nên chính người Trung-Hoa cũng cho sách không đáng tin cậy. Quyển Không-Tử gia ngữ cũng vậy.

Bởi đó, tưởng không bao giờ ta có thể cho mình là cần thận đủ trong việc dùng những kinh thư cũ của Trung-Hoa.

Ngoài ra còn có nhiều — rất nhiều — người không chịu phân biệt tư tưởng của dân Trung-Hoa với tư tưởng riêng của Trọng-Ní ; họ cũng không biết phân biệt Không-Tử với môn đệ của ngài ; Đạo Không chính thống với Đạo Không của đệ tử, hay Không giáo mới.

Tôi chỉ xin kê ra đây vài ví dụ để dẫn chứng cho việc cần phân biệt nói trên :

Trước Khổng-Tử, người Trung Hoa đã có một quan niệm rõ rệt về Thượng Đế. Quan niệm này ở Khổng-Tử không những không được thêm thắt gì cho sáng sủa hơn, mà trái lại còn bị bỏ rơi lu mờ đi nữa. Thật ra Khổng tử chỉ nói tới Trời (Thiên), chứ tên Thượng-Đế ngài chỉ nói tới có một lần, và hai hay ba lần nhắc đến tiếng Đế. Lần duy nhất nói tới tên Thượng Đế là ở sách Trung-Dung : « Giao, Xá chi lễ, sở dĩ sự Thượng-Đế giả » (T. D. 19).

Nhưng nếu đem so sánh câu ấy với câu sau đây trong Lễ-Ký, ta thấy tư tưởng rất khác nhau : « Giao tự Hậu-tắc, dĩ phối thiên ; Tông tự Văn vương ư Minh-đường dĩ phối Thượng - Đế » (Trần - trọng - Kim, Nho-giáo, Hà-nội, q. I, 1932, tr. 60-61). Tự là thờ kính, Phối chỉ là thông cảm, phối hưởng.

Theo sử sách thì lễ Giao và lễ Đế là để thờ Trời, năm năm mới có một lần. Lễ Tác thì để tế thần Đất, lễ Xá tế thần mùa màng (Thần Nông ?). Còn lễ Tông miếu hay lễ Thường để tế tổ tiên (sở dĩ tự hồ kỳ tiên giả. T. D. 19). Thế mà Trung-Dung thì cho cả lễ Xá để sự Thượng-Đế ; sách Lễ-Ký trái lại cho cả lễ Giao để tự Hậu tắc thông cảm hay phối hưởng (phối so sánh đôi) với Trời. Thiết tưởng có thể thôi !

Vì thế mà chúng tôi nói là tư tưởng chung của dân tộc Tàu không phải là tư tưởng của Khổng-Tử. Chưa chắc đâu là tất cả những gì Trung-hoa xưa tin đều tưởng đều được Khổng - Tử công nhận cả. Khổng-Tử có tin và thờ Thượng-Đế như các người Trung-Hoa khác trước và cùng thời với ngài không ? Quan-niệm về Trời của phu tử có đầy đủ bằng quan niệm Thượng-Đế của người xưa không ? Đó là những câu hỏi cần được xét khảo kỹ lưỡng.

Chắc có người quả quyết : « Thì Khổng Tử chả nói : *thuật nhi bất tác* là gì ?

Nếu thật thế thì công của Khổng-phu-Tử nhỏ nhoi ít ỏi quá. Nhưng trong loài người, chưa một ai có thể thuật lại điều gì mà không thêm bớt đi một chút ; nếu không thay đổi ý tưởng thì ít ra cũng thay đổi lời nói, giọng nói và cảm tình.

Cùng với tinh thần phân biệt ấy, ta phải phân biệt Khổng-Tử với môn đệ và các kẻ đến sau ngài. Biết bao nhiêu câu bắt đầu bằng *tử viết* đã là những nhát búa phá hoại giáo lý thực thụ của Khổng-Tử. Đây là mối nguy do Khổng giáo mới (Néo-confucianisme).

Phân biệt một cách cẩn thận như thế, ta mới có thể đi tới một Đạo Khổng chính thống hoàn toàn được.

ĐẠO KHÔNG VỚI ÓC KHOA HỌC

Mỗi người có một cái tôi (bản ngã) riêng biệt, không thể lẫn lộn với cái tôi của ai khác.

Tìm học giáo lý của Không Tử với tinh thần khoa học, khách quan và thiết thực tức là làm vinh dự cho Không-Tử và Không giáo. Đặt Không-Tử vào địa vị lịch sử của ngài, vào chỗ danh dự mà thật sự ngài đáng, tức là yêu sự thật : sự thật không bao giờ sợ ánh sáng khoa học.

Không giáo đã luôn được kết quả cũng là vì Không giáo đã tiến tới sự thật, đã tìm thấy một phần — một phần chứ chưa tất cả — sự thật trong bản tính và mục đích đời sống con người ; đã dám nói lên những gì mà cái phần linh thiêng cao thượng trong con người đòi hỏi mong muốn.

G. B. TRẦN-ĐỨC-HUYỀN

*Viết tại Rô-ma ngày 7 tháng chạp
năm 1957 lịch tây*

★ Thượng - Đế muốn rằng có thật yêu người mới làm được điều nhân.

LACORDAIRE

★ Muốn cho người yêu mình, trước hết phải yêu người đã.
QUỐC-NGŨ

★ Kẻ đặt giới hạn cho tình yêu không thể biết thế nào là tình yêu.
BOSSUET

★ Dùng « nhân » để trị người, dùng « nghĩa » để trị ta.
ĐỒNG-TRỌNG-THU

★ Thượng - Đế xét cách cho chứ không xét của cho.
ĐỨC CHA GAY

★ Người ta nhân thì vinh, bất nhân thì nhục.
MẠNH-TỬ

NHẬN ĐỊNH PHÂN VỤ CỦA PHỤ NỮ

TRONG XÃ HỘI

HOÀNG-ĐÌNH-TRUẬT

I. — Nhận định tình trạng hiện thời

Cuộc trưng cầu dân ý, cuộc tổng tuyển cử và thành lập Quốc hội Việt-Nam trong mấy năm vừa qua không những là biến cố quan trọng trong lịch sử độc lập nước nhà, nhưng còn là biến cố quan trọng không kém trong lịch sử của thân thể và quyền lợi giới phụ nữ Việt-Nam : vì giới phụ nữ đã chính thức tham gia trong các hoạt động đó ! Một bước khổng lồ đã vượt qua : từ địa vị trong bóng tối, phụ nữ Việt Nam đã vượt lên trên bậc thang xã hội, biểu quyết quyền lợi mình bình đẳng bình quyền với nam giới.

(Phong trào nữ quyền đã thấy chớm nở ở Việt Nam đã từ lâu, dưới hình thức phôi thai và ảnh hưởng không quyết liệt).

Trong lịch trình phát triển sự sống, một bước tiến quá xa và có thể gọi là đột ngột như thế có thể đem lại sự mất thăng bằng, lôi kéo theo những hành động hoang mang hay liêu lĩnh, ít nữa, không có đủ căn bản và thúc đẩy bởi những xác tín không chắc chắn. Nên cần nhận định lại cho kỹ càng.

II. — Nhìn qua Lịch-sử

— *Thân phận phụ nữ ngày xưa.* — Chung chung giới phụ nữ chịu một số phận lắm than cay cực trong gia đình và ngoài xã hội. Đáng lẽ ra họ phải là những người bạn tâm giao, là bạn đường của người đàn ông, và bình đẳng, phái đẹp đã bị dùng như nô lệ cho dục vọng ích kỷ. Lợi dụng sự yếu đuối và nhần nhục tự nhiên của phái yếu, người ta đã tàn xử, không coi phẩm giá phụ nữ vào đâu; không ai mong sinh ra con gái; con gái sinh ra, họ coi như là một nguyên rủa. Họ bỏ mặc không giáo dục. Không đến mức quá độ ấy, địa vị người phụ nữ Việt Nam xưa cũng cho ta thấy những nét tăm tối. (Không phải như thế là phủ nhận những đức tính cao quý của nề nếp xã hội cũ, hơn nữa, các nét ấy chỉ là các nét tối trong một bức tranh sáng).

— *Khởi điểm của cuộc giải phóng.* — Một lý thuyết nhân đạo về bác ái công bình, do người công giáo chủ trương, đã cúi xuống trên các kẻ nghèo, kẻ mồ côi, kẻ góa bụa và các kẻ bị áp chế. Lý thuyết ấy dần lan tràn ra trong thế giới, đặt lại

sự bình đẳng tự nhiên căn bản của tất cả mọi con người, với tín tưởng có hồn thiêng bất tử, với quyền tối quan hệ của mỗi người được dùng phương thế ám hạp để đạt tới cứu cánh siêu nhiên của mình. Trong vấn đề ta đang bàn, lý thuyết ấy chủ trương sự bình đẳng của mọi nhân vị nam như nữ, với quyền hôn nhân căn bản, hôn nhân nhất phu nhất phụ. Trong gia đình, quyền tự do và bình đẳng của hai vợ chồng vẫn được tôn trọng, tuy phải có một tổ chức và một trật tự trong quyền hành, — quyền hành đã do Thiên nhiên và Đấng Tạo Hóa thiết lập —, đề cũng như trong mọi xã hội có tổ chức, gia đình được duy nhất và bảo vệ, hầu đạt tới cứu cánh mình là giúp cho hai vợ chồng — tùy theo khả năng và phân vụ của mỗi người — sinh sản và giáo dục con cái, và bổ túc cho nhau trong sự làm phát triển nhân vị mỗi người.

Nhưng, cũng phải mất bao thế kỷ trước khi các thói cũ ngàn đời của xã hội mới bị phá hủy...

III. — Hai khó khăn chính

Hiện nay, chúng ta nhận thấy một phần nào đã được thực hiện. Người phụ nữ, có thể nói là đã được nhận là những người *trưởng thành* trong xã hội. Nhưng khi chiếm được địa vị ấy, họ rơi vào một xã hội mà họ đáng lẽ phải cảm thấy mình lạc lõng... Nếu ý thức, họ sẽ thấy ngơ ngác giữa một xã hội không làm theo tâm của mình, một xã hội đã có sẵn, đúc bằng những khuôn khổ, những cơ sở đã do trí óc người nam, sức lực của người nam kiến tạo nên tự bao đời. Trưởng thành như thế, họ vẫn còn là nhỏ dại trước xã hội. Sự nhận thức này dễ làm cho họ nản chí, hay cảm thấy kém cỏi, có thể run rủi họ sống ỷ lại, bằng cách nhận không điều kiện các cái đã có sẵn, cố gò ép mình sống gượng gạo (càng nguy hiểm hơn là họ lại không ý thức sự gò ép đó).

Khi đã phá đổ những cương tỏa, những chương ngại đề ra thích cánh với nam giới trên trường hoạt động, nữ giới tưởng mình đã thoát khỏi mọi cương tỏa, mọi ràng buộc... nhưng quên rằng: họ hiện thời vẫn sống trong một xã hội « mượn ». Từ khung cảnh học đường đến các xưởng làm việc, các công sở, ngay cả các ngành hoạt động cao hơn..., người phụ nữ đang còn sống trong khuôn khổ xã hội do nam giới tạo ra. Trên bình diện tư tưởng và học hỏi: cũng là các điều học hỏi, các tư tưởng của một bộ óc với đặc tính lý luận trừu tượng, rành rẽ và nhiều khi khô khan của nam giới. Ngay chính ý tưởng về thân phận và địa vị cùng sứ mệnh của người phụ nữ, cũng là những tư tưởng của nam giới gán cho họ, vì phụ nữ bị coi như không có tư tưởng riêng.

Nói chung, sự trưởng thành về địa vị trong xã hội chưa đủ! Đó khó khăn thứ nhất của vấn đề.

Khó khăn thứ hai, và có khi tai hại hơn là sống như thế người phụ nữ lại luôn vẫn giữ những nét thiên nhiên cho. Bản tính thế nào, họ không thể thay đổi. Cái đó làm cho họ luôn cảm thấy một phần lớn các hoạt động kia không ám hạp, không vừa tâm cho bản tính họ. Vì thế, ganh đua hoạt động với hết tinh thần-sức lực, có khi quá tầm tự nhiên như thể ngoài xã hội, khi chiều, về trong gia đình, họ lại trở lại cái bản tính tự nhiên nhu mì, thụ động, tình cảm. Đó là một nghịch cảnh không thuận lợi cho sự nẩy nở duy nhất của nhân vị. Do đó, thay vì hân hạnh được ra chung lưng, đấu cật xây đắp xã hội, hiên ngang lãnh trách nhiệm của một con người, họ sẽ nhận thấy đó là một gánh nặng trên vai non yếu. Một tình trạng bấp bênh như vậy không thể tồn tại được lâu. Vì có bao giờ người ta đi ngược lại thiên nhiên mà được yên lành.

Nhưng thực tế ra, một sự kiện lịch sử ấy đã được thực hiện, và chúng ta vui sướng vì nó lại là một bước tiến. (Một phần nào vì sự thúc đẩy của hoàn cảnh xã hội, nhu cầu sinh kế, thêm vào đó các trào lưu tư tưởng mới về nhân vị: ảnh hưởng điều này dễ nhận thấy hơn ở bên các nước tiền tiến âu mỹ). Bước tiến đó đã đem giới phụ nữ đến trình độ phát triển các tài năng, các đức tính cách khoáng đạt hơn, mạnh dạn, tự do hơn. Được chạm trán với mọi vấn đề, mọi trào lưu tư tưởng, mọi tầng lớp sinh hoạt, tinh thần trách nhiệm và xã hội sẽ nảy nở cách hùng hậu, trái với sự gò bó ngày xưa. (Nhưng bên cạnh có những xu hướng quá khích, hay vô thần, đã đề cao những nguyên tắc sai lầm: sự bình quyền tuyệt đối, phá hủy mọi trật tự thiên nhiên định cho gia đình và xã hội, với những ý tưởng thoát ly gia đình, thoát ly con cái, làm người thợ của một xã hội vô gia đình, vô tổ quốc... Chủ trương bình quyền tuyệt đối ấy dựa trên nền tảng lỏng lẻo, xảo trá, gây tai hại cho gia đình và quốc gia, và mỉa mai thay, lại đem chính bản thân người phụ nữ vùi xuống hố nhục nhã truy lạc đau đớn hơn xưa).

IV. — Tìm một giải pháp. —

Hai khó khăn chính nêu lên trên kia có thể giải quyết một phần nào nếu chúng ta:

— Biết đặt lại vấn đề của nữ giới, với bản tính, sứ mệnh mà thiên nhiên đặt cho họ, sứ mệnh và bản tính không ai có thể đổi thay được.

— Nhưng đồng thời, nhận định tình thế hiện tại như một sự kiện đã thực hiện rồi, nhận đón nó và cố sức đồng hóa, hấp thụ; đồng thời với sự nhận định và ý thức sứ mệnh căn bản nói trên, đem dung hòa cả hai trong trật tự giữa các cái căn bản và phụ thuộc.

Đề, dù trong phạm vi nào, trong hoàn cảnh nào, người phụ nữ cũng ý thức và làm chủ hoàn cảnh, chủ định mệnh mình, cùng chung sức đem tài năng riêng với cá tính riêng của phụ nữ, để xây đắp xã hội, đem cho xã hội và mọi ngành hoạt động của xã hội một đặc tính mà hình như từ xưa vẫn thiếu, vì Tào-Hóa đã dựng nên con người vừa nam vừa nữ, để cả hai chung sức trong công cuộc xây dựng chung. Ta hãy lần lượt xem qua:

ĐIỂM THỨ NHẤT

A) *Sứ mệnh căn bản của phụ nữ do Thiên nhiên định.*

Tào Hóa đã dựng nên con người có hai phái: nam và nữ, để nhờ hai người là hai nguyên khởi bổ túc nhau hầu làm phát sinh và nuôi dưỡng sự sống, truyền bá được sự sống lại cho hậu lai. Sự sống của con người có lý trí, có linh hồn, mang nặng những giá trị cá nhân, nhân loại và thiêng liêng. Công tác trong việc phát sinh sự sống và phát huy các giá trị nói trên, người nam, người nữ đã được Thiên nhiên ban cho những cái cần thiết ám hạn một cơ cấu tổ chức sinh lý và tâm lý cùng tinh thần với những bản năng, quan năng, đức tính, tâm tính và tài năng khác nhau, song rất ám hạn cho mỗi người để mỗi người lo phận vụ riêng mình. Đem so sánh hai phái các yếu tố kể trên khác nhau, song những sắc thái và đặc điểm ấy lại chỉ để bổ túc cho nhau, làm thành một sự tổng hợp rất hòa hợp cân cái của hai sự phong phú để hướng về một sứ mệnh duy nhất.

Nhìn theo phối cảnh đó, sứ mệnh thiết yếu căn bản và tự nhiên của phụ nữ là: **CHỨC LÀM MẸ** trong khuôn khổ một gia đình. Nơi đó, trước tiên, người phụ nữ tìm thấy con đường tự nhiên ám hạn

của bản tính mình. Họ tìm thấy địa trường hoạt động tự nhiên để dùng để làm nảy nở các khả năng mình, tức cũng là tìm thấy phạm cách của nhân vị mình. Nơi đó, họ tìm thấy tất cả vinh quang vô song một con người có thể mong ước: làm nguồn sự sống, nơi ấp ủ và nuôi dưỡng sự sống, mầm hy vọng của xã hội, của tiến triển nhân loại. Nhờ đâu nhân loại đã hân hạnh ghi tên tuổi của các anh hùng, quân tử, thánh nhân. Con người sinh ra với bộ thần kinh rất phức tạp; bộ thần kinh, và nói chung, cả cơ thể sẽ là dụng cụ kỳ diệu của tư tưởng ấy đòi hỏi một sự săn sóc: nuôi dưỡng, giáo dục cần cù, nhẫn nại và nhất là đầy tình yêu ấm nóng. Để cho cơ thể và linh hồn gặp nhau trong một con người, một nhân vị mới chớm, và để phát huy nhân vị độc nhất ấy với những hy vọng sau này sẽ là những vị thiên tài, những vị anh hùng, những thánh nhân, hẳn phải có một nơi lòng đất màu mỡ, đầy bóng mát với tình yêu vỗ về, săn sóc, chăm nom. Vì thế người mẹ đứng ở nguồn nhân loại! Vận mệnh nhân loại do tay họ nắm giữ hun đúc! Người phụ nữ sinh con và nuôi con, đích cho cả nhân loại đang quay về, cúi mình chiêm ngắm và mong đợi trong hy vọng! Họ như chiếm ngôi « Bà Chúa » không những trong gia đình mà còn cả ngoài xã hội. Nhưng một Bà Chúa một phần nào vẫn xa cách hoạt động và tranh đấu của xã hội, và phân vụ ấy sẽ chính thức trôi trong thăm lặng và kín đáo, như cả một mẫu nhiệm cao cả của hy sinh, xả thân cho sự sống của muôn thế hệ đang dâng lên, như cả một cửa cây trụ khổng lồ đang chống đỡ lịch sử con người; như phần âm thanh, hòa đệm kín đáo, nâng đỡ

phần độc xướng đang nổi bật của mọi hoạt động xã hội và nhân loại.

Sứ mệnh ấy phải là tuyệt đối tối cần cho nhân loại. Nếu phụ nữ chối bỏ, nhân loại sẽ mất cả niềm hy vọng tiến triển, và chính phụ nữ, cũng vì chối bỏ cái gì định kết ngay trong bản thể mà như chối bỏ chính bản thể mình.

B) Phân vụ ngoài gia đình của phụ nữ.

Không kể đến các sự lạm dụng khả ố và tàn ác nói trên kia đối với phái phụ nữ, cái làm lở của thời xưa còn là đã quá gò ép sứ mệnh của người phụ nữ trong một phạm vi nhỏ hẹp, trong khuôn khổ của « buồng the, bếp nước » tâm tối và túng quẫn cho sức sống của một nhân vị. Thái độ chung của xã hội đó đã làm nghẹt biết bao tài năng của những phụ nữ thấy mình có những tiếng gọi hoạt động, hay thi thố tài năng ngoài khuôn khổ sứ mệnh căn bản, hoặc đi đôi với sứ mệnh đó. (Chúng ta cũng không dám phủ nhận bao vị mẹ hiền, dâu thảo đã đào tạo nên bao lớp vĩ nhân anh hùng của dân ta xưa). Nhưng ngày nay đây, chúng ta phải nhận định chữ gia đình theo nghĩa cao quý và rộng rãi của nó: Phụng sự sự sống, phụng sự các con người có tâm hồn linh thiêng, chứa nặng các giá trị cao cả, vĩnh tồn. Chữ gia đình không phải là thu hẹp quanh bốn bức tường. Nhưng phá tung mọi hạn định vật chất, tâm hồn người phụ nữ, tình yêu, lo lắng cùng hoạt động họ theo dõi tất cả mọi hoạt động của chồng con mọi nơi. Đó là địa hạt rộng rãi, tình yêu và cả sức lực họ có thể hoạt động đặc lực. Nhưng không phải chỉ là một hoạt động tâm tình suông! Sau những bổn vụ căn bản trong gia đình, người phụ nữ cũng xuất hiện nơi công chúng trong xã hội, để

đem tài năng và kinh nghiệm riêng ra kiến thiết, vì người phụ nữ cũng là người của một quốc gia, họ cũng là công dân như ai, cũng là một tế bào của xã hội. Họ đã làm tròn bổn phận ấy, phần chính khi làm đủ bổn phận người vợ và người mẹ tận tâm trong gia đình, (vì có gia đình gương mẫu mới có xã hội thịnh cường). Nhưng họ còn có thể hoạt động ngoài hẳn phạm vi gia đình, trong những địa hạt hạp với bản chất, tài năng, thiên tư của họ.

Những phụ nữ nhận thấy mình có một sứ mệnh đặc biệt, ngoài cái lẽ lối tự nhiên kia, đem thân hy sinh cho lý tưởng cao cả hơn, đại đồng phổ biến hơn: họ đã làm một việc cao cả! Đó là những tinh hoa của giống nòi này nở trên một mảnh đất cao quý, để như kéo nhân loại vượt lên một nấc nữa trên bậc thang giá trị và hạnh phúc.

ĐIỂM THỨ NHỊ

Nhưng trong tất cả mọi hoạt động đó dù trong gia đình hay ngoài xã hội,

người phụ nữ cũng phải ý thức như thế để trưởng thành. Phải tự tạo lấy cho mình một ý thức, một tư tưởng, một phán đoán tự lập: nghĩa là phải ý thức địa vị mình, sứ mệnh mình, trong gia đình, xã hội với sự liên quan và phụ thuộc của chúng. Ý thức về tất cả mọi nẻo sống và hoạt động, ý thức bản thân, tài năng, quan năng mình. Đặc biệt ý thức và hấp thụ lấy các cơ sở, các yếu tố của một xã hội từ ngàn đời đã được nam giới xây dựng theo cá tính của họ. Phụ nữ phải suy tưởng lại tất cả, để hấp thụ và đồng hóa, để chúng không còn là một cái khung khổ ngoại lai, xa lạ mà đã được mình đem nhào nặn lại và tô điểm thêm các đặc tính của phụ nữ mà từ xưa những sự kiện, những hình thức ấy còn thiếu. Và như thế tức là chúng còn thiếu một cái gì, một sắc thái gì làm cho chúng khả dĩ đạt được tất cả sự hoàn bị mà Tạo Hóa đòi ở chúng.

(còn nữa)
Hoàng-Đình-Truật

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S . O . A . E . O .)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.

**Vente : Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

910102102

AIR LAOS

SIEGE SOCIAL VIENTIANE

VIENTIANE — BANGKOK

Départ tous les Mardis, Jeudis, Samedis
Retour tous les Mardis, Jeudis, Samedis

VIENTIANE — HONGKONG

Départ tous les Lundis
Retour tous les Mardis

VIENTIANE — PHNOM-PENH

Départ tous les Lundis
Retour tous les Mardis

VIENTIANE — SIEM-REAP

Circuit touristique «Week End à ANGKOR»
Départ tous les Samedis
Retour tous les Lundis

VIENTIANE — SAIGON — VIENTIANE

par Quadrimoteur STRATOLINER Jeudi et Samedi
Fauteuils inclinables Hôtesse et Steward à bord

par Douglas DC 3 Mardi et Dimanche

VIENTIANE — XIENG-KHOUANG VILLE	Quotidien
— PHONG SAVANH	Quotidien
— LUANG PRABANG	Tous les Lundis, Mercredis, Jeudis, Vendredis
— LUANG NAMTHA MUONG SING	Tous les Lundis, Mercredis, Vendredis
— MUONG SAI	Tous les Lundis, Mercredis, Vendredis
— THAKHET SAMNEUA	Tous les Lundis, Vendredis Tous les Mardis, Jeudis, Samedis



Vappad

1958

Ráp tại Việt-Nam

TỔNG PHÁT - HÀNH

CÔNG-TY VẬN-TẢI **PHI-MÁ**

9, Phạm - hồng - Thái — SAIGON

Điện-thoại : 21.670

Nhân ngày từ trần của bác sĩ YERSIN :

Mùng 1 tháng 3 dương lịch



ALEXANDRE YERSIN

(1863 – 1943)

người của phòng thí nghiệm,
và người của núi đỏ, rừng xanh.

(Đề tưởng nhớ Thảo, Di, Hoa, Côn, Hồ...)

TÂN-FONG-HIỆP

CÁCH đây đúng mười lăm năm, một
ánh sao yên lặng tắt dưới vòm trời
Nha-trang.

Yên lặng tắt, nhưng đã làm xôn xao lòng
người, người ở tỉnh thành Nha-trang,
người của Liên-bang Đông-Pháp, người
nước Pha-lang-sa và cả người trên thế giới.

Vì ánh sao ấy là *Alexandre* YERSIN,
một vị ân nhân của riêng đế quốc Pháp

thời bấy giờ và một vị ân nhân của chung
nhân loại. Ông già từ già cõi đời lúc tuổi
tám mươi ấy vốn là một nhà bác học có tài,
một nhà thám hiểm có danh, đã từng tự
í chịu cảnh màn trời chiếu đất, lướt núi
xuyên rừng, vào sanh ra tử nơi chốn ma
thiêng nước độc, thú dữ dân hung, giữa đám
sanh linh đang bị bệnh dịch hạch hoành
hành, để đem lại những điều hiểu biết hay
ho, những vùng đất mới tốt lành, những

thứ thuốc ngừa hoặc trị bệnh hiệu nghiệm cho dân bản xứ, cho người đồng loại, cho cả loài vật giúp người.



Người « tình » của khoa học và của thám hiểm

Yersin là người Pháp, sinh trưởng tại Aubonne, Thụy-sĩ, năm 1863. Phong cảnh hữu tình và hùng vĩ của nơi mở mắt chào đời hẳn ảnh hưởng khá nhiều đến chí hướng của ông sau này :

— Phụng sự cho khoa học, một đại dương đầy bí mật và hùng vĩ mà loài người mới bước chân vào,

— Sống đời thám hiểm, một chân trời chứa chan mới lạ và đắm say cũng vừa hé mở cho người Âu, Mỹ vốn ưu hoạt động.

Năm trong tay mảnh bằng bác sĩ i khoa lúc 24, tuổi chàng thanh niên có vầng trán cao ấy của cái thế kỉ XIX sắp hạ màn không dùng nó làm kẻ sinh nhai. Nhựa trẻ ưa trào, cảm thấy mình còn con nít trước bao hiểu biết, Yersin không còn do dự : quyết làm một cái bóng con con của nhà bác học tài cao đức trọng là *Louis Pasteur* (1822-1895). Yersin khiêm tốn xin một chân giúp việc thường trong căn phòng thí nghiệm bé nghèo của Pasteur. Việc làm tuy tầm tối, song lòng hiếu học và sự thông minh của Yersin lại quá rõ ràng nên được thầy thương, bạn quý. Đặc biệt nhất là cánh tay mặt của Pasteur, i sĩ *Pierre-Émile Roux* (1853-1933) nhờ Yersin phụ dạy khoa vi trùng học và cộng tác trong công cuộc khảo cứu về nọc độc của bệnh yết hầu màng độc (*diphtérie*).

Nhưng ba năm sau, năm 1890, thì tiếng gọi quyến rũ của cuộc đời mạo hiểm, của

chí phiêu lưu, chốn trời mây xa lạ đã kéo lôi chàng trai hai mươi bảy tuổi ấy rời bỏ đời sống căn cù yên lặng trong phòng thí nghiệm mà dẫn thân vào cuộc sống hiểm nguy sôi nổi của một nhà thám hiểm.

Giã từ thầy, bạn, Yersin xin làm thầy thuốc tình nguyện cho công ti hàng hải « *Messageries Maritimes* ». Ông tiếp xúc ngay với người và cảnh Việt-Miên-Lào ngay năm ấy, và qua năm sau, năm 1891, bác sĩ *Charles Calmette* (1863 — 1933), người bạn cùng nghề, cùng tuổi, cùng thầy, gặp lại Yersin ở ngay nơi mà sau này có người cho là « Hòn ngọc Viễn-đông » để cùng Yersin thành lập viện Pasteur đầu tiên trên mảnh đất hình cong như chữ S này.

Công cuộc « dựng nền xây móng » xong là Yersin sống theo chí nguyện.

Cảnh núi rừng còn hoang vu nguyên vẹn và đời sống cổ sơ man rợ của đám dân miền Cao nguyên Trung-Việt đã thu hút ông như đá nam châm hút thu vụn sắt. Một mình với bóng, trong bốn năm dài, ông thám hiểm dải núi Trường-sơn, từ nơi phát khởi đến chỗ tận cùng, từ phía nhìn ra biên Việt đến bên ngó lại Cửu-long-giang. Ông đi, nhưng chẳng phải chỉ đi cho riêng ông, mà đi cho cả và thiên hạ nữa : đi tới đâu, ông ghi, ông chép, ông vẽ tới đó.

Ghi phong tục, tập quán ; chép giống nòi, thủy thổ ; vẽ địa đồ, người cảnh. Những điều mắt thấy tai nghe, những gì óc nghĩ suy, tim cảm xúc cũng như những phen suýt chết trước lũ thú độc ác hay người thờ-trước bạo tàn, ông đều ghi chép cả.

Rồi tháng 6 năm 1893, cảnh Bồng-lai nơi hạ giới hiện trước mắt ông, như đề thưởng con người đã chịu lắm gian lao trên con đường thám hiểm :

« Tôi có một cảm tưởng luyệt mĩ, khi
 « vừa qua rừng thông, lối sườn cao nguyên
 « ấy, trơ trọi, rộng rãi, gập ghềnh dưới
 « ba ngọn núi cao của dải Langbian...
 « Không khí êm dịu mát mẻ làm tôi quên
 « cả mệt và tôi hồi tưởng lại cái vui lúc
 « thiếu thời, chạy nhẩy như cậu học trò,
 « hết đời này đến đời khác. » (Vũ-Văn Cẩn
 trích dịch một bài diễn văn của ông nhân
 dịp lễ khánh thành trường Trung-học
 Yersin, ở Đà-lạt).

Mười lăm năm sau, chánh phủ bảo hộ Pháp mới thấy rõ những cái lợi về mặt khí hậu của cao nguyên này để khai sanh thành phố nghỉ mát Đà-lạt thơ và mộng. Những nhận xét và đề nghị của ông đã được cho là đúng, và được thực hiện, tuy khá muộn màng.

Ngày nay, người lao động sống nhờ ngọn rau hoa quả Đà-lạt, người nghệ sĩ nhờ cảnh vật êm dịu, tình tứ, hùng mạnh Đà-lạt, người đô thị xa xôi dùng rau trái, ngắm bông hoa Đà-lạt..., hẳn chẳng quên người đã lặn lội tìm ra viên ngọc ấy : bác sĩ Yersin.

Rồi sau đó, cao nguyên Kontum, cao nguyên Darlac được ghi dấu chân Người.

Nhưng rồi, số mạng buộc ông trở về với
 « cái thuở ban đầu lưu luyến ấy ».

Số mạng lại hiện thân nơi người bạn đồng môn : Calmette ; số là trên đường về Pháp (1894), Calmette nhận được tin điện của chánh phủ Pháp ở Đông-dương mời trở lại để tìm cách ngăn cản bệnh dịch hạch

đang hoành hành dữ dội ở Hương-cảng và Quảng-đông, chỉ trong vài tuần lễ mà đã tàn hại hơn sáu chục ngàn người. Bán đảo Ấn-độ — Chi-na đang bị đe dọa trực tiếp, hiện ở trong tình trạng báo nguy. Song sự có mặt của Calmette cũng rất cần ở chánh quốc, mà tàu đã tới kinh Suez. Calmette liền chỉ định Yersin.

Yersin lúc bấy giờ đang đi, đang hỏi, đang tìm tòi, biên chép ở miền thượng du Bắc-Việt và miền Nam nước Tàu. Lịnh chánh phủ triệu ông về để đối phó với tai trời nói trên. Cuộc thám hiểm của ông đến đây đành dứt đoạn, và đời thám hiểm của ông cũng chấm dứt nơi đây.

Hỏi hà sang Hương-cảng, ông cùng các nhà bác học khác quan sát, tìm tòi, nghiên cứu, thí nghiệm. Sau vài tuần lễ, ông phát kiến vi trùng bệnh dịch hạch. Lời ngợi khen bay tới ông tấp tới, nhưng không gì làm ông cảm động và sung sướng bằng nỗi mừng vui của thầy cũ, Louis Pasteur, khi hay đồ đệ mến yêu của mình đang thành công trên đường chống bệnh truyền nhiễm.

Tìm được vi trùng bệnh rồi, ông bèn về Pháp để tìm thuốc ngừa trị : huyết-thanh (sérum) và vắc-xanh (vaccin) do ông bào chế được ông tự đem sang Hương-cảng tiêm cho bệnh nhân ; kết quả vô cùng mĩ mãn ; tên ông được ghi vào Sổ Vàng những bậc ân nhân của nhân loại.

Rồi từ đó, tỉnh lỵ của Khánh-hòa là nơi ông dừng bước để chuyên tâm cho khoa học, thứ khoa học cứu nhân độ thế. Viện Pasteur được thành lập ngay tại Nha-trang để chế thuốc trừ bệnh dịch hạch. Bệnh truyền nhiễm của gia súc, nhất là

bệnh bạch hạch trâu bò, được ông khảo cứu tường tận ; vì trùng bệnh sốt tái hồi (fièvre récurrente) lại được ông khám phá ; bệnh sốt rét được ông điều tra và khảo cứu kĩ càng.

Chẳng những ông lo cho sức khỏe người bản xứ mà thôi, ông còn nghĩ đến tương lai của dải đất mà ông mến thương từ khi mới đề chân lên : ông nghiên cứu đất đai, khí hậu Việt-Miến-Lào để tìm các loại cây có thể trồng được, và ông đã tìm được cây canh-ki-na (quinquina) và cây cao-su, đem lại cho Liên-bang Đông-dương hai nguồn lợi không phải nhỏ.

Rồi danh dự, mà ông không tìm, tìm ông mà đến : giám đốc viện Pasteur Sài-gòn và Nha-trang (1904), thanh tra các viện Pasteur của Liên-bang (1919) và giám đốc viện Pasteur Paris sau khi bậc đàn anh mà ông hằng kính mến — bác sĩ Roux — qua đời, năm 1933.

Tưởng không còn phần thưởng tinh thần nào xứng đáng hơn nữa.

Người «hiền» của đất nước Nha-trang

Ông tạ thế, nhân loại, nước Pháp, Liên-bang Đông-dương mất một vị ân nhân cao quý, riêng người dân Việt ở Nha-trang mất một bậc hiền nhân quân tử mà tấm lòng thương đời, giúp người luôn luôn rộng mở vẫn còn sống mãi, mặc tháng năm qua.

Dân nghèo ở đây, nhất là dân sống nhờ bọt nước, không cần biết ông là người mà cả nhân loại mang ơn, họ chỉ sùng bái ông và nhắc nhở ông vì ông sống giản dị như kẻ không nhà, ông hiền lành như cát đất, ông cứu giúp người như sống vỗ gió bay.

Còn có bia đồng tượng đá nào hơn ?

Đến đây, tôi xin nhường lời cho nhà giáo kiêm nhà văn quá cố, Trúc-Hà Trần-Thiêm-Thới, đã ghi vài í-nghĩ nhân cái chết của nhà bác học này trên « Nam-kỳ tuần báo », số 26, ngày 11-3-1943 :

« Năm ngoái, hơn kì bãi trường tháng bảy sắp tới, tôi dự định đi Huế. Một người bà con khuyên tôi bận về nên ghé lại Nha-trang vài ngày cho biết. Tôi hỏi :

— Ở Nha-trang có gì đáng biết ? Nếu là bãi biển, gió biển, nước biển thì tôi không cần lắm.

— Ở đây có cá biển, không phải để ăn, mà để coi. Anh sẽ thấy những kì quan dưới đáy biển.

« Một người khách đàn bà đã thạo Nha-trang chêm vào :

— Như có rãnh, nên đi coi nhà ông Yersin.

— Nhà ông Yersin ? Coi cái gì ?

— Không phải là lâu đài đồ sộ đâu. Ông sống giản dị, nhà cửa đơn sơ. Nhưng sách thì nhiều lắm. Lại đó mà coi sách của ông. Ông rất dễ. Ai muốn coi cũng được. Nhiều khi sơ khách ngại, ông lánh mặt để cho khách được tự do xem xét.

« Bà khách lại còn nói thêm :

— Ông rất hiền lành và nhơn đức. Chính ông luôn luôn giúp đỡ thuốc men và tiền bạc cho dân chài lưới ở gần đó. Thường ông mặc đồ vải kaki, cỡi xe máy (1) như một người lao động ».

(1) Tức xe đạp.



Một người có tấm lòng và tánh tình như thế, nên chỉ lúc từ già cõi đời — tám mươi tuổi — người người vẫn cho rằng ông sao chết sớm !

Và dân Việt đã cảm hờn người Pháp thực dân đến cực độ, đã vùng lên lấy máu xương mà rửa cái nhục trăm năm mất nước, dân Việt vẫn nhớ những người Pháp mà nòi giống đã mang ơn: Jean-Jacques Rousseau, Pasteur, Calmette, Yersin, — nhất là Yersin (2) — những bậc đã xây dựng sự nghiệp mình bằng bình đẳng, bằng bác ái, bằng tự do, bằng tình thương nhân loại (3).

Tên những bậc nói trên đã được Chánh phủ nước Việt cộng hòa chọn đặt tên đường tại thủ đô.

Hơi tiếc một tí là đường phố mang tên **Yersin** lại kề một cái chợ, (4) một bót cái (4), tượng trưng cho *lợi*, cho *quyền*; mà **Yersin** vốn là người, *lợi* danh không màng, *quyền* uy không tưởng.

Nhân ngày Người tạ thế, nhớ đến Người, chúng ta càng thấy rõ: chỉ có *chinh phục dốt nát, chinh phục bệnh tật, chinh phục lòng người, mới để lại một cái gì mát, êm, sáng, ấm. Và chỉ có những sự nghiệp gây bằng lòng vị tha, bằng tình thương bát ngát mới đáng ngàn thu hương khổi.*

Còn chinh phục đất đai người, còn dựng sự nghiệp mình bằng áp bức, bằng bóc lột, ~~.....~~ dưới bất cứ một hình thức nào khác, chỉ để lại gì, người Việt ta dư biết.

Yersin quả là một ánh SAO LẠNH.

Hàm-tân, Tết mậu-tuất (1958)

TÂN-FONG-HIỆB

(2) Ông là một trong số người Pháp hiếm hoi thành tâm muốn khai hóa dân « bị trị »: làm giám đốc đầu tiên trường Đại-học I-khoa Hà Nội (năm 1902), ông nhiều lần đưa đề nghị đề trường này thành một trường đại học hoàn toàn đầy đủ. Nhưng mãi đến năm 1939 — 37 năm sau — Chánh phủ Bảo hộ mới phê chuẩn !

(3) Trừ De Lattre de Tassigny đã xây dựng sự nghiệp mình một cách khác.

(4) Chợ Cầu-Ông-Lãnh; bót Cảnh sát quận hai.



Yêu người mà yêu vô lý, thành ra làm hại cho người; ghét người mà ghét vô lý thành ra làm hại cho thân.

NGUYỄN-TẾ-THỤY



Người ta chỉ khi nào hy sinh chính mình mới thật là yêu.

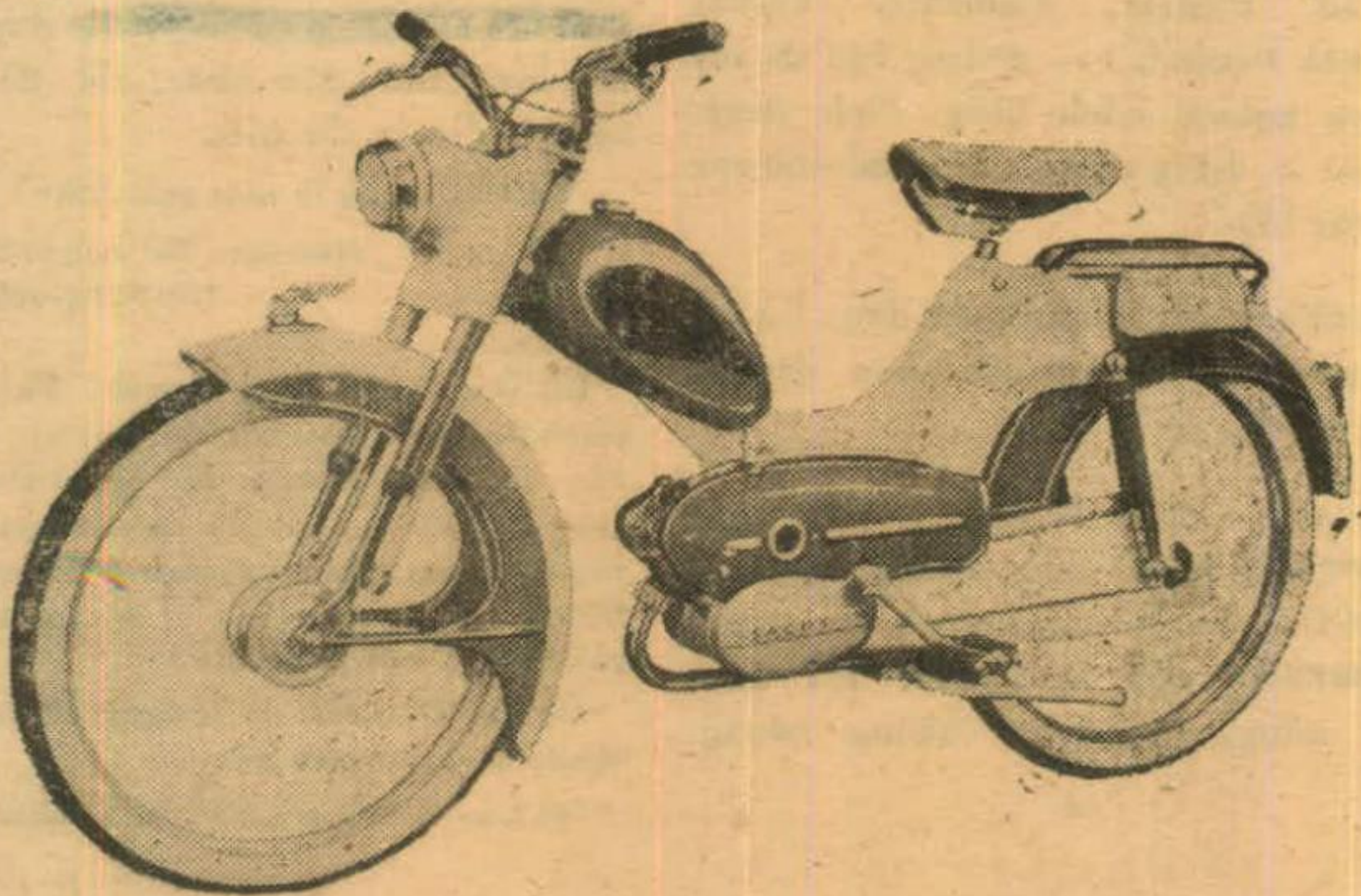
NỮ THÁNH THÉRÈSE DE LISIEUX

NAM-VIỆT - CÔNG-THƯƠNG

Xuất — Nhập cảng

Văn-phòng : 37, Thái - Lập - Thành
(Amiral Dupré) SAIGON

Điện-thoại : 22.992



Đại - lý độc - quyền :
Xe gắn máy NAVICO

Xưởng ráp :
Tại đường Trương - minh - Giảng (Tân - sơn - nhứt)

Chi-ngánh tại Nam-vang :
179/7, đường Vithei Youkangthor

HOA - KỲ TỰ - VẤN

(*L'Amérique s'interroge*)

PHƯƠNG-TRẠCH dịch

CHO đến ngày 3 tháng 11 vừa rồi, có một đại dân tộc đã là dân tộc sung sướng nhất trên trái đất.

Trước hết, dân tộc ấy giàu. Giàu đến nỗi, chỉ đại diện sáu phần trăm dân số thế giới, họ sản xuất và tiêu thụ bốn mươi phần trăm tài nguyên được khai thác khắp địa cầu.

Vì giàu như thế, dân tộc ấy mạnh. Trong chiến tranh, họ đã tiếp tế cho những bạn đồng minh và cả đến lập giúp những nhà máy nơi đất nước của kẻ thù họ ngày nay là Nga-sô.

Và họ còn rộng rãi. Sau chiến tranh, họ giúp cho thoát khỏi cảnh cơ hàn và chủ nghĩa Cộng-sản, những bạn đồng minh và cả đến kẻ thù của họ hôm qua là nước Đức. Từ đấy, họ đã đến cứu trợ những nước hậu tiến. Lòng tin ở lương rộng rãi của họ mạnh đến nỗi Ấn-Độ, vốn

thường xem họ như đối phương tại Liên-Hiệp-Quốc, mới đây vài tháng, đã yêu cầu họ cho mượn một tỷ đô la nhưng Ấn-Độ không mượn được số tiền ấy.

Sau hết, dân tộc ấy sung sướng vì họ tin quyết rằng họ đúng. Họ tin rằng đã nắm giữ công thức hay nhất về «thế cách sinh sống». Họ tin rằng điều này làm cho họ hưởng được sự phù hộ của Thượng Đế.

Phương pháp của họ là những phương pháp hiệu quả nhất. Về tất cả môn loại, họ là «người sản xuất vĩ đại nhất trên thế giới». Thương Đế há chẳng muốn rằng họ phải hùng cường đến độ, chỉ liệng hai quả bom xuống nước Nhật, họ đã buộc đầu hàng không điều kiện dân tộc hiếu chiến nhất trên địa cầu, dân tộc mà luật lệ về danh dự quân nhân buộc binh lính phải tự sát và kết liễu cuộc

dời cho thương binh, đề khỏi bị địch bắt sống ?

Đành rằng từ đây Nga sẽ đã tìm ra bom nguyên-tử và bom khinh khí; nhờ gián điệp, họ nghĩ như vậy; nhưng Nga sẽ không có căn cứ gần Châu-Mỹ khiến Nga có thể phóng hỏa tiễn nguyên tử đến các trung tâm đầu não của đối phương. Đối phương này, trái lại, có những căn cứ phi cơ ở Anh, Đức, Thôn-nhĩ-kỳ, Arabie; từ những căn cứ này, họ có thể đáp lại một cuộc xâm lăng của Nga bằng sự tiêu diệt những trung tâm sinh tử của Nga.

Dân tộc có điểm phúc ấy là dân tộc Hoa-kỳ.

Thượng Đế không phù hộ Hoa-kỳ nữa chăng ?

Vậy mà, đây, sau khi phóng một vệ tinh nặng 83 kg, 600 ngày 4 tháng 10, người Nga lại phóng ngày 3 tháng 11, một vệ tinh nặng 508 kg, 300 mang theo những dụng cụ khoa học và 1 con chó. Và từ đây, hai vệ tinh xẹt ngang hỗn xược nền trời Hoa-kỳ như các nền trời khác, trong sự vẩn xoay quái quỷ chung quanh trái đất.

Ngày xưa, hãng Citroen đã ghi tên hãng bằng chữ dạ quang từ chân đến đỉnh tháp Eiffel. Chưa bao giờ có ai đã ý niệm một dự án quảng cáo khổng lồ bằng vệ tinh Spoutnik mà tất cả đài quan sát thế giới đều cho biết tin tức. Khắp nơi trên thế giới, người ta nhìn về Mạc-tư-Khoa và lặp lại với nhau tên của con chó đang quay chung quanh trái đất.

Các nhà bác học Hoa-kỳ tái mặt khi nghĩ đến sức mạnh phải tạo ra để rút khỏi

khí quyền khối nặng 508 ký của vệ tinh Spoutnik thứ hai. Sự phóng lên của khối ấy theo một chiều hướng định sẵn, dưới một góc độ minh xác, chứng tỏ một sự tính toán chính xác đến thế nào !

Do đó, rõ là người Nga đã tìm được phương tiện chế tạo « vũ khí tuyệt đối », thứ vũ khí không có gì chống đỡ được ngày nay, khiến có thể phóng đi, từ lục địa này đến lục địa khác, một quả bom có năng lực tiêu diệt những trung tâm sinh tử của đối phương. Ngay trong phút đầu của một cuộc chiến tranh thứ ba, Hoa-thịnh-đốn, Nữu-ước, Détroit, Chicago và Cựu-kim-sơn sẽ là những đô thị ở tiền tuyến. Những con đường của các thành phố ấy chạy dài thăm thẳm giữa các tòa nhà gấp ba lần cao hơn những nhà thờ lớn, sẽ chứa đầy hơi mà chỉ một luồng đủ giết người.

Quả vậy, cha đẻ ra bom khinh khí Hoa-kỳ, ông Edward Teller, gốc tích Hung-gia-lợi, đã tuyên bố trước một ủy ban Thượng-nghị-viện : « Nga-sô sẽ có gần đây, nếu không phải đã có, một hỏa tiễn liên lục địa đủ sức chính xác để hủy diệt những thành phố chính của Hoa-kỳ. » Và ông kết luận : « Hoa-kỳ đứng trước một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng hơn ở Trân-châu-cảng ngày xưa ».

Tôi cũng tin vậy. Sự xâm lăng của người Nhật đã làm công phần người Mỹ và ném họ vào hành động. May mắn hơn, người Nhật đã có thể tạm thời làm bá chủ Thái-bình-dương, nếu họ xâm chiếm những đảo Hạ-uy-di, điều mà họ đã có sai lầm là không làm, cả đến thử làm cũng không.

Ở đây, sự việc khác hẳn. Đây là vấn đề sinh mệnh của Hoa-kỳ. Tướng Partridge, tư lệnh hệ thống phòng thủ Hoa-kỳ, đã tuyên bố với báo Time : « Tất cả hệ thống phòng không của miền Bắc lục địa Mỹ-Châu trở nên không có gì hết ».

Từ đây về sau, tấm đồ biểu không lồ trình bày không phận của toàn Bắc-Mỹ — Hoa-kỳ và Gia-nã-đại — trên đó một dấu hiệu ánh sáng tự động xuất hiện chỉ vị trí của bất cứ phi cơ nào xâm nhập vào khoảng trời bao la ấy, sẽ dùng vào việc gì ? Phải chăng người ta có thể theo đuổi một hỏa tiễn được phóng đi hàng trăm cây số cách mặt đất và mau hơn âm thanh từ mười đến hai mươi lần ? Phải chăng Kroutchev (1) đã có lý khi ông ta tuyên bố : « Trên bình diện quân sự, từ đây Hoa-kỳ trở nên cường quốc hàng thứ hai ? »

Trước sự đảo lộn bi thảm này, người ta buộc lòng tự hỏi phải chăng giữa người không lồ Mỹ và người không lồ Nga, số phận đang ngập ngừng trong quyết định.

Thượng-đế không phù hộ Hoa kỳ nữa chăng ? Cảm tưởng về một quốc tang ở Hoa kỳ, sau khi có vệ tinh Spoutnik thứ hai, sâu đậm đến nỗi, những ngày kể đó, người ta không dám đề cập đến vấn đề trong một bữa ăn tại thành phố. Cảm tưởng ấy còn nặng nề thêm do lời tuyên bố của ông Von Karman, một người Hung khác : « Tình trạng này sẽ kéo dài đến năm 1960 » và do lời tuyên bố còn bi quan hơn nữa, với báo Life, của ông Von Braun, cha đẻ bom bay V2 của Đức, một người có quốc tịch Hoa kỳ khác, phụ trách tìm tòi về hỏa tiễn : « Sự chậm trễ của Hoa kỳ là năm năm ».

Bởi vậy, đây không phải là một cuộc chạy đua trong đó không lồ Mỹ có thể, ngay ngày đầu, vượt qua không lồ Nga, sau khi đã bị không lồ Nga qua mặt. Bằng chứng là ngày 6 tháng 12, hỏa tiễn mang một vệ tinh khiêm tốn nặng 2 ký đã phát nổ. Đáng lẽ phóng hỏa tiễn trước, rồi, trường hợp thành công, báo tin như là một tin sốt dẻo, người Mỹ đã loan báo rầm rộ khắp nơi, ngày này qua ngày khác, trước khi xảy ra tai họa. Chính Kroutchev đã nói : Ở xứ chúng tôi, gà không có thói quen gáy trước khi đẻ trứng »...

Ngày 8 tháng 12, ông Nixon, phó tổng thống Hoa kỳ, phản nản về sự phản ứng với tinh thần chiến bại của dư luận Mỹ : « Chúng ta đừng khóc nữa. Hãy giúp đỡ các nhà bác học. Còn bao nhiêu việc phải làm. Hãy làm với tư cách người Mỹ ».

Ngay sau biến cố Spoutnik thứ hai, Hoa kỳ tự hỏi mình. Hoa kỳ hiểu rằng đây không phải chỉ là một thất bại mà là một thế yếu. Do đâu ? Do chính phủ ? Do nền giáo dục ? Do tình trạng vật chất và tinh thần của nhà bác học ? Do một sự giảm suy ý thức công dân ở chế độ dân chủ ?

Với tinh thần can đảm, người Mỹ đặt mình vào một cuộc tự vấn lương tâm.

Chính phủ ?

Sau một thất vọng quốc gia lớn lao, bao giờ người ta cũng trách cứ chính phủ trước hết. Ở Hoa kỳ, chính phủ là vị tổng thống có các bộ trưởng phụ tá chỉ chịu trách nhiệm đối với tổng thống mà thôi.

(1) Tác giả viết Kroutchov.

Người Mỹ đã từng khen ngợi những vị tổng thống khác. Họ yêu mến Eisenhower. Nụ cười tươi sáng của ông phản chiếu tinh thần lạc quan căn bản của châu Mỹ. Những thành công trong nghiệp vụ của ông chứng tỏ đặc ân thiêng liêng ban cho người đã dẫn dắt những chiến sĩ của tự do đến thắng lợi, chống lại những kẻ nắm giữ tinh thần điều ác. Đây cũng là một thể thao gia biết rời bỏ hồ sơ để giải trí bằng đánh golf. Một người chồng và một người cha gương mẫu. Cuối cùng, một bộ óc tinh cực mà những sách báo ưa thích cũng là những sách báo đồng dân ưa thích.

Nhưng sau tiếng sét của Spoutnik thứ hai vài người bảo : « Trong 1527 ngày ở chức vụ tổng thống ông đã trải qua 620 ngày ngoài Hoa-thịnh-đốn, trong số này : 392 ngày — hơn một năm — nghỉ mát và dưỡng bệnh. Và họ nhắc lại câu nói độc của người tiền nhiệm, ông Truman, khi ông này đi ngang trước Bạch-Cung : « Ai ở trong ấy ? ».

Một trong những nguyên nhân của tai họa giáng xuống đất nước há chẳng phải rằng con người hết sức uy quyền ấy, vị lãnh tụ, chỉ là một vị tổng thống ở nửa thì giờ ?...

Nhưng ông sẽ có thể là một vị tổng-thống hành vụ đầy đủ thì giờ chẳng ?

Những lời chỉ trích gay gắt đã được phát biểu. Ông Symington nói ở Thương-nghị-viện : « Tổng-thống cho rằng Spoutnik không phát hiện một nguy cơ nào cho Hoa-kỳ. Điều này chứng tỏ một cách giản dị rằng ông bị người ta cho biết sai về tình hình ». Dân tộc Hoa-kỳ không vì thế mà bớt yêu mến vị tổng-thống của họ nhưng họ nghĩ đến ông với sự buồn phiền

và lo ngại. Thế giới tự do nói chung, và nói riêng người Pháp mà xứ sở nhờ ông được giải phóng, cùng cảm thấy hay phải cảm thấy những tình cảm như vậy...

Dưới tổng-thống, có các bộ trưởng. Ở đây một câu hỏi đặt ra cho những người Mỹ sâu sắc nhất :

Công thức chọn lựa các bộ trưởng trong số những nhà kinh doanh đã thành công, phải chăng là công thức hay nhất ? Một nhà đại kỹ nghệ nghiên cứu tận chi tiết sự sản xuất và thị trường sản phẩm mà ông muốn chế tạo. Khi công việc nghiên cứu hoàn thành ông ta tiến bước. Một bộ trưởng, trái lại, gần như bao giờ cũng bị bắt buộc phải giải quyết dứt khoát một khó khăn không được nghiên cứu chu đáo trước đó. Sáng nào cũng vậy, ông đứng trước sự bất ngờ và ông phải quyết định. Nhà sản xuất xe hơi đã nghiên cứu kỹ càng công việc của mình nhưng chỉ một công việc. Ông bộ trưởng có đến hàng nghìn. Chỉ có một nền kiến thức chung rộng rãi và sự chứng kiến, rồi sự tham gia trong nhiều năm vào các cuộc tranh luận nghị trường về các vấn đề trọng đại của quốc gia và về các vấn đề quốc tế, mới có thể đi đến chỗ làm cho một người có năng khiếu trở nên một chính khách. Bởi vì sự tiếp xúc, những giao du hữu nghị, những cuộc xung đột với các cử tri, các bạn hữu hay các chính địch, làm thêm sắc bén năng khiếu tâm lý trong khi phát triển sự hiểu biết về những con người. Chính do sự đào tạo một đứa bé được chọn lựa, từ tuổi thơ ấu, trong các danh gia vọng tộc, mà ngày xưa nước Anh đào tạo chính khách của họ. Và vậy mà những vấn đề

thời ấy ít ỏi và ít tính chất chuyên môn làm sao so với những vấn đề ngày nay !

Ta hãy lấy ví dụ về Bộ Quốc phòng mà công cuộc nghiên cứu và chế tạo hỏa tiễn tùy thuộc. Bộ Quốc phòng đã được giao cho một nhà đại kinh doanh, cầm đầu công ty General Motors mà số tiền kinh doanh bằng ngân sách nước Pháp. Ông Charles Wilson đã làm gì ? Hành động với tư cách nhà kinh doanh, ông đã giảm bớt những chi tiêu không đưa lại năng suất tức thời, những chi tiêu của công cuộc Basic Research, sự tìm tòi căn bản. Mà, về môn này, không có sự tìm tòi nào có lợi bằng sự tìm tòi gọi là không vụ lợi.

Kinh nghiệm ấy không có tính chất làm cho người Mỹ suy nghĩ về vấn đề tuyển dụng các bộ trưởng của họ sao ?

Họ cũng than phiền về sự ổn định quá đáng của chính phủ, bệnh trái ngược với bệnh của nước Pháp. « Khi chúng ta có một kẻ bất lực — họ nói cả đến một người điên — chúng ta giữ người ấy ». Tình hình sức khỏe của Wilson đã ngăn cản ông bênh vực hiệp ước Versailles mà ông đã ký và hội Quốc-Liên mà ông đã sáng lập. Tình hình thể chất của Roosevelt tại Yalta đã có ảnh hưởng nhiều trong những điều quyết định gây tai hại lớn lao được thông qua ở đấy.

Sự trở về nền chính trị lưỡng đảng, ý nghĩa của lời kêu gọi ông Adlai Stevenson, đảng viên Dân chủ, cựu đối thủ không may của tổng thống Eisenhower, hợp-tác với chính phủ, là một dấu hiệu mối lo ngại của người Mỹ về chế độ chính trị của họ.

Một dấu hiệu lo ngại khác trong thái độ của những người cầm quyền : báo

New York Time, ngày 25 tháng 11 viết : « Cuộc khủng hoảng không chỉ giữa chúng ta và đối phương, mà còn với các bạn đồng minh của chúng ta ». Và báo ấy khuyến dụ : « Chúng ta đừng đóng vai trò của người anh cả hiểu biết hơn và đúng đắn hơn đối với họ nữa ».

Đây là những vấn đề dành cho sự cải cách chính trị.

Nền giáo-dục ?

Ở Hoa-kỳ, trẻ em là chúa tể. Đề khởi tạo cho chúng những « mặc cảm », người ta dành cho chúng rất nhiều tự do. Chúng học tập 895 giờ trong một năm trong khi trẻ em Nga-sô học tập từ 1224 đến 1271 giờ. Trẻ em Nga phải thuộc lòng hai mươi huấn lệnh mà chúng phải tôn trọng, nếu không sẽ bị đuổi. Ví dụ : Tất cả công việc ở nhà, phải tự làm, không được nhờ vả ai. Không được dùng tiếng lóng. Cầm hút thuốc. Nhường chỗ trên ô-tô-buýt. Chiều tối giúp đỡ cha mẹ săn sóc các em.

Nói tóm lại, ở Nga, người ta chú trọng về kỷ luật và sự làm việc, ở Hoa-kỳ người ta chú trọng về sự thích ứng với đời sống.

Ở Nga-sô, trong những thành phố, trẻ em phải đi học trong mười năm, từ bảy đến mười bảy tuổi. Không đủ trường, chúng được chia làm hai toán, toán buổi sáng và toán buổi chiều. Bằng lối ấy, họ có thể đào tạo bác học, kỹ sư, kỹ thuật gia.

Chúng ta quả là « tiểu tư sản » quá nên không có cái gan ấy.

Người ta thấy sự khác nhau sâu xa giữa hai phương pháp về bậc sơ học

Bậc trung học ở Hoa-kỳ, kém. Cựu tổng thống Hoover, xuất thân là kỹ sư, mới đây đã quở trách. Ông trách nền trung học không chuẩn bị cho trẻ em vào các trường khoa học. Non 10 phần trăm học sinh học đại số và hình học ; non 7 phần trăm học hóa học ; non 5 phần trăm học vật lý. Lỗi ở hệ thống giáo dục cho phép các em chọn lựa, từ mười bốn tuổi, những « lớp dễ chịu ». Và ông thêm : « Các người không thể trông đợi trẻ em, vào tuổi ấy, chọn lựa những môn học khó nhất, những môn sẽ khiến chúng trở nên những công dân có ích nhất ».

Ở Nga-sô, một thứ kỷ luật được áp dụng cho đến tuổi mười bảy.

Về bậc đại học Nga, những trường đại học hay những trường lớn mỗi năm thâu nhận 450.000 học sinh đã qua kỳ thi mãn khóa hay kỳ thi nhập học. Cũng có những trường cho những hạ sĩ quan tương lai của nền kỹ nghệ.

Ba phần tư giáo viên và hai phần ba y sĩ là phụ nữ. Trong số sinh viên ở các trường đại học, nữ nhiều hơn nam một ít. Chung những người đỗ đạt có bằng cấp và những chuyên viên là 6 triệu người. Đến năm 1960, sẽ có 10 triệu người.

Sự xuất vốn trí thức này thêm vào sự xuất vốn kỹ nghệ, nằm ở nền tảng của lòng tin cậy mà Mạc-tư-khoa dựa vào để thách đố Tây-phương về kinh tế. Có lẽ khối trí thức này, mà người ta nói đã giao động trong thời gian những biến cố ở Hung-gia-lợi, sẽ tạo nên, trong tương lai, một vấn đề cho chế độ. Nhưng chúng ta còn xa cái ngày mà những thanh niên trí thức sẽ cần lại cái vú đã nuôi dưỡng họ...

Nga-sô đào tạo mỗi năm 80.000 kỹ sư, đối lại con số 30.000 của Hoa-kỳ. Số kỹ sư trong số ấy và rất đông kỹ thuật gia mà người ta đưa ra ngoại quốc, là những nhân viên tuyên truyền đặc lực nhất cho Nga trong các nước hậu tiến, nghĩa là trong khối dự trữ lớn của nhân loại...

Trong địa hạt tạo tác, kế hoạch rất lớn lao : Từ 1955 đến 1960, xây dựng nửa thành phố mới bên cạnh mỗi thành phố lớn.

Trong vòng mười lăm năm nữa, có lẽ những thành phố Nga sẽ so sánh được với những thành phố của Tây-phương.

Người ta thấy rằng Kroutchev sắp sửa giữ lời cam kết của mình là cho bơ vào bánh mì Nga. Về mặt phong tục tình hình sẽ đưa đến kết quả nào ? Ta hãy nhận xét rằng, trên lãnh vực chính trị, người ta thủ tiêu ít hơn những kẻ mà người ta loại trừ. Từ vụ hạ sát Béria, người ta làm họ trở nên đại sứ, như Molotov ở Mông-Cô, một nơi đương nhiên là hơi xa.

Các nhà bác học ?

Ưu thế đáng sợ nhất của người Nga là ở trong sự tìm tòi về khoa học.

Số nhà bác học ở Nga gấp ba số nhà bác học ở Hoa-kỳ. Và sự tuyển chọn diễn ra trong số 200 triệu người.

Ở Hoa-kỳ, trong địa hạt phát minh, một sự kiện gợi sự chú ý : Trong số các nhà bác học đã làm việc chế tạo quả bom nguyên tử ném xuống Hiroshima, không có ai không từ châu Âu mà đến...

Ở Nga các nhà bác học ở bậc cao của thang xã hội. Ở Hoa-kỳ đó là chỗ của các nhà kinh doanh. Một giáo sư khoa học

ở Haward ăn lương 6.500 đô la mỗi năm, ít hơn lương một phó giám đốc một doanh nghiệp trung bình ở Nửu-ước. Và ở Nga có nhiều nhà bác học theo đuổi sự tìm tòi không vụ lợi hơn ở Hoa-kỳ. Người ta không mặc cả với họ về những dụng cụ làm việc.

Phái bộ do ông Francis Perrin, cao ủy về nguyên tử lực, cầm đầu, mới đây có viếng thăm tại Nga, một thành phố của các nhà bác học, cách Mạc-tư-khoa 130 cây số, ngay giữa nông thôn. Những tòa nhà của các viện thí nghiệm xen cách với những biệt thự xinh xắn của các nhà bác học. Ông Perrin đã tuyên bố, khi về tại Ba-lê : « Người Nga thực hiện một sự cố gắng lớn lao, trong địa hạt khoa học, trên tinh thần xa cách nhất với những sự áp dụng thực hành ».

Mà tất cả đều do sự tìm tòi ấy mà ra...

Chế độ công dân trong chế độ dân chủ ?

Ở Nga, các ủy ban xô-viết đã bắt buộc dân chúng chịu đựng những sự hi sinh nặng nề cần thiết để thực hiện hai vệ tinh Spoutnik, không quên làm cho họ chú ý đến những kết quả lớn lao thấu đạt.

Trong khi mức sống của thợ thuyền Nga bị kìm hãm rất thấp, tầng lớp trung lưu của các nước dân chủ Tây Âu tiêu thụ ết xăng, trả bằng số chỉ tệ lớn, để đi nghỉ chơi, xa các thành phố.

Trong tất cả các nước dân chủ ấy, những nghiệp đoàn thợ thuyền đòi hỏi và nhận hưởng những sự tăng lương, không phải chỉ tùy thuộc vào sự thắng tiến của việc sản xuất, điều hợp lệ công bình, mà còn đi quá ra ngoài, điều gây ra nạn lạm phát

và sự giảm sút mãi lực của tiền tệ. Chúng ta nhận thấy như thế ở Hoa-kỳ, Pháp, Anh và cả đến ở Đức, trong một mức độ nhẹ hơn.

Quốc gia không thể chống lại những hạng « đại phong kiến » ấy sao, ? Đáng lẽ quốc gia phải làm nhưng những người này, đối lại, có những vũ khí đáng sợ. Họ có thể làm đình chỉ sinh hoạt của quốc gia bằng cách gây sự thiếu điện, hơi, nước và những phương tiện vận chuyển ngoài những xe tư.

Một quốc gia không đủ sức bảo vệ tiền tệ có thể chẳng nhận hưởng của dân chúng có tổ chức, những sự hi sinh ngang với những sự hi sinh mà chế độ Xô-viết bắt buộc dân chúng vô tổ chức của họ chịu đựng ? Tây Phương có thể thắng chẳng trong cuộc chạy đua với Đông Phương ? « Bây giờ đây, chính gió Đông thổi bạt gió Tây ». Mao-trạch-Đông, nhà thơ và nhà độc tài đã nói như vậy.

Phải chăng sẽ vĩnh viễn như thế ? Trong cuộc thử thách về sức mạnh này giữa hai chế độ tinh thần căn bản chống đối, chế độ của chúng ta sẽ thắng chẳng hay tự do có thể trở nên một món xa xỉ nguy hiểm ?

Kết luận

Trên bình diện quân sự, sự kiện mới, rất lớn lao, là người Nga có trong tay « vũ khí tuyệt đối », đem lại gì ? Người ta đã nói rằng nó tái lập sự bình đẳng giữa hai kẻ không lồ. Đó là một lối nhìn có vẻ lạc quan. Quả rằng, không có vũ khí tuyệt đối, người Mỹ đã bố trí chung quanh Nga-sô những căn cứ làm bàn đạp cho máy bay của họ xuất phát. Nhưng họ

đã bố trí những căn cứ ấy trong những nước mà đất hẹp. Ngày 9 tháng 12, ông Mikoyan, phó thủ tướng Nga, nói : « Những căn cứ ấy sẽ bị san bằng ». Ông ta nói thêm rằng vùng lân cận sẽ chịu ảnh hưởng tai hại. Thật vậy, nếu sức nổ chính của bom hạch-tâm chỉ tác động trong phạm vi năm mươi cây số, những hơi của bom tác động trên một diện tích hàng trăm cây số. Đó là lý do khiến cho một số lớn phi cơ Hoa-kỳ ở các căn cứ ấy luôn luôn bay lượn trên không, mang bom nguyên tử. Do đó, có những sự phản đối của những nghị sĩ Anh tại Thứ dân nghị viện và bức vế trong báo Evening Standard : ông Bevan chỉ cho ông Selwyn Lloyd những phi cơ Mỹ chở bom khinh khí bay trên trời nước Anh và bảo : « Tôi không hiểu chúng có làm cho kẻ thù sợ không, nhưng đối với tôi, chúng làm tôi sợ ».

Cho dầu một hỏa tiễn sẽ tiêu diệt Mạc-tư-khoa có thể được phóng đi từ một chiếc tàu của Đế lục hạm đội và cả đến từ một tiềm thủy đình xuất hiện trên mặt Đại-Tây-Dương, điều đó cũng không làm cho người Mỹ yên lòng cho lắm. Về phần khác, họ hiểu rằng họ sẽ gặp khó khăn đến bao nhiêu để truy tìm vị trí những giàn phóng hỏa tiễn liên lục địa, trên đất Nga và trong vùng Tây-bá-lợi-á mênh mông. Một khoảng không gian lớn rộng ngày nay quý giá làm sao !

Mặc dù ngày 17 tháng 12, hỏa tiễn Atlas đã vượt qua 900 cây số, mặc dù hỏa tiễn Jupiter đã thành công được một nửa, họ vẫn ao ước rằng nhiều giàn

phóng hỏa tiễn được thiết lập trong các nước Tây Âu. Nhiều nước trong số này do dự, sợ rước họa cho họ. Họ quên rằng những giàn hỏa tiễn ấy dùng để làm cho người Nga tin một cuộc chiến tranh sẽ là một cuộc tự sát và họ quên rằng, nếu vì thiếu những giàn ấy, Hoa-kỳ bị tiêu diệt, sự nô lệ sẽ được dành cho phần họ. Họ cũng quên rằng những giàn ấy sẽ cần thiết cho họ để chặn đứng sự xâm chiếm của quân đội Nga. Ông ngoại trưởng Thờ-nhĩ-kỳ, đến Ba-lê dự hội nghị Minh ước Bắc Đại-Tây-Dương, đã hiên ngang bảo tôi : « Sự sợ hãi chẳng bao giờ cứu được một dân tộc ». Ở cuộc hội nghị ấy, chỉ có Anh, Hòa-lan và Thờ-nhĩ-kỳ là đã cương quyết nhận sự thiết lập những giàn phóng hỏa tiễn trong nước họ. Na-uy và Đan-mạch đã từ chối. Những nước khác đã xin đề suy nghĩ.

Người Nga đã quả quyết rằng sự chống đỡ lại vũ khí tuyệt đối của họ như thế, là một sự khiêu khích. Chúng ta đã từng nghe những lời ấy trong những ngày qua.

Còn về phần những nước đòi hỏi trong việc sử dụng hỏa tiễn những thủ tục này nọ trước khi dùng hỏa tiễn để trả đũa — vì, theo chính ý nghĩa công cuộc phòng thủ của chúng ta, chúng ta sẽ không bao giờ gây chiến — họ quên rằng mười phút có thể gây sự chết và phải làm cho người Nga tin rằng sự phản ứng sẽ tức khắc và hầu như tự động. Sự phản ứng ấy, vì tính chất sự việc, chỉ tùy thuộc ở vị Tư lệnh mà thôi.

Nói như thế rồi, ta cũng thấy rằng gây một chiến tranh thế giới sẽ đem lại cho Nga-sô những điều nguy hiểm lớn lao đến nỗi, trừ khi bị mất trí, hiển nhiên là các người lãnh đạo Nga sẽ tự tránh. Và lại người Nga chưa bỏ hi vọng chinh phục thế giới không cần Chiến tranh. Nếu một cuộc chiến tranh thế giới nổ, Nga-sô sẽ đánh một loạt những đòn nguyên tử nặng của họ vào kẻ thù chính là Hoa-kỳ. Nên chẳng kết luận rằng số phận của Tây Âu chỉ tùy ở phần chung cuộc của trận so kiếm giữa hai gã khổng lồ ? Không, vì không thể loại bỏ ý kiến rằng Nga-sô sẽ đồng thời vận dụng ưu thế đè bẹp của họ về vũ khí cỡ diện trang bị thêm bằng hỏa tiễn tầm trung bình, đối với Tây-Âu.

Về vấn đề chuẩn bị ứng phó với chiến tranh, tổng-thống Eisenhower đã rút một sự kết luận rất sáng suốt rằng các nước dân chủ phải hợp sức cố gắng của họ lại, thay vì tiếp tục làm việc theo một trật tự phân tán. Trong buổi tiệc thết đãi nữ hoàng Anh tại Hoa-thịnh-đốn, ông đã nói: « Các nước của thế giới tự do có sự hùng cường. Họ cần tập hợp lại. Những nhà bác học của chúng ta phải làm việc chung với nhau. Tổ chức Minh-Uớc Bắc Đại Tây Dương không thể được xem là một công cuộc liên minh quân sự đơn giản. Nó là một phương tiện để tập hợp khả năng những con người, nguồn lợi những kỹ nghệ, của chúng ta ».

Chúng tôi đã điếm qua sự ưu tú của những bộ óc ở châu Âu về lãnh vực nguyên tử. Lợi ích của thế giới tự do há chẳng phải là vận dụng được yếu tố ấy càng nhiều càng hay, sao ? Phải chăng, vì mối lo sợ tiết lộ cho địch những điều bí mật

mà địch đã hiểu tận tường, chúng ta sẽ chứng kiến, trong trận tuyến thế giới tự do, nước Anh mõi mòn với những phương tiện kém sút đề thờ theo kịp Hoa-kỳ ? Nước Pháp sẽ tự phá sản chẳng đề theo kịp nước Anh ?

Tổng thống Hoa-kỳ đã hiểu và đã nói, ở Hoa-thịnh-đốn, ở Ba-lê, rằng : nếu như vậy thì không hợp lý biết bao nhiêu, nhưng Quốc-hội Hoa-kỳ, than ôi, thấy chậm hơn ông. Chúng ta sẽ quay về châu Mỹ, làm cho họ nhận rằng chỉ sự hợp tác giữa các nhà bác học châu Mỹ và các nhà bác học châu Âu mới có thể khiến cho thế giới tự do phục hồi ưu thế.

... Mỹ Châu phải hiểu rằng một sự hợp tác toàn diện sẽ gây nên một âm hưởng rộng lớn trong dư luận công chúng của những quốc gia kỳ cựu.

... Chính phủ Hoa-kỳ đã quyết định tăng 1080 đô la vào lương mỗi năm cho các nhân viên khoa học và các kỹ sư và ông Nixon đã tuyên bố rằng về giáo dục, Hoa-kỳ cần đến một sự thức tỉnh quốc gia. Ông đã nói thêm rằng các bậc cha mẹ ở nước Mỹ phải ý thức về trách nhiệm của họ đối với con cái và tin vào chính họ, hơn là ở quốc gia, để tiến hành sự quật khởi cần thiết.

PAUL REYNAUD

Nguyệt-san La Revue de Paris tháng 1 năm 1958
Phương Trạch dịch

Lời phụ chú của người dịch. Đêm 31 tháng 1 năm 1958, Hoa-kỳ đã thành công trong việc phóng lên không trung vệ tinh Explorateur (Người thám hiểm). Vệ tinh Hoa-kỳ đang quay chung quanh trái đất. Theo chương trình được công bố, Hoa-kỳ sẽ phóng thêm một số vệ tinh khác quan trọng hơn nữa, đồng thời công cuộc thám hiểm cung trăng bằng hỏa tiễn đang được tích cực chuẩn bị ở Hoa-kỳ. Một niềm tin mới đang làm phấn khởi mọi người yêu chuộng tự do.

HÀNG



Giấy nói : 305

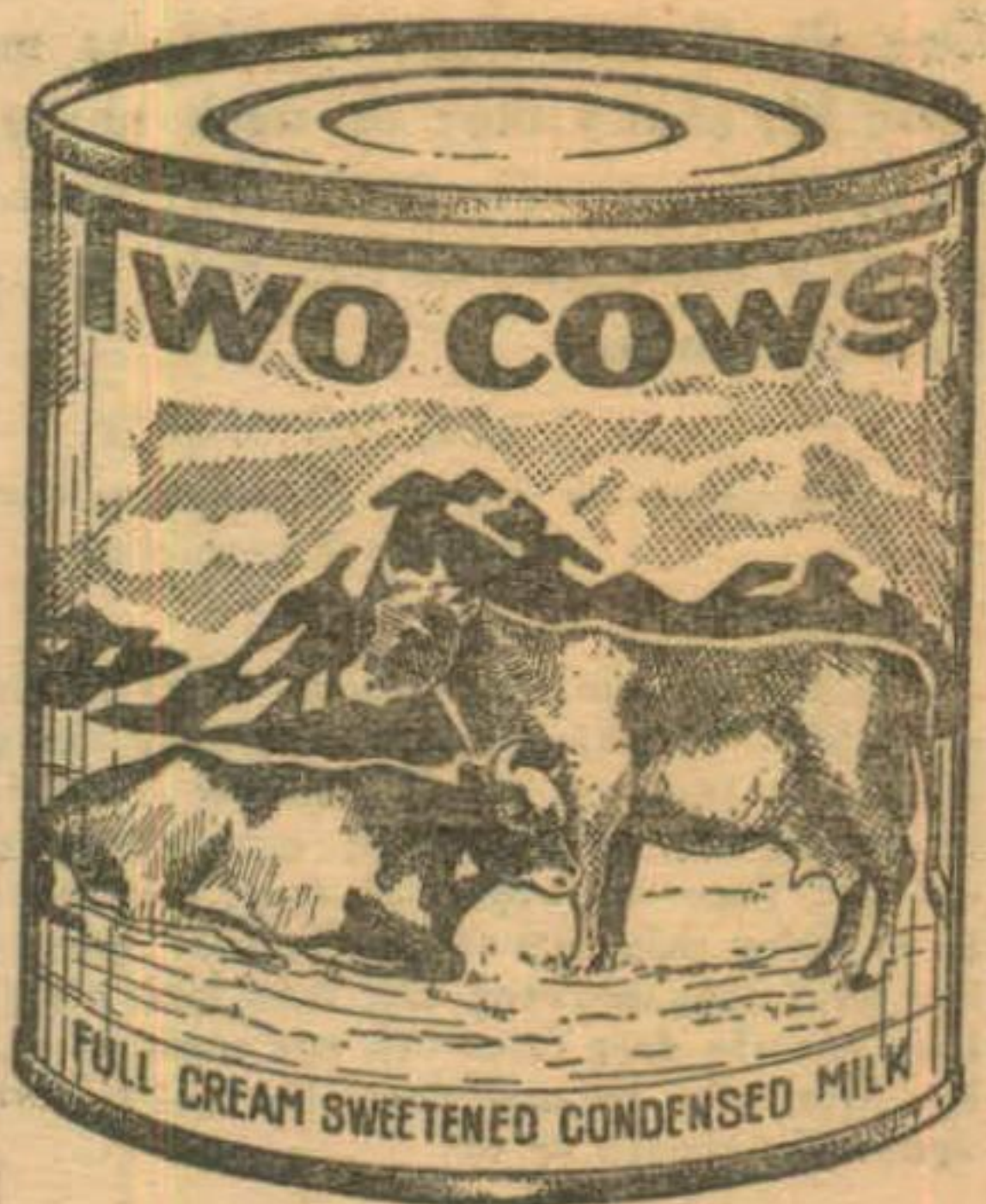
51A-53A, đại-lộ Hồng-Bàng
CHOLON

Giấy thép : KOL CHOLON

SẢN XUẤT :

- Kem và xà-bông đánh răng
- Các loại nút-ve, hộp, nắp, ống đựng thuốc cho các dược-phòng bằng chất nhựa Phénoplaste, mélamine, polyéthylène,
- Các thứ bàn chải đánh răng bằng nylon,
- Các thứ ống nước bằng chất vinyle
- Nút áo
- Các thứ vật-dụng điện-khí
- Dao bào râu, chén.

SỮA ((HAI CON BÒ))



Được

Viện PASTEUR

SAIGON

chứng nhận là một
thứ sữa có đủ chất
bỏ cho trẻ em dùng

PHẦN ĐÓNG GÓP CỦA VĂN HỌC
BÌNH DÂN TRONG VĂN HỌC BÁC HỌC

hay là

NGUỒN VĂN LIỆU
của TRINH-THỦ và KIM-VÂN-KIỀU

Tbuân-Phong

(Tiếp theo Bách Khoa số 23)



MRONG thề thứa, lời văn là yếu tố không kém quan trọng, mà TRINH-THỦ trong lời văn lại thực hiện một cuộc cách mạng khác. Thay vì lấy điển cố trong văn chương và truyện tích của văn học Trung-Quốc, TRINH-THỦ phần nhiều lại dùng thành ngữ,

tục ngữ và ca dao của ta, trái với thói tục của văn học bác học.

Dưới đây, xin kể ra phần văn học bình dân ấy của TRINH-THỦ để thấy vai tuồng hệ trọng của thành phần ấy, và cũng để thấy ngón nghệ thuật hòa hợp văn học bình dân với văn học bác học :

Trinh - Thủ

- 1 — Đương khi nói ngọt nói ngon
Bây giờ chuột Bạch còn run như cây.c26
- 2 — Tới bù khôn biết làm sao. Khác
nào như thề cáy vào hang cua. c. 30

Văn học bình dân

- Thành ngữ* : nói ngon, nói ngọt.
Thành ngữ : run như cây sậy.
Thành ngữ : cáy vào hang cua.

3— Một mình khuya khoắt ra đi,
Dường như giống vạc, có gì ăn đêm? c.44.

4— Rong rong theo nạ sớm trưa,
Của đâu cho được dư thừa miếng ăn. c.56.

5— Pha phối chẳng quản nhọc nhằn,
Chân le, chân vịt, nào phân đêm ngày.

6— Muốn ăn hết phải đào giun,
Pha bờ xông bụi, nào còn biết chi. c. 62.

7— Bây giờ sầy bước lữ chừng,
Tôi đây đã đội ơn chung lòng chàng. c.102.

8— Tóc thơ giải hết nguồn cơn,
Quyết liều chịu tốt thồn bơn một bề. c.106.

9 — Chữ rằng: Xuân bất tái lai,
Một ngày là mấy sớm mai hỡi nàng! c. 116.

10 — Chơi xuân kéo hết xuân đi,
Cái già sống sộc nó thì theo sau. c. 124.

11 — Song song như đũa có đôi,
Ấm no cùng thỏa, ngọt bùi cùng ăn. c. 134.

12 — Những loài ấy, kẻ làm chi ?
Rành rành bia miệng còn ghi đến
rày. c. 166

13 — Chàng nghe lại nói lời này :
« Nàng tuy biết một chưa hay biết
mười. » c. 168.

14 — Khó khăn nhà xác như vờ.
Nước sông gạo chợ, củi mua củi
đồng. c. 204.

15 — Vật nuôi còn chưa được no,
Của đâu thừa thãi để cho đến nàng.
c. 212.

*Ca dao : làm thân con vạc mà chẳng
biết lo.*

*Bán đồng cho cò, phải đi ăn đêm,
— Vạc kia bán ruộng cho cò.*

*Ngày thì nhịn đói, tối mò ăn đêm.
Tục ngữ: Rong rong theo nạ, quạ theo
gà con.*

Tục ngữ : Chân le, chân vịt.

Tục ngữ : Muốn ăn hết phải đào giun.

Thành ngữ : Sầy bước lữ chân.

*Tục ngữ : Thà rằng chịu ép thồn bơn
một bề.*

*Ca dao : Chữ rằng : Xuân bất tái lai,
Một ngày là mấy sớm mai hỡi nàng.
— Một năm là mấy tháng xuân,
Một ngày là mấy giờ dần sớm mai ?*

*Ca dao : Chơi xuân kéo hết xuân đi,
Cái già sống sộc nó thì theo sau.*

*Tục ngữ : Có vợ có chồng như đũa
có đôi,*

*Ca dao : Đi đâu cho thiếp theo cùng,
Đói no thiếp chịu, lạnh lùng thiếp cam.*

*Ca dao : Trăm năm bia đá thì mòn,
Ngàn năm bia miệng hãy còn trơ trơ.*

*Tục ngữ : Biết một mà chẳng biết hai.
— Biết một mà chưa biết mười.*

*Tục ngữ : — Xác như vờ, trơ như nhộng.
— Gạo chợ, nước sông.*

*Ca dao : Vật nuôi còn chưa được no,
Lấy đâu thừa thãi mà cho đến nàng ?*

16 — Vắt chày ra nước ròng ròng,
Miếng ăn dè cột chớ hồng mon men.
c. 216

17 — Húng tay dưới, vắt tay trên,
Rán sành ra mỡ, bon chen từng điều.
c. 218.

18 — Treo cồ chó, buộc cồ mèo,
Bình dưa lọ muối, chắt chiu nom dôm.
c. 220.

19 — Vặt đầu cá, vá đầu tôm,
Liệu thưng bữa sớm, bữa hôm ít nhiều.
c. 222.

20 — Anh nay nhờ phận ăm no.
Tồ nhân thiên táng, huyết do mối dùn.
c. 228.

21 — Tòa ngang dây dọc trùng trùng,
Tả lâu hoa tạ, hữu cung ngọc đường.
c. 242.

22 — Hôm qua máy mắt cho liền,
Nhện sa trước mặt báo tin ngoài thềm.
c. 276.

23 — Vẩy vùng ếch giếng tự kiêu,
Tham lam chẳng khác Lý - miêu đời
Đường. c. 304.

— Cá ao lẹ nửa cháy thành,
Cũng nhiều cấp phải lánh mình cho hay.

24 — Kinh nghệ vui thú kinh nghệ,
Tép tôm thì lại vui bề tép tôm. c. 318.

25 — Thà ăn cáy ngáy o o,
Còn hơn ngay ngáy ăn bò làm chi?
c. 322.

26 — Gặp sao hay vậy bao nài,
Cớ chi mà phải nghe ai bây giờ? 328.

27 — Chừa khi đến nỗi cháy mảy,
Vội chi mà bỏ chốn này đi đâu? c. 332.

28 — Há còn kén cá chọn canh,
Cơm nem đã trái, tay chanh đã từng.

Tục ngữ : — Vắt chày ra nước.
— Miếng ăn dè cột.

Tục ngữ : — Húng tay dưới, đỡ
tay trên.
— Rán sành ra mỡ.

Tục ngữ : Buộc cồ mèo, treo cồ chó.

Tục ngữ : Vặt đầu cá, vá đầu tôm.

Tục ngữ : Mồ cha chẳng khóc, khóc
ồ mối.

Thành ngữ : Tòa ngang dây dọc.

Tục ngữ : — Máy mắt ăn xôi, máy
môi ăn thịt, máy đít phải đòn.
— Nhện sa, xà đón.

Ca dao : Thứ nhứt thì gặp nhện sa,
Thứ nhì chuột rúc, thứ ba, hoa đèn,
Tục ngữ : Ếch ngồi đáy giếng coi trời
bằng oung.

Ca dao : Phòng khi sấm sét bất kỳ,
Cá ao rây họa nửa thì làm sao?

Ca dao : Kinh nghệ vui thú kinh nghệ,
Tép tôm thì lại vui bề tép tôm.

Tục ngữ : Ăn cơm mắm cáy thì ngáy o o,
Ăn cơm thịt bò thì lo ngay ngáy.

Tục ngữ : Gặp sao hay vậy.

Thành ngữ : Gấp như lửa cháy mảy.

Tục ngữ : Kén cá chọn canh.
— Cơm nem đã trái, tay chanh đã từng.

29 — Dứt lời nàng mới giải bày :
« Những điều mặt dạn mày dày khó coi. »
c. 414.

— Vườn xuân chàng sẵn có nơi.
Nguyệt hoa sao nở ép nài như ai ?

30 — Bây giờ rừng mặt vách tai,
Việc trong mới rắp, kẻ ngoài đã hay.
c. 418.

31 — Ra vào bật tiếng ngậm hơi,
Một mình sẵn sóc, hôm mai nhọc nhằn.
c. 438.

— Chẳng vì kẻ bắc người đông,
Ghen tuông vì nỗi chồng chung nồng nàn.

32 — Đề chừng bắt bóng dong dài,
Đá mòn đá vậy, miệng người thì sao. ?
c. 538.

33 — Nàng rằng : « Trong bấy nhiêu lời,
Rào sau đón trước cho ai đó mà ». c. 546

34 — Tía tai, đỏ mặt bừng bừng,
Vật mình nàng lại vang lừng nói ra.
c. 550.

35 — Ai ngờ mặt sứa gan hăm,
Rắn toan gà luộc rượu tắm thỏa lòng.
c. 560.

36 — Khác nào như nhện đánh vòng,
Ếch kia trong giếng còn mong kẻ dò.
c. 562.

37 — Đói thì đầu gối biết bờ,
No cơm ấm cật còn lo lắng gì. c. 564.

38 — Ngựa nghiêng như ốc biết gì,
Bật tay tăn hân đường dê mắc sừng.
c. 60.

39 — Thôi thôi chẳng lọ nói năng,
Giấu voi ruộng rạ nghĩ rằng kín thay.
c. 606,

40 — Hang hăm ai dám móc tay,

Chuột nào lại dám cắn dây buộc mèo. c. 608.

Thành ngữ : Mặt dạn mày dày.

Thành ngữ : Có nơi có chốn.

Tục ngữ : Tai vách mạch rừng.

Tục ngữ : Bật tiếng im hơi.

Ca dao : Vôi nào vôi lại chẳng nồng,

Gái nào là gái có chồng không ghen ?

Ca dao : Trăm năm bia đá thì mòn,

Ngàn năm bia miệng hãy còn trơ trơ.

Thành ngữ : Rào sau đón trước.

Thành ngữ : Đỏ mặt tía tai.

Thành ngữ : Miệng hùm gan sứa,

Ca dao : Trách lòng con nhện lằng loàn,

Chỉ bao nhiêu mối, mối đànang mối giếng.

Ca dao : Đói thì đầu gối hay bờ,

Cái chơn hay chạy, cái giò hay đi.

Thành ngữ : No lòng, ấm cật.

Tục ngữ : Hươu kia trót đã mắc chà,

Khi vào thì dễ, khi ra hiềm nghèo.

Tục ngữ : Giấu voi đụn rạ.

Tục ngữ : Chuột cắn dây buộc mèo.

41 — Mê say chìm đắm má đào.
Như mèo thấy mỡ khát khao thật là.
c. 619.

42 — Già chẳng thương, trẻ chẳng tha,
Khác nào như ếch thấy hoa thì vồ.
c. 616.

43 — Thường lường ở cạn có ru,
Mà toan bắt chước đũa ngu sờ sờ.
c. 620.

44 — Nàng rằng bắt chạch đang đuôi,
Kiện vô chứng có khôn đời đôi co.
c. 646.

45 — Giá rồi lặn cạn bỏ liều,
Sá chi vú xéch, lưng eo sờ sờ. C. 660

46 — Có trắng nên nổi phụ đèn,
Chẳng ngon thề sốt, thì liền bến hơi.
c. 664.

47 — Cười ra nước mắt hồ người,
Khen ai khéo đặt nên lời ví xura.
c. 666.

— Thế tình chuộng lạ tham thanh,
Thân tiên, thân cú ra tình xấu chơi.

48 — Còn duyên kẻ đón người đưa,
Hết duyên vắng ngắt như chùa bà Đanh.
c. 668.

49 — Cẩn đuôi tha trứng gần xa,
Cái thân tất tả như bà đánh ong. c. 674.

50 — Dạ tràng xe cát luống công.
Tò vò nuôi nhện há mong cậy nhờ ?
c. 676.

51 — Chèn nhau từng cạnh cho nên,
Trong bàn đã phỗng tay trên nực cười.
c. 680.

52 — Tiếng chua hơn nửa vắt chanh,
Toan đường tầm ngải lẫn càn được
sao ? c. 688.

Thành ngữ : Như mèo thấy mỡ.

Tục ngữ : — Già chẳng bỏ, nhỏ chẳng
tha.

— Ếch thấy hoa thì vồ.

— Ếch vồ hoa đâm bụi.

Tục ngữ : Thường lường ở cạn.

Ca dao : Người ta bắt chạch đang đầu.

Mẹ tôi tham giàu bắt chạch đang đuôi.

Ca dao : Ngày ngày hai bận treo đèn,
Sá gì vú xéch lưng eo hơi chàng !

Ca dao : Có trắng tình mới phụ đèn,
Ba mươi, mừng một đi tìm lấy trắng.

Tục ngữ : Không ngon cũng sốt, không
tốt cũng mới.

Tục ngữ : Khóc hồ người cười ra nước
mắt.

Tục ngữ : Tham thanh chuộng lạ.

Thành ngữ : Xấu như cú đẹp như tiên.

Ca dao : Còn duyên kẻ đón người đưa,
Hết duyên vắng ngắt như chùa bà Đanh.

Tục ngữ : Tất tả như bà đánh ong.

— Chuột đội vỏ trứng.

Ca dao : Dạ tràng xe cát biển đông,
Nhọc mình mà chẳng nên công cán gì.

Tò vò mà nuôi con nhện.

Ngày sau nó lớn nó quỵện nhau đi,

Tò vò ngồi khóc tí tí :

Nhện ơi nhện hơi, mầy đi đường nào ?

Thành ngữ : Phỗng tay trên.

Tục ngữ : Tầm ngải lẫn càn.

PHẦN ĐÓNG GÓP CỦA VĂN HỌC BÌNH DÂN

53 — Ta đây dễ nạt được nào,
Chẳng như kẻ quặp râu vào rổ roi.
c. 690.

54 — Chuột Bạch đỏ mặt tía tai,
Hỏi rằng : « Ai đẩy mắng ai chồn này ? »
c. 708.

55 — Hai bên hồn lạc phách xiêu,
Trèo non nhảy núi ra chiều lao đao.
c. 714.

56 — Sinh rằng : « Những tính hay ghen,
Hễ là già néo ắt liền đứt dây. » c. 734.

57 — Trót đà cả giận mất khôn,
Bây giờ cần rồn lại còn được ru ?
c. 758.

58 — Ở đời vô sự là tiên,
Mà đều yên đẹp hơn bên cục cần c. 770

59 — Trót đã cùng chiều cùng chắn,
Lẽ nào con nhện mấy lần vương tơ ?
c. 772.

60 — Chớ toan những sự tranh phôi,
Bớt bèo ra bộ, tanh hôi cửa nhà,

61 — Đàn bà như hạt mưa sa,
Gặp sao hay vậy biết là đâu hơn.
c. 778.

62 — Một câu nhin, chín câu lành,
Chớ hề tạt đổ cây mình, cây công.
c. 782.

63 — Mới là phải đạo xướng tòng,
Chiều người lấy việc, chiều chồng lấy
con. c. 784.

64 — Cơm chẳng lành, canh chẳng ngon,
Rang rang thôi hết khéo khôn đàn bà.
c. 786.

65 — Mèo lành ở mã đâu là,
Của yêu đâu có bày ra ở ngoài. c. 788.

66 — Tránh voi xấu mặt hay sao ?
Hãy xem sứa vượt được nào qua dăng ?

*Ca dao : Xưa nay có thể nầy đâu ?
Bớt chừng sợ vợ nên râu quặp vào.*

Thành ngữ : Đỏ mặt tía tai.

Thành ngữ : Hồn lạc phách xiêu.

Tục ngữ : Già néo đứt chẳng.

Tục ngữ : No hết ngon, giận hết khôn.

Ca dao : Cả giận mất khôn.

Bây giờ cần rồn lại còn được ru ?

*Ca dao : Nhút cao là núi Tản-Viên,
Bình yên vô sự là tiên trong đời.*

*Ca dao : Suy đi nghĩ lại xa gần :
Làm thân con nhện mấy lần vương tơ ?*

Tục ngữ : Bớt bèo ra bộ.

*Ca dao : Đàn bà như hạt mưa sa,
Hạt sa xuống giếng, hạt sa ngoài đồng.*

Tục ngữ : Gặp sao hay vậy.

Tục ngữ : Một câu nhin, chín câu lành.

*Tục ngữ : Chiều người lấy của, chiều
chồng lấy con.*

*Tục ngữ : Cơm chẳng lành, canh chẳng
ngon,*

*Tục ngữ : Mèo lành chẳng ở mã, ở
lành chẳng ở hàng cơm.*

Ca dao : Mèo lành ở mã bao giờ,

Của yêu ai có bày ra ở ngoài.

*Tục ngữ : Tránh voi xấu mặt hay
sao ?*

Mấy đời sứa vượt qua dăng ?

67 — Làm chi mặt vượt, mặt dăng,
Dứt dây chẳng sợ động rừng kia ru ?
c. 794.

68 — Kíp toan cái dũ làm lành,
Ất là sum họp yễn anh một nhà.
c. 798.

69 — Những người mặt dạn mày dày,
So xem ắt cũng chẳng tày muông dê.
c. 812.

70 — Dấu răng đá lở non mòn,
Tấm lòng tạc sắt ghi son chẳng dờn.
c. 824.

71 — Làm trai ba bảy mới xinh,
Tài nào mà giữ một mình được ru ?
c. 836.

76 — Người xưa câu ví còn gương :
Đàn bà cả tiếng, tan hoang cửa nhà.
c. 840.

Tục ngữ : Đánh trống động chuông, bứt
mây động rừng.

Tục ngữ : — Làm lành lánh dữ.

Thành ngữ : — Sum họp một nhà.

Thành ngữ : Mặt dạn mày dày.

Ca dao : — Đá mòn, nhưng dạ chẳng
mòn,

Tào khê nước chảy, lòng còn trơ trơ.

Tục ngữ : Trai làm nên, năm thê,
bảy thiếp,

Gái làm nên thủ tiết thờ chồng.

Tục ngữ : Trai năm thê, bảy thiếp,

Gái chính chuyên một chồng.

Tục ngữ : Đàn ông rộng miệng thì
sang,

Đàn bà rộng miệng, lan hoang cửa nhà.
(còn tiếp)

*Ai qua núi Ấn sông Trà,
Nghe chẳng tiếng gió mặn mà nhắc ai...*

Hiệu THIÊN-THAI

114, đại-lộ Quang-Trung, 114
thị-xã QUẢNG-NGÃI

XUỐNG SẢN-XUẤT HAI ĐẶC-PHẨM CỦA CÀM-THÀNH :

MẠCH - NHA và KẸO - GƯƠNG

(bảo-dảm chế-tạo đúng nguyên-chất và hợp vệ-sinh)



*Làm quà cho bà-con, người quen, bạn-hữu, hoặc cúng-kính,
sêu tết, tưởng không còn gì bằng hai đặc-phẩm nói trên :*

đã ngon, lại bổ (có nhiều sinh-tố), còn
khuyến-kích một tiểu-công-nghệ nước nhà.

Compagnie Générale de Commerce (L. RONDON & C^o LTD)

30-32, Đường Pasteur

— SAIGON —

Tél. : 21.081/82

B.P. 318



Son service

MATÉRIEL AGRICOLE GÉNIE CIVIL et INDUSTRIEL

FIAT	Tracteurs à chenilles et à Roues	LETOURNEAU	Engins de terrassement
SEVITA	Matériel agricole	KOEHRING	Matériel T.P.
RUSTON & HORNSBY	Moteurs verticaux et horizontaux	GRAY MARINE	Moteurs marins
DOG-IRAT	Moteurs industriels	BERGEAUD	Concasseurs fixes et mobiles
ALBARET	Rouleaux compresseurs	LE ROI	Compresseurs
LEON HURE	Fraiseuses	CULLIER	Perçuses
		BERNADOU	

MULLER et PESANT Tours à métaux et à bois



Son service

IMPORTATION GÉNÉRALE

MARTELL	Cognac	BARDINET	Liqueurs
GRANTS	Whisky (Scotch)	FERREIRA'S	Porto
NEGRITA	Rhum	SEAGRAM'S	Gin
BOLLINGER	Champagne	SEAGRAM'S	Whiskk V.O. (Canadian)
NOILLY		FOUR ROSES	Bourbon
PRAT	Vermouth		



COTY	Parfumerie	GOUVY	Houes
OREAL	Produits capillaires	PROUVOST	Laine «les deux béliers»
CHIRIS	{ Huiles essentielles Essences synthétiques	VILLARDERE	Tondeuses { AVENIR ETOILE

THIRIEZ ET CARTIER BRESSON Fil à Coudre à Broder et à Tricoter



DISTRIBUTEUR GÉNÉRAL

de la Manufacture Indochinoise de Tabac et Cigarettes (MITAC)

« MÉLIA »



NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI

(Tiếp theo kỳ trước)

PHẠM-HOÀNG-HỘ

Xem trên ta thấy giữa loài người và khi hiện tại xưa có rất nhiều hình thức trung gian, có tính cách tổng hợp nửa người nửa khi. Các người ấy, ta có thể nói là « khi hú cũng nghe theo mà người gọi cũng chạy lại », cũng vì ở lưng chừng. Và các hình thức giữa đường ấy cho ta một bằng cứ rõ rệt của sự tiến hóa và chứng minh rằng tổ tiên ta do thú khi mà ra.

Nhưng phải cần nhiều tài liệu hơn thế nữa mới ráp lại nổi tông môn của loài người một cách kỹ càng.

Sự tiến hóa ấy, cũng như những sự tiến hóa khác, ví dụ ngựa, không trơn tru, mà đầy nhánh cạnh mấy nhánh ấy tất dọc đường,

Nên chú ý rằng ở mỗi lúc các hình thể, người khi ấy chiếm cả lục địa (cụm lục địa và Phíchâu) đầy hợp theo thuyết toànsinh?

Có lẽ không, vì sức bành trướng của các sinh vật khôn ấy rất mạnh. Nếu ta biết tuổi tác các hoá thạch cho thật kỹ (rất khó) có lẽ chúng ta sẽ biết được các trung tâm sáng tạo. Nhiều người cho rằng có lẽ là Phíchâu, nhiều người cho có lẽ các vùng như Ấn độ.

Chúng ta đã thấy sự tiến hóa từ khi đi đến ta. Bây giờ chúng ta tự hỏi vậy chớ khi do đâu mà ra?

NGUỒN GỐC CÁC TỨ THỦ

Nhóm có vú thủy tộc của các khi và người, lúc xưa bắt đầu sống trong rừng, ở trên cây. Và lúc đó là những hình thức tổng hợp, như tất cả các sinh vật khởi nguyên của một nhánh, nghĩa là không có tính gì chuyên môn rõ rệt. Vì ta biết một sinh vật chuyên môn rồi thì năng lực tiến hóa của nó không

còn mạnh tạo nữa ngoài chiều chuyên môn ấy.

Hầu hết các nhà cổsinh học đều đồng ý với nhau mà cho rằng thủy tổ của nhánh khỉ người là một sinh vật nhỏ nhắn ăn côn trùng, hình thức tương tự như con chuột xạ bây giờ sống trước thế hệ thứ ba.

Các loài chuột xạ bây giờ có tính rất hỗn hợp, không chuyên môn, chúng vừa giống các thủy tổ của các loài ăn thịt và khỉ mèo (*galeoptheclus*). Chúng phát sinh đã rất lâu và từ đấy không biến đổi mấy. Bộ răng rất hợp với một bộ răng cò lỗ. Nhưng óc đã bắt đầu nẩy nở.

Một vài loài chuột xạ như thế xưa bắt đầu sống trên cây và lần lần tiến hóa theo chiều tứ thủ hóa, chuyện ấy xảy vào thời đại phấn kỷ.

Các tứ thủ có gì đặc sắc? Chúng có một bộ óc nẩy nở và nhiều tứ chi trong đó một ngón (ngón cái) có thể co vào các ngón kia thành ra tay hay chân có thể bóc được. Thường các tứ thủ có một thói quen không tinh xảo trái lại mắt có thể thấy xa gần (thấy nổi : sự thấy trực thê).

Sự biến đổi ấy xảy ra là nhờ sinh vật sống ở cây. Ở trên cây sinh vật, cần phải bám vào nhánh cho chắc kéo rơi. Nhờ thế một bàn tay dẹt dài, bóc nắm được nẩy sanh, và là một khí giới vô cùng quý giá của nhóm.

Song ở rừng, sinh vật không phải bám vào nhánh nào cũng được. Nếu bám vào một nhánh nhỏ đòn thì hỏng. Vì thế tay phải sờ mó, thử trước khi bám vào. Nhờ thế mà tay trở nên bộ phận đảm nhận một giác quan : sự sờ mó.

Xưa sinh vật tìm thức ăn bằng đầu, đưa mỏ ngửi, đưa mỏ tận đến thức ăn. Vì thế mỏ dài có lợi. Mắt gần miệng có ích, giúp miệng dễ tìm thức ăn.

Nay với tay, đầu không đảm nhận công việc xoay thế. Tay kiểm thức ăn và đưa tận miệng, mỏ dài vì thế không ích nữa và ngắn lại.

Xưa miệng phải căng xé, đập thức ăn, Như thế nhờ hàm to, bắp thịt nẩy nở. Nay tay đảm nhận các việc ấy và chỉ đưa vào miệng những miếng nhỏ. Hàm không cần to, bắp thịt không cần nẩy nở. Nhờ thế bộ óc nẩy nở được.

Đồng thời sinh vật trong lúc mò, thử các nhánh lựa nhánh chắc, thì cơ thể ăn chịu tạm trên hai chân. Lần lần hai chân quen như thế. Và cách đứng như thế giúp hai tay được tự do, dễ kiểm ăn.

Xem thế ta thấy nhờ cách sống ở cây mà ta có hai tay khéo léo, và vì thế ta có thể có một mỏ ngắn lại, và lần lần có một cử chỉ càng ngày càng đứng thẳng trên hai chân.

Nhưng thuyết trên dựa theo thuyết LAMARCK nhiều quá. Và lại nhiều sự việc làm ta nghĩ ngược lại rằng nhánh người xưa không có đi qua giai đoạn ở trên cây. Các sự tìm tòi ở Phíchâu cho thấy những con khỉ nhân hình của trung tân, rất gần các con hắc tinh tinh và gibbon hiện tại, nhưng lại không có tính « thú-ở-cây ». Thế ở chuỗi này, bắt đầu không phải do một tổ tiên ở cây.

Như dù sao dọc theo sự tiến hóa ấy, óc càng ngày càng to.

Thế ta có các khỉ. Nhưng khỉ không ở cây hoàn toàn. Vì sao chúng lại trở về

đất ? Có lẽ vì lúc xưa nhỏ thó thì ở cây gọn. Lăn lăn vócvác to ở cây không tiện nữa, leo trèo mệt hơn đi ở đồng bằng, nơi này sinh vật, nay với óc to, trí khôn này nờ kiếm thức ăn dễ hơn xưa. Vì thế nên xưa ở đất, nay chúng trở về đất, dọc đường thâu thập được những tánh rất quý của bộ óc và tay.

Các chuộtxạ xưa ta có thể kể *Mixodesies*, *Indrodon*, *Notodestes*. Từ một vài loài của nhóm này sự tứthủhóa sẽ đưa đến các phủhầu và hồhầu. Đó là đến Thủytân.

Phủhầu và hồhầu, nhánh này sẽ dẫn đến loài người ? *BROOM*, *ELLIOT SMITH* và nhiều nhà còsinh học khác cho rằng đó là nhánh phủhầu, vì các khí này có những tính cách tổng hợp rõ rệt. Hiện tại chỉ còn con *Tarsius spectrum* ở Java, bằng con chuộtcống. Nó không khác các phủhầu xưa bao nhiêu vì nhánh này không thay đổi mấy từ đó tới giờ. Con hóathạch sống này không có vị trí trong phân loại học chỉ vì nó vừa là khí vừa là hồhầu vừa là loài ăn côn trùng. Các nhà bách học ấy cho rằng một phủhầu có cặp mắt lăn lăn xê gần nhau và nhờ thế có thể ngó thực thể rồi lăn lăn óc to ra, cấu tạo tinh xảo lên là thành một con khí.

Nhiều nhà bách học khác (*ARAMBOURG*, *ARON* và *GRASSE*...) không chịu như thế, chỉ vì các phủhầu có tính tổng hợp thật, nhưng chúng đã có tính cách quá chuyên môn rồi. Mắt rất to đối với đầu, có thể thấy các côn trùng trong đêm tối. Và chân sau của chúng đã thích ứng để nhảy rồi.

Có lẽ nhánh dẫn đến loài người lúc này có hình thức tương tự như các hồhầu, và còn tính cách loài « có vú ăn côn trùng » như : *Anaptomorphus* và *Tetonius* ở Thủytân

(Mỹ). Chúng có những răng cối hồhầu để cạnh răng trước, răng cối của một loài ăn côn trùng (*Sorecides*) với mấy răng cửa mọc mãi như của các « khúcxỉ ». Sọ cũng như khúcxỉ. Thật là những tánh nét hết sức tổng hợp.

Vào cuối thủytân thì nhánh khí tự chế làm hai nhánh, một nhánh bị ngăn ở Mỹ và cho các khí quăngtị (mũi to, đuôi có thể dễ theo, răng từ 32 đến 36 cái) và nhánh kia tiến hóa ở cựulục địa, sẽ cho các khí tiềutị (mũi nhỏ, 32 răng) Hãy bỏ các quăngtị mà theo các khí tiềutị.

Vào đầu tiệmtân ở Phíchâu có khí thật rồi. Ấy là con *Parapithecus Fraasi* (ở Aicập). Đến con *Propliopithecus* là bắt đầu chuỗi khí nhân hình. Con này nhỏ hơn con *Parapithecus* và vócvác cỡ một con vượn con. Răng, trán, đầu đã giống con vượn và có lẽ đó là thủytò của con này và của mấy con nhân hình hiện tại, luôn cả người (*Schlosser*, *Arambourg Aron* và *Grassé*, *Broom* v.v...)

Công thức răng của nó là :

(2 răng cửa, + 1 răng chó + 2 răng trước cối + 3 răng cối)

$$\frac{2}{2} c + \frac{1}{1} ch + \frac{2}{2} tc + \frac{2}{3} cl.$$

Đến trungtân thì có các nhân hình thật. Đó là những hóathạch tìm được ở chân núi Himalaya. Như con *Dryopithecus fontamei* có rất nhiều tính làm cho *Gaudry* và *Grégory* xếp nó kể con hắctinh tinh nhất là con khỉđột.

Cũng ở Trungtân người ta tìm được con *Limnopithecus Legetet* vô cùng quan trọng ở chỗ nó có một vài tính cấp báo rằng nhánh khí người sẽ xuấthiện. Con đó giống con

vượn với nhiều tính và lớn cũng bằng. Nhưng rằng nó lại có tính của con người vượn nhất là ở hàm răng sữa của nó. Nó có một tính tiến hóa (Arambourg) làm khu biệt nó ra khỏi các khi nhân hình.

Và sau rốt đến giữa thủy tân thì ta có con vượn người.



MỘT THUYẾT VỀ SỰ TIẾN HÓA TỪ KHỈ ĐẾN NGƯỜI: THUYẾT TRƯỜNG THAI



Có rất nhiều tính đặc biệt của loài người lại có ở các con khi nhân hình con, hay ở thai nó, nhưng mất đi khi chúng lớn lên. Ví dụ như con vượn con thì đầu to trán võ có tính như người, rồi lần lần đầu ấy bé lại. Các khi nhân hình giống loài người trong khi thai hay con nhỏ nhiều hơn là lúc nào cả.

Sosánh với các sinh vật cao cấp khác, thì đời sống của chúng ta giải ra rất nhiều. Nếu chúng ta sosánh loài người với mấy loài có vú khác và nhất là mấy loài thú ấy, chúng ta sẽ thấy không có loài nào mà lớn chậm như loài người, từ mới sanh cho đến trưởng thành và sau sự sinh trưởng rất từ từ ấy, chúng ta được hưởng thêm một kỳ trưởng thành dài hơn tất cả loài có vú (trừ loài tượng). Nếu chúng ta sosánh về phương diện đó thì chúng ta kết luận rằng các loài có vú khác « chín » đề mà « rụng », còn chúng ta trái lại chín đề mà sống. Và kể đó, tới lúc trưởng thành cần cỗi ở chúng ta giai đoạn ấy cũng dài hơn.

Sosánh với các loài có vú ta thấy điều này nữa là tất cả đều sanh sản được khi nào chúng đã lớn hoàn toàn hay gần hoàn toàn rồi. Trái lại ở loài người, METCHNIKOFF cho biết rằng « tuổi dậy thì (sinh sản được) xuất hiện trong lúc mà người con gái còn tính cách hoàn toàn trẻ con ». Rằng chúng ta chỉ điều đủ vào lối 25 tuổi trở lên. Bộ óc cũng chỉ hoàn toàn sau tuổi đó. Thế thì ta chỉ hoàn toàn vào 25 tuổi trở lên, vậy mà loài người có thể sanh sản được vào 12, 13 tuổi.

Với ý kiến ấy nhà nhân thể học Hòalan BOLK mới đề xướng thuyết trường thai của ông năm 1926. Theo thuyết đó thì mấy đặc sắc của loài người thì do sự tồn tại lại của các tính của một cái thai thú (trường thai) và đứng về phương diện hình thể học mà nói thì « loài người có thể định nghĩa là một cái thai thú trở nên đủ sức để sinh sản ».

Nhất là ta sosánh chúng ta với các khi gần chúng ta như hắc tinh tinh, lườiười hay khi đột. Khi ta quansát sự sinh trưởng của chúng thì thấy khi chúng còn là một cái thai thì chúng không khác loài người chút nào và trông chúng lúc đó có đủ điều kiện để trở thành người như cái thai ta vậy. Mới sanh ra có một nước da hồng hồng và lông dưng như không có đầu tròn, to, giống một đứa trẻ mới sanh một cách không tưởng tượng (René Thevenin). Mặt dầy vẻ thông minh. Lúc đó sự khôn ngoan của nó nầy nở mau hơn một đứa trẻ đồng tuổi. Và chúng có thể xét đoán chọn lựa hành động có ý thức trong lúc mà đứa bé, đại diện cho chúng ta, vẫn chưa biết gì cả (KELLOG đã nuôi con

ông chung với con khi y như nhau (đề so sánh) lẫn lộn nó biết nghe được cả năm chục tiếng người và ta có thể xoay lưng mà nói «mày muốn ăn một trái cam không?» với bất cứ một giọng nào nó cũng vẫn biết và háp tấp đòi liền. Lúc đó 16 tháng nó khôn bằng một đứa trẻ hai tuổi và phân biệt được cái nào chủ cấm cái nào chủ cho phép.

Nhưng lẫn lộn trí khôn của nó ngừng lại để cho loài người lướt qua và bỏ rơi lại tận đàng sau xa. Lẫn lộn nếu ta cho con khi và đứa bé trên, mỗi đứa một cây viết chì: đứa nhỏ thì vẽ này nó tượng trưng cái gì nó đã thấy, biết, còn con khi ta thì chỉ quây bậy bạ chớ chẳng biết gì cả. Và lúc đó đứa bé bắt đầu bập bẹ nói còn con khi đành chịu.

Đó là do sự nẩy nở khác nhau ở đầu và óc. Ở con khi bộ óc nẩy nở mau chóng, nhất là phần trán vị trí của trí khôn. Nhưng xương đầu ở đó lại mau cứng rắn đi và bóp chẹp cái óc không nẩy nở nữa được. Ở khi các xương đầu dính nhau thiệt thọ vào lối 5 tuổi, còn ở loài người thì chỉ vào cỡ 30 tuổi mà thôi!

Tóm lại so sánh ta với khi thì ta có thể cho ta là một con khi mà trí khôn nẩy nở mãi như ở giai đoạn 3 đến 5 tuổi của khi vậy.

BOLK còn đưa ra nhiều bằng cứ khác. Tỉ như lỗ chằm (1) của các khi nhân hình thì ở phần sau của sọ, còn ở loài người thì ở giữa. Nhưng ở thai của khi nhân hình thì lỗ ấy ban đầu cũng ở giữa, song lẫn lộn chúng xê về phía sau. Mấy môi lớn của âm hộ thì chỉ có đàn bà là có, ở mấy thai và đến các khi nhân hình mới sanh cũng có mấy thệp ấy. BOLK còn cho

rằng sự không lông của chúng ta là cũng do sự tồn tại của tính thai nữa! Da không lông là một đặc điểm thai nhi của tất cả loài thú. Tất cả loài khi hạ cấp khi mới sanh ra thì mình đầy lông lá rồi. Ở con vượn nầy nở đã chậm lại: con mới sanh chỉ có lông ở đầu và lưng còn bụng thì chưa. Ở con khỉ đột và hắc tinh tinh thì chỉ có cái đầu có mà thôi, còn toàn thân thì trần, nên mới sanh ra đã giống người, và theo REICHENOW tả thì chỉ sanh 3 tháng mới hoàn toàn mọc lông, ở con khỉ đột ngực có thể hoàn toàn trụi. Và ở người tính cách thai hoàn toàn ở người đàn bà hơn ở người đàn ông. Đó là một ví dụ của sự tồn tại của một tính thai, do sự kéo dài ra của thời kỳ sinh trưởng.

Chúng ta đã nói, người khác các thú ở chỗ người lớn rất chậm, Người chỉ đến tuổi trưởng thành sau một thời gian rất dài, nhờ thế mà cái óc có thời gian nẩy nở thu thập kinh nghiệm. Các tế bào thần kinh lớn mãi cho đến 30 tuổi mới ngừng. Ở khi thì khác, đến cỡ 6-7 tuổi thì óc của chúng đã lớn bằng hai lúc mới sanh, song hết lớn nửa được. «Nhất là ở bộ óc thì ở ta sự nẩy nở chậm lại một cách hiển nhiên, nó phải mất một thời gian rất lâu mới tự chủ, trái lại ở khi thì khác, còn nhỏ chúng có một sự thông minh, một sự trẻ trung vui vẻ có thể bằng hay hơn một đứa trẻ cùng tuổi, nhưng chỉ trong một thời gian rất ngắn thì sự tự nhiên ấy mất đi và chúng chỉ còn là một cái máy chứa những phản ứng có điều kiện của Paulof và bản năng cảm thú. Nhờ sự chậm lớn mà óc loài người có thể chứa vô số hình ảnh và kỷ niệm, đời sống vị thành niên lâu dài làm nầy sanh

(1) chỗ mà bộ thần kinh lên đầu

ra giadinh, trong đó loài người học hỏi, thuthập kinhnghiem của kẻ khác, đó là những nguyennhan của sự tiembộ không ngừng ».

Theo thuyết trườngthai thì về sự xuất-hiện của loài người do một sự biểndồi hoàntoàn của cơ thể. Một sự biểndồi sâu xa như thế không thể nào do ảnhhưởng ngoài, không thể do một sự thíchứng vào ngoại cảnh, một đầothải thiennhiên (sanh non yếu ớt, dễ bị tiểudiệt) hay đầothải về phái. BOLK cho rằng nó là một nguyennhan hoàntoàn trong, chứ không như ở thuyết tứthủhóa mà ta đã thấy, trong ấy ngoại cảnh dự phần to. Ví dụ như tringtráp.

Chúng ta đã biết ảnhhưởng sâuxa của các tringtráp trong sự sinhrưởng của sinh vật, nhất là mấy tuyến « tòngchihuy » như năothùy. Mặc dù chúngta chưa rõ hết cả tácdụng của các tuyến ấy trong sự sinhrưởng, chứ muốn cho có một sự trườngthai trên thì ta có thể tưởngtượng rằng có một sự ngẫubiến nào đó làm thay đổi các tuyến tòngchihuy thế là rungđộng vào tất cả tuyến của cơ thể như ta đã biết.

Sự trườngthai dường như cũng theo luật trưcsinh nghĩa là càng ngày càng tăng. Người Homo Sapiens chúng ta giống một đũa nhỏ của (neandertal) hơn, vì đũa nhỏ này không có vành chân mày lộ.

CUENOT phêbình thuyết trườngthai viết : « Tất cả đều chứng tỏ rằng dường như là loài người không phải do một sự tiembộ từ từ, khó thấy được, của một nhánh khi nào mà là do một sự tiembộ đặtnghệ của một tháinhị của một loài khi, sự đặtnghệ sinh ra sonhan... sonhan ấy xuấtthien một cái một với mấy tínhcách đặcbiệt của nó với một sự sinhrưởng lâu dài hơn khi đặtnghệ, hăctinhthinh (hai con này đã chậm lớn

hơn các khi khác một cách rõrệt) với một trí khôn, một sức sángchế, một sức thíchứng vào hoàn cảnh với những cấutạo riêng biệt... »

Nhưng thật ra thuyết trườngthai này chỉ hấpdẫn ta về phưongdiện triethọc và xãhội. Người khác khi chỉ ở người luôn luôn trệtrung, dântộc nào mà thànhniên già sớm là tỏ ra không tiembộhóa. Vui về trệtrung là một nểntàng trong sự giáodục thanhniên.

Nhưng về khoa học thuyết trườngthai nay không còn là một thuyết giảithích nữa. Sự trệtrung của loài người và sự cẩncổ của khi chỉ tươngđối. Nếu chúng ta có thể nói « người do khi càng ngày càng buong thai hóa mà ra » thì chúngta cũng có thể nói rằng « Khi cùng một gốc với người song vì tiembộhóa đặcbiệt theo chiều khi ».

Mà thật chỉ giảithuyết này là đáng nhớ. Nhánh người và nhánh khi xưa do một gốc chung mà ra, song trong lúc nhánh người do tiembộhóa cấpbách bộ óc, tất cả các tánh của cơthể đều ngừng lại, khi, ngược lại, tiembộhóa mau theo chiều khi, nghĩa là cơ thể thay đổi trong lúc bộ óc ngừng lại. Vì thế mà nay nhiều tánh của khi giống người ta chỉ gặp ở khi con thoi.

Thế chúngta không khái là một cái thai của một khi nhânhình nào hết. NEUVILLE cho biết rằng nhiều tính người mà BOLK cho là một sự trườngthaihóa, lại là những tính tiembộ hơn ở khi nhiều.

Tóm lại, chúngta chỉ còn có thể nói rằng « Chúng ta khác khi ở chỗ ta ở mãi giaiđoạn trẻ ».

Mà tính trẻ của một nhánh sinhvật là một điềukiện chánh để cho nhánh ấy tiembộhóa được. Luật này cũng đúng ở xãhội.

PHẠM-HOÀNG-HỘ

SƠ LƯỢC SÁCH THAM KHẢO

Psychologie des animaux T.C. Fillou 1950	Presses universit.
Les singes anthropoïdes Achille Urbain et P. Rode	Presses universit.
Jusqu'où le singe est-il homme ? (R. Thevenin 1948)	Albin Michel
La terre avant l'histoire E. Perrier 1954	A. Michel
Mesure de l'homme R. Collin 1948	A. Michel
La genèse de l'humanité C. Arambourg 1956	Presses universit.
Les origines de l'homme R. Broom	Payot
Les hommes fossiles M. Boule 1923	Mauon
Préhistoire et histoire naturelle de l'homme W. Howells 1948	Payot
L'homme préhistorique H. Weinert 1944	Payot
L'homme et le singe de Pitdown (Piveteau)	Nguyệtsan Nature 1954. N° 3237
La destinée de l'homme Lé Comte de Nouy 1948	La colombe
L'avenir de l'esprit Lecomte de Nouy	Gallimard
Conquêtes et problème de la science contemporaine dịch tiếng đức Bernhard Bavink 1948 Baconnières	
Les origines de la culture humaine J. Elips 1951	Payot
Le groupe zoologique humain T. de Chardin 1955	A. Michel
L'apparition de l'homme T. de Chardin 1956	A. Michel
The man and the vertebrates A. S. Romer 1947	Chicago



NHỚ NGÀY LY LOẠN

Đoái trông về thuở loạn ly.
VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

Ô, sao đêm nay lòng xôn xao,
Ồ, sao đêm nay hồn nao nao,
Ngựa bước chồn chân, về nẻo trước,
Mười năm loạn ly, chừ, trở bàn tay, chiêm bao.

Lệ thấm đêm nay, phai màu áo vải,
Khóc cha già « khất thuế » chết năm nao,
Còn thằng em nhỏ say chinh chiến,
Đã chết từ biên giới Hạ-Lào.

Nhớ lại quê hương, ngày Tây đồ bộ,
Ruộng vườn xơ xác, dấu giày chông,
Mẹ hiền, ngoảnh lại... thăm rọi lệ,
Nhìn mái nhà tranh lửa bập bùng.

Tôi đốt nén hương, vọng người em gái nhỏ,
Trên đường chạy loạn, một chiều nao,
Em tôi kiệt sức nằm bên dốc,
Hai gót chân son rớm máu đào.

Tôi nhớ chị tôi, chiều chiều ra tựa cửa,
Anh tôi đi, chị lữ mối duyên đầu,
Rồi anh chết, thuở quê hương tràn khói lửa,
Chị thần thờ, nhìn bãi bè tiếp nương dâu...

... Sinh thời loạn, thương thân lao đao,
Gác trọ, thâu canh nhìn trăng sao,
Chén rượu ly hương, ngày tháng lụn,
Chập chờn thế sự vương chiêm bao.

VŨ-QUỲNH-BANG

(Trích trong tập "thơ mùa ly loạn")

CHÀNG VÀ NÀNG

Võ-Phiến

TÔI vẫn yền trí rằng yêu nhau thì phải dễ dàng hơn là làm anh hùng, nói những câu ái ân có nhiều hứng thú hơn là bàn luận đạo đức. Vậy mà hình như ở đâu, bắt đầu văn chương cũng nói chuyện anh hùng đạo đức trước. Mãi về sau người ta mới chịu nói đến yêu đương trong văn thơ.

Ở Pháp, bản *minh thế ở Strasbourg* hồi thế kỷ thứ 9 hãy cho là chưa phải một tác phẩm văn chương. Kể từ những thiên anh hùng ca về hiệp sĩ Roland xuất hiện vào thế kỷ thứ 11, thì cũng một thế kỷ sau mới có những câu chuyện tình duyên của Tristan và Iseult, rồi đến thế kỷ thứ 13 mới có quyển *Roman de la Rose*. Cho nên mở đầu quyển văn học sử Pháp Gustave Lanson nói: « Thi ca trữ tình phát triển chậm hơn: trong văn học nước ta anh hùng ca thịnh hành sớm nhất ».

Tuy thế nhà văn bên Tây đã ít nghiêm khắc đạo mạo hơn các cụ văn nhân bên ta nhiều lắm. Một đôi thế kỷ chậm trễ chưa là mấy nếu so với tình hình ở nước Tàu và nước ta chẳng hạn. Ở Trung-hoa, từ khi có những sử liệu như *Thượng-thư*, *Tần-thệ* cho đến ngày xuất hiện đôi bài thi phú lễ tế nói về ân tình như bài *Trương môn* của Tư-mã Tương-như cách nhau đến bảy tám trăm năm. Nếu kể từ thời Khổng-Tử nổi tiếng về triết học cho đến thời Lý-Bạch nổi tiếng về thơ lãng mạn thì trước sau đến những mười ba thế kỷ.

Ở nước ta, hồi thế kỷ thứ 13, Hàn-Thuyên đã dùng văn quốc âm để tế cá sấu. Rồi sau đó người ta mới làm thơ giải bày đạo học (Trạng-Trình), dạy dỗ con cái (Nguyễn-Trãi), đặt truyện dạy đời (Hồ-quyền-Quy). Cho đến năm, sáu thế kỷ sau mới có *Cung-oán ngâm*, *Chinh-phụ ngâm*, rồi truyện *Kiều*.

NGHĨ VỀ CHÀNG VÀ NÀNG

Lật sách cũ, biết rằng chuyện yêu đương tha thiết là chuyện mới xảy ra vài trăm năm nay. Thành ra ái tình ở xứ ta là một chuyện tân thời.

Nhưng nghiêm trang đạo mạo chỉ có các bậc văn nhân, chứ cuộc sống của người bình dân giản dị tự nhiên hơn nhiều. Cho nên trong ca dao truyền khẩu, trong các tác phẩm vô danh lưu hành ở chỗ thôn dã ái tình xuất hiện sớm. *Kinh-thi* gom góp những câu hát rất xưa mà cũng đã có những câu ân tình. Và trong những thời kỳ sau đó các tác phẩm diễm tình nổi danh nhất cũng là những bản dân ca (như *Khổng tước đông nam phi*, *Ti-dạ ca*, *Mộc-lan từ* v.v...). Tôi chắc ở nước ta cũng chính là người dân quê dạy cho các nhà văn làm thơ tình, viết chuyện tình. Chắc rằng trai gái ở thôn quê đã hát:

*Anh đi đàng ấy xa xa
Đề em ôm bóng trăng tà năm canh
Nước non một gánh chung tình
Nhớ ai ai có nhớ mình hay chăng...*
từ mấy thế kỷ trước, rồi nhà văn mới bắt chước bằng cái giọng trịnh trọng:

*Trộm nhớ thuở gầy hình tạo hóa,
Vẽ phù-dung một đoá khoe tươi...*

Nhưng văn nghệ sĩ học ái tình chẳng bao lâu thì thành tài. Cho nên sang thế kỷ 19 của Nguyễn-Du thì những tác phẩm đề cập

đến ái tình của nền văn chương bác học kể vừa nhiều vừa hay.

Cùng một lượt với ái tình, xuất hiện trên sách vở hai tiếng đại tự mới là *chàng* và *nàng*. *Chàng* và *nàng* ra đời vào đầu thế kỷ trước mà đến giữa thế kỷ này thì hoành hành đã thực là hiên ngang trên văn đàn nước ta. Có thời kỳ *chàng* và *nàng* thành ra cái lẽ sống của mọi tác phẩm văn nghệ: không thể quan niệm có một quyền tiểu thuyết, một vở kịch, một tập thơ đề vắng bóng *chàng* và *nàng*.

Người dân quê xưa nay vẫn yêu thương có chừng mực. Không có bằng chứng gì tỏ rằng những câu phong dao càng mới càng thiết tha lắng lờ hơn những câu xưa. Thế mà lần dò trên sách vở thì xưa kia không có bóng dáng *chàng* và *nàng*, chỉ thấy các anh hùng các nhà đạo đức đàm đạo cùng nhau. Rồi thì về sau thấp thoáng lộ ra *chàng* và *nàng* dật nhau tình tự. Từ đó mỗi ngày *chàng* và *nàng* thêm mỗi thiết tha gần bó, thêm mỗi lổ lảng suông sã. Sau này trên nhiều bộ môn nghệ thuật *chàng* và *nàng* hờ hênh lộ liễu thái quá. Như thế tất có nhiều người đạo đức bối rối than phiền, nhưng mà người nghệ sĩ cứ thấy mình càng ngày càng bước mạnh tới tuổi xuân cũng là một niềm vui vẻ.

VÕ-PHIẾN
1-1958



Parker 61

Bút máy đẹp nhất trên mọi trường thống của thế giới.

Mỗi chiếc bút Parker 61, cách sử dụng đơn giản như bút máy Parker 61, trở thành một tặng phẩm tuyệt vời. Chỉ cần hoàn toàn đổi một bút máy Parker 61, tương đương một tờ giấy, nhỏ 9 giây, hoặc một tờ giấy, hơn nữa nó tự động rửa sạch khi bạn viết xong. Nhận một bút máy Parker 61 là nhận một chiếc bút máy tuyệt vời nhất của thế giới.



Quý khách sẽ nhận được một chiếc bút máy Parker 61, tương đương một tờ giấy, nhỏ 9 giây, hoặc một tờ giấy, hơn nữa nó tự động rửa sạch khi bạn viết xong.

THE PARKER PEN COMPANY, JANESVILLE, WIS., U.S.A.

Tổng đại lý: L'U.C.I.A. 135, ĐẠI LỘ NGUYỄN-HUỆ - SAIGON

CH 18



AI P. 56



MỘT BÀN TAY

Tập văn của LƯU-NGHI

Riêng gửi M. TH.

Ở đây gọi là cái ngõ cụt thì đúng hơn. Vì từ đường lớn vào, quanh một « góc khay » về tay phải, đi chừng một quãng ngắn ngõ hẻm này không lối thoát.

Có thể nói đây là một con đường. Vì xe đạp, xe ba bánh, xe gắn máy, xe vespa... vẫn tuôn ra, tuôn vào rất thường xuyên. Cũng có thể nói : đây là cái sân... sân sau cho dãy nhà trước, dùng để phơi áo quần, đặt thùng rác v. v. ; và lại là sân trước cho dãy nhà sau, để đón khách, để trẻ nít nhảy

giày, đùa nghịch ; để chiều chiều, thả cái ghế bố ra nằm chơi mát, nhìn những vì sao nhấp nháy trên trời. Nền trời ngả từ màu tro xám qua màu xanh biển cả... Cả xóm lên đèn. Ánh sáng đục ngầu, trắng xanh cắt bóng đen thành từng đoạn. Ngõ hẹp này trở thành cái hành lang. Mà ở đây, không phải là thứ « hành lang cám dỗ ».

Nhà tôi ở vào khoảng giữa cái hành lang ấy. Nói là một căn phòng thì đúng chữ hơn. Một cửa sổ có song sắt như cửa ngục, một cửa lớn ở mặt trước ; một cửa hông

thông qua nhà bếp; và ba cái lỗ trống hình chữ nhật bằng một viên gạch ở tận đầu tường phía trong. Chỉ có thế. Nhưng, căn phòng nhỏ này, kê ra cũng quá vừa cho một người cô độc.

Ở đây, có người Tây (Tây lai thôi), Tàu, Việt-Nam, Ấn-Độ, và cả người Lào. Và có đủ cả người ba miền Trung, Nam, Bắc. Ở đây là một xã hội có màu sắc quốc tế, và cũng có tánh chất riêng biệt của từng hạng người.

Người lớn đã là đông. Nhưng con nít cũng đông không thua gì người lớn. Thành ra, cái ngõ hẹp này càng thêm hẹp, mỗi khi mọi người đều có mặt cùng một lần. Gần giống như một lối đi trong chợ Bến Thành. Phải lẩn nhau, mà phải tránh nhau, không thì dễ sinh chuyện.

Rất may là ở đây, thiên hạ ít xích mích với nhau. Thỉnh thoảng lắm mới có sự va chạm giữa người nhà này và người nhà nọ. Kể từ ngày tôi đến ở chưa có sự va chạm nào đáng cho là quan trọng. Nhưng, sự ồn ào của tiếng từng nhà thì có vẻ thường xuyên hơn. Hầu hết những sự ồn ào ấy đều xảy ra giữa vợ chồng. Vâng. Từ đôi vợ chồng tạm gọi là có tiền đến đôi vợ chồng xem như giàu có, sang trọng và gia giáo. Phần nhiều là vì cái máu ghen của mấy bà vợ. Ghen tức vì mấy ông chồng hay đi mèo mỡ, bỏ bê công việc làm ăn, đi nhậu nhẹt đến khuya lơ khuya lác mới về. Bao giờ giọng ông chồng cũng ồn ào, hùng hồ, gay gắt; giọng bà vợ thì cần nhẫn, day dứt, rầm rì như tụng kinh, niệm Phật. Rồi sau cùng: khóc. Khóc thê thảm, khóc ghê gớm, hơn cả khi nhà có người chết. Tôi nhớ có ai đã nói: « Trước khi cưới nhau, người đàn ông nói, người

đàn bà nghe. Sau ngày cưới chừng một năm, hai người đều không nói. Và sau mười năm, cả hai người cùng nói một lần đề... hàng xóm nghe!

Tôi tự hỏi: — Quy luật chẳng?

Tôi cố tin rằng đó không phải là quy luật.

Lâu lâu, lại có những trận đánh nhau, đập phá. Ly chén, tách đĩa, ghế bàn bị xô đẩy, đồ vỡ. Mỗi khi nghe tiếng đồ vỡ như thế, tôi thường tự nhủ: « Đập phá cho sướng tay, rồi ngày mai, phấn son lõe loét, lại cặp tay nhau đi mua sắm cho mà coi ». Ngày mai, — hay qua một ngày nữa là cùng — đôi vợ chồng kia, quả thật, diện áo diện quần, nước hoa bay thơm phức, dắt tay nhau đi mua sắm, như ngày hôm qua chẳng xảy ra việc gì cả.

Tôi cũng tự hỏi: — Quy luật chẳng?

Tôi cũng cố tin rằng đó không phải là quy luật.

Nhưng điều mà tôi nghĩ đến nhiều nhất, là tình nghĩa vợ chồng. Những đôi vợ chồng kia, sau ngày chửi nhau, đánh nhau đưa nhau ra giữa thanh thiên bạch nhật, họ vẫn tươi cười, thoải mái. Nhiều khi, họ lại vui tay mua sắm nhiều hơn những gì đã bị đập phá. Nhưng, họ có tâm tri rằng những đồ vỡ trong lòng họ, trong tình họ đối với nhau có mua lại được chẳng? Và ngày nào đây, hạnh phúc gia đình của họ bị tan rã, họ có nghĩ rằng chính vì những sự tàn phá rất nhỏ của mỗi giờ, mỗi ngày đã đục khoét vào tim, vào óc họ?

Tôi lại tự hỏi: Quy luật chẳng?

Về điều này, tôi cố tin: chính là quy luật.

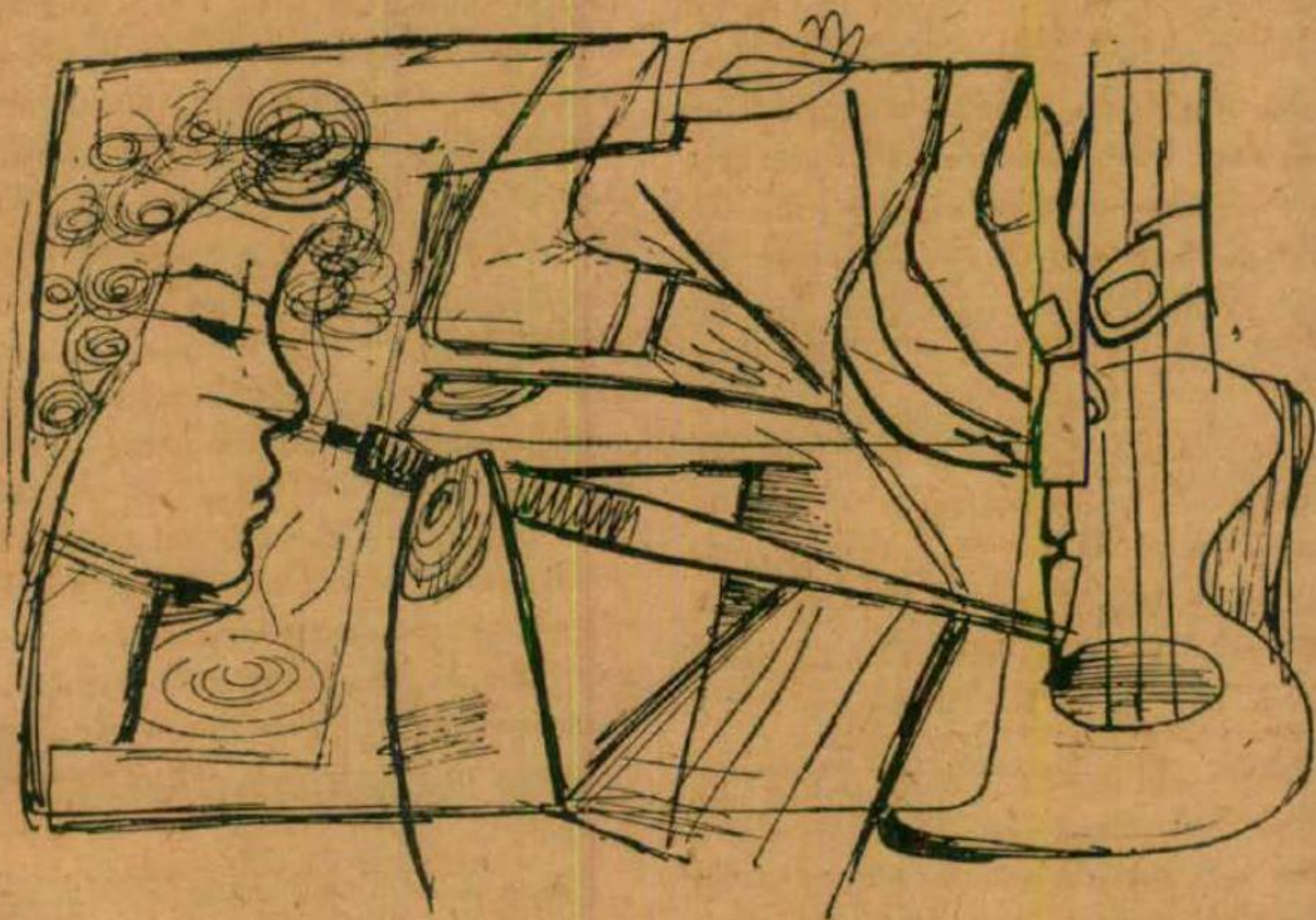


Trong ngõ cụt này, có khá đông trẻ nít. Hầu hết là con nhà sang trọng hay ít ra

cũng có tiền. Chúng nó đùa, tinh nghịch, ồn ào như vỡ chợ. Chúng là bạn của tôi. Mà tôi cũng là bạn của chúng. Chúng ra vào nhà tôi tự do, ngoài giờ tôi ngủ và làm việc. Chúng được tự do chạy trốn sau màn, núp dưới gầm bàn, sau cánh cửa, đuổi bắt nhau, la hét, cười nói xí lô, xí là hay ca hát. Tiếc rằng chẳng có đứa nào ca hát nghe cho được cái lỗ tai. Chúng

thử đưa cho chúng một tập báo ngoại quốc, nhiều hình ảnh, nhiều màu sắc. Chúng chia nhau xem, cũng chỉ chỏ, cũng nói bậy nói bạ cho vui miệng. Nhưng, quả thật, chúng quên làm ồn. Tôi mới biết rằng, nghiêm cấm như thế, tôi đã loại ra ngoài phạm vi thích thú của chúng những món ăn tinh thần rất cần thiết.

Có nhiều đứa trẻ hiểu biết rất nhiều, khôn ngoan như người lớn, và hồn giận



vào chặt cả căn phòng tôi như chúng là chủ, còn tôi chỉ là người ngoài cuộc. Nhưng, mấy « ông chủ nhỏ » ấy bị nghiêm cấm một điều : là đừng sờ mó, phá phách sách, báo đồ vật ; nhất là đừng chạm đến mấy cây đàn.

Một hôm, chúng la ồn đến không chịu được, mà tôi không nỡ đuổi chúng ra. Tôi

rất lâu ngày. Có đứa thì lì lợm, không chịu vâng lời, không nghe lẽ phải. Lại có đứa nói năng tục tĩu, thô lỗ đến ghê sợ. Tôi không khỏi ngạc nhiên nhận thấy rằng những đứa trẻ thô lỗ nhất, lì lợm nhất lại thuộc vào những gia đình gọi là thượng lưu, sang trọng. Tôi đâm ra nghi ngờ nếp sống của chúng, của gia đình chúng sau những bức màn nhung lụa, trong cái khung

cánh sáng đèn rực rỡ, chổi lò trên nền nhà lát gạch hoa. Có một lần : có thằng nhỏ khóc. Nó không khóc lớn mà chỉ ầm a, ầm ức, đôi mắt chớp lia, lộ vẻ sợ hãi. Có lẽ nó vừa bị một trận đòn, sau khi mẹ nó vừa bước khuất khỏi đầu ngõ hẹp. Người giữ nó, — một người con gái bà con với mẹ nó, — mắng nhiếc, chửi bới thằng nhỏ thậm tệ như đối với người đã khôn lớn. Rồi sau cùng, lao mạnh đầu nó vào vách tường liên tiếp ba lần. Thằng bé nín thình, khóc không ra tiếng nữa. Tôi bỗng thấy tim tôi đau nhói lên và đầu óc tôi nặng trĩu những ý nghĩ vô cùng đen tối. Tôi nghĩ đến người mẹ, giờ này, biết đâu đang nó chuyện với một người bạn nào đó nói rằng :

— Đứa nhỏ rồi kháu lắm, dễ thương lắm, chóng biết lắm ..

Bà bạn sẽ hỏi :

— Chị không đưa cháu đến chơi. Ai trông nom cháu ở nhà ? Chà người làm ở đây không tin được.

Người mẹ đứa nhỏ có lẽ trả lời rằng :

— Có con cháu gọi tôi bằng dì trông nom chu tất lắm. Chứ giao cho người khác, đâu tôi có yên tâm.

Vâng. Sự yên tâm của một người mẹ cũng không đến nỗi phi lý. Nhưng lòng người thường vẫn thế. Những kẻ mình tin nhiều nhất, lắm khi chính là người có thể đem lại cho mình rất nhiều thiệt hại. Ngày sau, đứa nhỏ kia rủ ra trở thành một thằng người kỳ dị, óc não mất thăng bằng, tôi chắc bà mẹ sẽ nói

rằng : « Số của nó thế, biết làm sao bây giờ ». Tôi nghĩ : « Không biết trên thế gian này, bao nhiêu người có cái số mạng bị lao đầu vào vách tường nhỉ ? ».



Mỗi khi tôi đi về, vừa ló dạng ở đầu ngõ hẹp, là lũ trẻ chạy ùa ra, ôm vào chân tôi, nín lấy tay tôi, quẩn quẩn quít, vui mừng sẵn đón. Rồi chúng vào chập cả căn phòng tôi, nhiều khi chỉ tần ngần đứng nhìn tôi... thay áo.

Đêm Trung Thu vừa rồi, tôi mua lồng đèn về phát cho chúng. Cái lồng đèn của một cô bé không được đẹp bằng lồng đèn của mấy đứa kia. Thế mà cô bé ấy đem trả lại cho tôi, ra đứng khóc sau cánh cửa. Và từ ngày ấy, hờn giận tôi mãi đến ngày hôm nay. Sự hờn giận của cô bé khó tạnh (hay đã cảm) kia, sự quây quẩn, reo vui của cả lũ trẻ đã tiết lộ những mặc cảm hồn nhiên của những tâm hồn trong trắng. Những mặc cảm ấy đáng yêu, đáng kính và đáng quý trọng đến mức nào !

Chúng hờn giận nhưng không hề có ý xấu.

Chúng thơ lố nhưng không hề hiểm độc.

Chúng nói tục nhưng lòng chúng không hề dơ bẩn.

Lòng chúng còn tinh khiết — sự tinh khiết quả là khó tìm trong lòng người đã lớn.

Đêm đêm, tôi ngồi viết bên cửa sổ. Đêm cứ lặng lẽ trôi đi. Ngõ cụt này im và dài như một đường phố lớn.

Giờ đây, chỉ còn tiếng động của những con vật thức đêm. Trước hết là mấy con

chuột chạy rúc ra rúc rích ven chân tường, quanh thùng rác, khuia động cả trần nhà. Những con vật nhỏ nhoi ấy có lẽ cũng khá vất vả vì miếng ăn, chốn ở! Chúng sống trong xó tối, đề rồi cũng sẽ chết trong xó tối, nếu không bị sập vào bẫy, thả trôi sông. Tội nghiệp!

Nhiều khi, tôi có ý nghĩ muốn cầu thân với vài con chuột, rủ chúng nhảy lên bàn viết của tôi, cứ tự do đi lại, nhìn tôi một cách yên lành. Đề tôi cảm thấy bớt cô quạnh giữa bóng tối đêm dài, Nhưng điều ấy khó quá. Hơi động một tí là chúng đã chạy biến đi rồi. Rõ ràng, chúng đã mất lòng tin nơi loài người. Chắc chúng nghĩ rằng loài người bao giờ cũng độc ác đối với chúng. Chúng cũng có lý một phần nào đó. Vì Người còn quá độc ác đối với Người, huống nữa là đối với... Chuột!

Loài chuột chưa hết làm ồn thì đến lũ mèo. Mèo, ở đây không nhiều lắm. Chừng năm ba con thôi. Nhưng, đêm nào chúng cũng làm ồn hơn cả chục đứa trẻ.

Chúng đuổi nhau rần rật trên nóc nhà, trong xó bếp, kêu lên the the như quyến rũ, gầm gừ như oán giận, gào lên the the như bao lời thất vọng nào nung. Chúng cắn nhau, cẩu xé nhau quyết liệt... Không phải vì miếng ăn như chuột. Có lẽ chúng khá vất vả vì... tình yêu. Giọng gào của chúng tựa như tiếng khóc trẻ thơ. Nhưng, quả tình, chúng không phải là ngây dại. Chúng hiểu việc chúng làm.

Có thể là lũ mèo bắt chước những tệ hại của loài người. Cũng có thể đó là bản năng sinh tồn mà Tạo Hóa đã ban cho chúng... Cho lũ mèo và cho tất cả các sinh vật.

Trang giấy trắng mở rộng giữa một vùng ánh sáng trên bàn viết của tôi, chói loà như một vùng sa mạc. Mà ngòi bút, trong đêm nay, chỉ lê đi chậm chạp, ngo ngoàng. Mấy ngày rồi, tôi không được vui vì những chuyện đời trên bước đường sự nghiệp. Tôi thấy ghét người, khinh đời và buồn cho cả bản thân mình, như một ngày đã qua, trước đây không lâu lắm. Ngày ấy, có người bạn gái mới quen đã hỏi rằng: « Tại sao anh buồn nhiều như thế? » Một câu hỏi băng quơ. Một câu hỏi vô tình. Nhưng sự êm dịu của một lời nói đã đến đúng lúc. Lời nói ấy đã đem lại cho tôi một ân huệ tình cảm thật là quý giá. Mãi đến ngày hôm nay, tôi vẫn còn giữ âm thanh của giọng nói ấy trong lòng. Từ đó, mỗi đêm ngồi viết bên cửa sổ, nhìn lên khung bóng tối phía trên căn gác, tôi cảm thấy yên lòng nhiều lắm. Nơi đó, có người bạn gái của tôi. Tôi cảm thấy rằng đời chưa đến nỗi đáng khinh tất cả, người chưa đáng ghét tất cả và bản thân tôi chưa phải hoàn toàn đáng miệt thị.

Nhưng, đêm nay, không có tiếng đánh ghen của một đôi vợ chồng nào đó, không có tiếng đùa nghịch của lũ trẻ, không có một tiếng chuột chạy ven tường; đến một tiếng gào the the của mấy con mèo cũng không có nốt. Chỉ nghe tiếng gió luồn vào ngõ hẹp. Tôi cảm thấy cô độc quá, một thứ cô độc ngạo mạn mà chua cay, tự ti mà cũng tự đại. Muốn nghe một giọng dịu hiền gọi đến tên mình mà không muốn tự mình cầu xin một lời an ủi.

Tôi đến ngã mình trên ghế bố, nhìn ngược lên trần nhà. Tôi chột giật mình...

Một bàn tay hiện ra từ một lỗ trống trong ba cái lỗ trống ở tận đầu tường phía trong. Một bàn tay đàn bà thon nhỏ, ngón tay dài mũm mĩm, trắng mịn. Bàn tay bỏ xuôi trên mép gạch có vẻ thật yên lành. Trong phút chốc tôi thấy tê lạnh cả thân mình. Nhưng tôi trấn tĩnh được ngay. Tôi suy nghĩ : bên kia vách tường, có người ở là điều dĩ nhiên. Nhưng, trên kia, phải có một căn gác nhỏ, phải có tiếng động thường xuyên... Tuyệt nhiên, lâu nay, tôi không hề nghe một tiếng động nào từ phía đầu tường ấy cả. Cũng có thể là người ta mới dọn ở chăng ?

Bàn tay của một người đàn bà, đột ngột bắt gặp giữa đêm khuya nhô ra từ cái lỗ nhỏ tận đầu vách tường cao ngê... Dù sao, lòng tôi cũng bấn khoăn, bồn chồn một cách lạ lùng. Tôi nằm yên, nhìn kỹ bàn tay ấy, chờ đợi một sự máy động, hoặc một tiếng trờ mình để tìm hiểu thêm một chút gì.

Nhưng bàn tay vẫn đề yên và phía bên kia vách tường vẫn hoàn toàn yên lặng. Tôi ngủ thiếp đi lúc nào không biết.

Sáng hôm sau, tôi thức giấc thì ánh nắng đã tạt chéo qua cửa sổ. Trên bàn viết của tôi, ngọn đèn vẫn còn đỏ một vùng ánh sáng chói lòa trên trang giấy. Mà bàn tay trên đầu tường... thì không còn nữa.

Qua những lỗ trống kia, nhìn lên, tôi...



chỉ thấy những rui, kéo, của một mái nhà lợp ngói. Và chỉ có thể.

Suốt mấy ngày sau, tôi cố đề ý nhìn và nghe tiếng động. Nhưng, tôi không thể biết gì hơn nữa. Thình thoảng, tôi lại bắt gặp bàn tay ấy nhô ra giữa đêm khuya. Có lần, tôi khênh bàn, bắc ghế leo lên ngang tầm cái bàn tay ấy thử nhìn cho kỹ. Một bàn tay đẹp thật, nước da trắng và mịn màng, những ngón tay thon nhỏ như những búp ngọc lan. Đây phải là bàn tay của một người con gái. Nhìn qua bên kia lỗ trống, tôi chỉ thấy lơ mờ một cái mùng trong bóng tối. Thế thôi.

Nhưng, một buổi trưa... Tôi đã thấy người có bàn tay ấy. Một cô gái độ hai mươi, không đẹp lắm, nhưng vẻ mặt hiền hậu, nước da trắng mịn, hơi xanh một chút như da người bệnh. Nhưng, cô gái ấy là một cô gái... mù. Đôi mắt nàng nhắm lại thành hai vệt đen dài, dưới đôi lông mày rất mỏng. Nàng nằm quay đầu về phía lỗ trống, thở từng hơi nhẹ. Mái tóc nàng đồ xòa trên mặt gối trắng tinh. Bàn tay của nàng, giờ đây, thả xuôi trên mặt chiếu.

Từ đó, tôi yên trí rằng phía bên kia vách tường, có một người lảng giềng, một cô gái mù, sống một kiếp đời không ánh sáng. Nàng sống cô độc quá, như người lạc giữa rừng đêm. Nàng nghĩ gì? Nàng muốn gì? để tìm lấy những

an ủi? Chắc nàng cũng cần một giọng nói thân yêu, hiền dịu, cần sự quăn quít của những đứa trẻ ngây thơ, cần cầu thân với một vài con chuột chẳng hạn... Đã nhiều lần, tôi bắt gặp bàn tay của nàng đánh nhịp theo điệu nhạc trong máy thâu thanh, hay theo mấy cung nhạc của chính tôi thả rơi trong đêm khuya tịch mịch.

Phải chăng, giữa nàng và tôi đã có một cảm thông thầm kín qua âm thanh của cung nhạc, qua những tiếng động quen thuộc trong sinh hoạt hằng ngày? Tôi không chắc lắm. Nhưng, quả tình, mỗi khi buồn chán về chuyện đời, chuyện người, chỉ nhìn thấy bàn tay của nàng trên mép tường cao vợi, tôi cảm thấy bớt cô độc phần nào. Tôi lại nhớ đến người bạn gái đã để lại cho tôi một âm vang tình cảm không bao giờ quên được.

Nhưng rồi suốt năm ngày, mười ngày, nửa tháng, tôi không thấy bàn tay của người con gái ấy nữa. Tôi đánh bạo khênh bàn, bắc ghế leo lên nhìn. Tôi bần khoản, bực dọc như vừa mất một cái gì quý quá. Tôi không còn thấy bóng dáng nàng đâu nữa. Tôi không còn nghe hơi thở của nàng nữa... Và bàn tay trên mép tường, chỉ còn là hình ảnh!

Tôi cố tìm hiểu. Tôi thăm dò tin tức. Sau cùng tôi được biết... Tôi biết rằng: nàng bị bệnh đau tim. Nàng đã chết. Và thân quyến nàng đã đem xác nàng về chôn ở một vùng quê.

MỘT BÀN TAY

Thế là hết. Một bàn tay. Một bàn tay
đề yên trên mép tường. Một bàn tay khế
nhịp theo cung đàn. Một gạch nối cảm
thông giữa hai cuộc sống cô độc. Một
bàn tay không còn nữa ! Mối cảm thông
đã đứt đoạn như một tiếng đàn lạc lỏng.

Đêm nay, tôi vẫn ngồi viết bên cửa
sờ. Tôi nhớ đến người bạn gái đã nói
với tôi một lời dịu ngọt. Tôi nhìn lên
căn gác phía ngoài kia. Tôi biết người
bạn gái của tôi không còn đấy nữa. Nàng
đã đi xa rồi. Tôi cảm thấy lòng tôi thắt

lại. Tôi quay nhìn về mấy cái lỗ trống
trên đầu tường phía trong. Bàn tay thon
nhỏ kia cũng không còn đấy nữa. Tôi
mất thêm một nơi bám víu trong những
giờ cô độc.

Tôi ngóng chờ một tiếng động.

Nhưng, đêm tối vẫn lặng lẽ trôi đi ;
ngõ hẹp này vẫn im và dài như một
đường phố lớn.

LƯU NGHỊ
2-58

A. C. LANGLIET

155 Rue Lê-Thánh-Tôn — SAIGON

Tél. — 20651

Export : Caoutchouc - Céréales
Produits Divers

EUROPE — AMERIQUE — ASIE



CHIỀU

*M*ÂY gấm buồn ngưng đọng,

Thương nhớ vạn phương trời.

Sông mệt ngừng phiêu lãng,

Nghe triều lòng dấy vơi.

Đường vươn vai cát bụi,

Bình yên nằm nghỉ ngơi.

Hoàng hôn giàu ước triệu;

Thếp vàng son rạng ngời

Trên hàng cây lộng lẫy

Lặng thờ niềm thanh thoi.

Trái tà dương chín đỏ,

Không gió mà tự rơi.

Bâng khuâng sầu úa rụng,

Vạn vật đều im hơi.

Đêm mơ từ đâu lại

Nhè nhẹ ôm cõi đời;

Quanh hiu từ đâu lại

Vào ôm lòng chơi vơi...

TRƯƠNG-UẦN-NGỌC

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG - TANANARIVE - TAMATAVE - ABIDJAN - DOUALA



Đừng Hộp Quẹt BLUE BIRD
phụng-sự nên là kinh-tế Quốc-Gia

Sté Indochinoise Forestière
et des Allumettes

(SIFA)

346, Bến Văn-Đồn

Đ. Thoại 21.950

Đ. Tin Forestière

Lăng Tiêu Hoa

Thơ Đường dịch của Yã-Hạc NGUYỄN-VĂN-TRUNG

Mộc hữu danh lăng tiêu,
Trạc tú phi cô tiêu.
Ngẫu i nhất tru thụ,
Tự sưu bách xích điều ;

Thác căn phụ thụ thân,
Khai hoa kì thụ sao.
Tự vị đắc kì thế,
Vô nhân khả động điều.

Nhất triều thụ tồi đảo.
Độc lập tạm phiêu điều.
Tật phong lung đông khí,
Xuy chiết bất chung triều.

Triều vị phát vân hoa,
Mộ vị ủy địa tiêu.
Kì ngôn lập thân giả,
Vật học nhu nhược miêu.

Loài cây có giống lăng tiêu nọ
Xinh đẹp mà không đứng một mình ;
May được sống nương vào đại thụ,
Thì đám tua tủa nhánh dài xanh.

Nghêng ngang bám rễ vào thân mạnh,
Bừng nở hoa hồng gợi ngọn cao.
Kiêu hãnh tự cho là đắc thế,
Có gì lay chuyển nỗi mình đâu !

Nào ngờ một sớm cây nghiêng đổ.
Trơ trọi nhưng còn tạm phất phơ.
Trận gió phương Đông vùn vụt đến,
Thôi không mấy chốc gãy tại bời.

Sớm làm hoa thắm trên mây biếc,
Chiều ngồn ngang thành củi héo queo.
Nhấn nhủ ai người lo lập chí,
Xin đừng bắt chước cái dây leo !

BẠCH-CU-DI
(772-846)

Yã-Hạc NGUYỄN-VĂN-TRUNG dịch

Tiểu sử BẠCH-CU-DI

« Bạch tự là Lạc-Thiên sung sướng suốt một đời. Sinh vào nhà nghèo nhưng được yên ổn học tập. Ông kể rằng hồi 6, 7 tháng, chưa biết nói mà ông đã biết mặt 2 chữ *chi* 之 và *vô* 無 ; lên 5 tuổi, bắt đầu học làm thơ. Thông minh vậy mà lại rất siêng, ngày đêm tụng thi thơ tới nỗi « miệng lưỡi hóa ghê » (1) ; 27 tuổi đậu tiến sĩ, nhận chức Hàn-lâm học-sĩ.

« Khi Nguyên-Chấn, một bạn thơ của ông, bị biếm, ông đứng sớ can vua mà không được. Vì có tánh trực ngôn, hay vạch lỗi kẻ khác, nên bị nhiều người ghét. Thân mẫu ông trong khi đi thăm hoa, té xuống giếng chết. Trong lúc còn tang, ông làm một bài thơ « Thưởng hoa » Kể thù của ông nắm được cơ hội ấy, ton hót với vua Hiến-tông là ông đường đường một vị chức trọng quyền cao mà bất hiếu,

làm tổn thương danh giá. Do đó, ông biếm làm tư mã đất Giang-châu. Sau ông giữ chức thứ sử ở Tô-châu, Hàng-châu, về già được thăng Hình-bộ thượng-thư.

« Ông theo cả ba bạo Khổng, Lão, Phật ; lúc hưu trí, thường cùng với vài vị hòa thượng mặc áo trắng, chống gậy trúc du ngoạn ở Hương-sơn, nên có hiệu là *Hương-sơn cư-sĩ*.

« Ngay từ hồi làm quan, ông cũng đã ưa thú thanh nhàn, phong lưu, cất một ngôi nhà đọc sách ở Lạc-dương, có hoa, có trúc, có đá, có hồ, nuôi một thị nữ trẻ, đẹp, vừa múa khéo, vừa ca hay. Đời ông như vậy đâu phải là « cùng » mà sao thơ ông cũng vẫn « công » ? Ông để lại cho đời một tập thơ 71 quyển ».

(Trích « Đại cương văn học sử Trung-quốc »,
cuốn II, của NGUYỄN-HIẾN-LÊ)

★ Lòng phải làm điều nhân, khi tay không làm được điều nhân.

LACORDAIRE (?)

★ Người quân tử ta nên thân, song không nên quá chiều mà họa theo ; kẻ tiểu nhân ta nên tránh, song không nên ruồng rẫy như hăn thù.

THÂN-HÀM-QUANG

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SAIGON

36, Rue TÔN - THẮT - ĐẠM

(ex. Chaigneau)

Téléphone : 21.902 — (3 Lignes)

22.797 — B.P. 49

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom

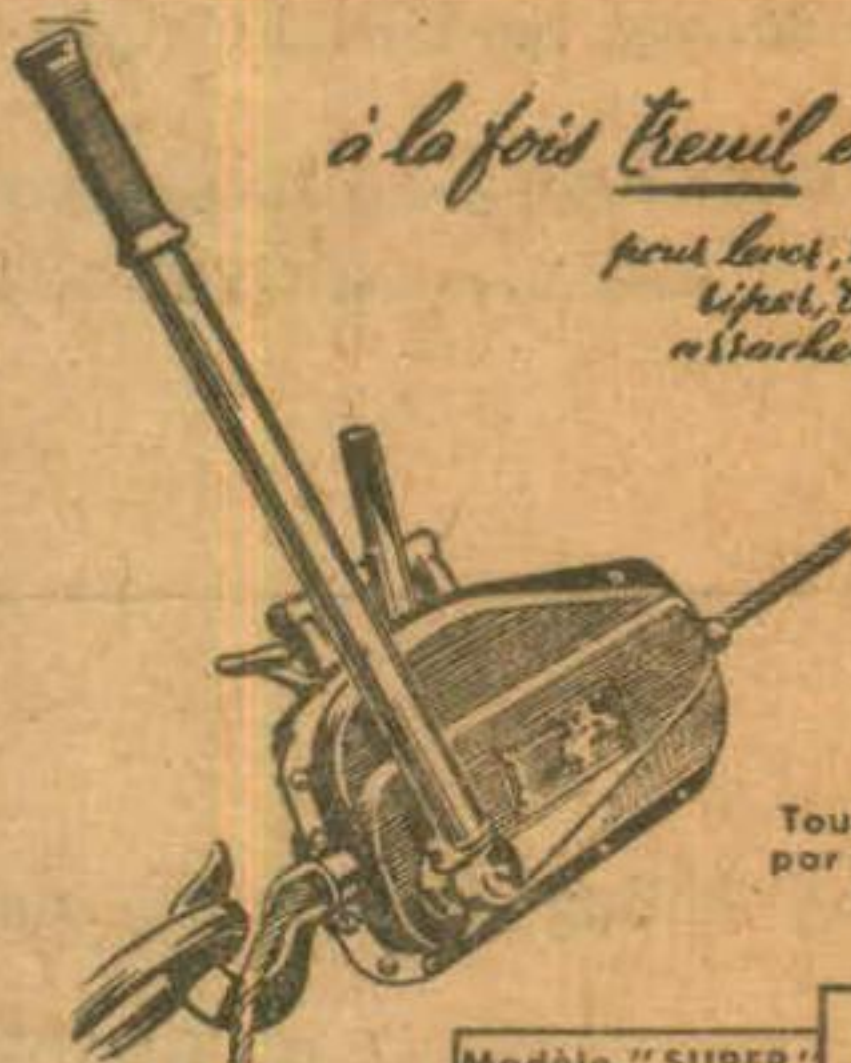
(Ex. Doudart de Lagrée)

Téléphone : 385 et 543

B. P. 122

La B.N.C.I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Congo Belge, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCÉAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.), au Caire et à Alexandrie (Crédit d'Orient).

DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -



à la fois treuil et palan!

*pour levée, tirée
rapide, tendre
à l'archet et...*

Toutes forces
par mouflage
facile

6
avantages du
TIRFOR
(B² 5, 6, 6)

- 1) Portatif.
- 2) Mise en batterie rapide.
- 3) Course de câble illimitée.
- 4) Toutes orientations et positions.
- 5) Précision millimétrique de manœuvre.
- 6) Sécurité : organes essentiels doubles.

Modèle "SUPER"
(Universel)
Force : 1.500 kgs
Poids : 18 kgs



Modèle "MINES"
(Traction seule)
Forces : 1.500 et 3.000 kgs
Poids : 18 et 21 kgs

**1 Tirfor rend
1000 services!**
Demandez-nous la
brochure

Denis Frères

Số 4 đường Tự-do Sài Gòn — Đại lý độc quyền tại Việt-Nam

DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF - DF -

GIẤC MƠ CHÓT CỦA CÂY DẦU

Gởi những Người sống thiếu Rộng, Cao Sóng Âm.
YÃ HẠC và TRINH NGUYỄN

KHU Rừng cao, rậm ấy từ núi ra, hung hăng chạy xuống, nhưng lại nhủi đầu ngay khi chạm phải Nước xanh. Tuy vậy, Rừng cũng còn tự đắc, không tự đắc sao được khi chẳng xa bờ mấy, người ta mang một cây Dầu, một cây Dầu cổ thọ, một cây Dầu cao nghệu, oai nghi như một người lớn đứng coi chừng cô bé lao chao luôn là Biển kia, và như che chở mấy trăm nóc Nhà khúm núm đằng xa.

Hôm nay, Dầu vừa đúng ba trăm sáu mươi lăm tuổi, song ba trăm sáu mươi lăm năm của Dầu chẳng hơn gì ba trăm sáu mươi lăm năm ngày của ta. Ta, ban ngày thức, ban đêm ngủ, và chỉ trong khi ngủ ta mới mơ này kia kia khác, còn cây thì thức trọn trong ba mùa: Xuân, Hạ, Thu, đến Đông mới ngủ, vì thế Đông là đêm ngắn sau ngày dài đằng đằng, và như ta, cây cũng mơ thấy này nọ trong đêm Đông.



GIẤC MƠ CHÓT CỦA CÂY DẦU

Thường thường, trong một ngày Hè đẹp, những đám Phù-du — loài vật nhỏ xíu, sống chỉ có một ngày — không biết từ đâu đến, bay lượn chung quanh cây hiên lạnh ấy. Thấy chúng, ai mà chẳng cho đời chúng là tưng bừng, là vui vẻ: chúng đâm bèn này, chúng xẹt bèn kia, như hối hả hưởng hết Hương nồng cùng Nắng ấm.

Lần nọ, có một con lại đậu trên một lá non của Dầu. Nhìn tám thân ẻo lả, đôi cánh mỏng manh của con vật sáng sanh chiều chết ấy, Dầu không khỏi ngậm ngùi.

— Nghĩ mà tội nghiệp cho em. Đời vốn vẹn có một ngày! Đời sao có đời ngắn ngủi thế! Các em buồn lắm chớ?

— Buồn? Tội mà buồn? Anh nói mới kì sao? Con vật nhỏ đáp lại, rất ngạc nhiên. Anh chẳng thấy à? Quanh tôi, cái gì cũng chói lọi, cũng ấm êm, cũng huyền diệu, cũng nồng nàn, cũng đẹp đẽ quá! Tôi thấy tôi ngập tràn Hạnh-phước.

— Phải, qua có cái em điều đó đâu. Xong em chỉ hưởng có một ngày thôi. Rồi khi mặt trời tắt, hết thấy cái gì quanh em cũng sẽ hết như đời em.

— Hết? Phù-du lặp lại, ngơ ngác. Hết! Chử này nghĩa là gì? Mà anh, khi mặt trời tắt, anh có hết không?

— Không, em ạ. Đời qua còn dài lắm. Qua còn sống hàng muôn ngày của em. Vả lại một ngày của qua gồm đến ba mùa lặn. Nói cho em biết vậy chớ, chớ em làm sao hình dung được sự lâu dài của đời qua.

— Tôi không thể hình dung được? Thế thì tôi chịu không hiểu anh. Anh có thể sống muôn ngày của tôi, mà tôi, tôi có muôn lúc sung sướng, hơn hử trong một ngày. Bởi vậy tôi chẳng thấy muôn ngày của anh hơn gì một ngày của tôi. A! vậy mà khi anh hết, hết thấy sự đẹp đẽ, huy hoàng của Đất Trời này có hết theo anh không?

— Tất nhiên là không. Trời Đất còn sống lâu hơn qua nhiều, nhiều lắm. Qua chẳng thể nào tưởng tượng được sự lâu dài của Trời Đất.

— Vậy thì, anh và tôi, chúng ta cùng ở một chỗ. Chỉ khác có điều là chúng ta tính không giống nhau thôi.

Rồi Phù-du lại vọt lên không, lại nô đùa với sắc long lanh của bộ cánh mảnh khảnh, bộ cánh sa tanh, bộ cánh gấm lụa của mình, lại chấp chờn với gió hiu hiu, ngắt ngảy vi hương thơm của linh lăng thảo, của dã tường vi, của kim ngân hoa, của ngọc trầm hoa, của hương mộc, của xạ hương, của bạc hà... Hương trầm thứ cổ, cây rừng xông lên mạnh đến nỗi Phù-du lão đảo như say. Cả ngày dài ấy, cả ngày rục rở ấy, chẳng phút nào thiếu vui, thiếu khoái cảm, nên khi tia sáng Mặt Trời vừa yếu thì Phù-du đã thấm mệt. Hai cánh xinh xinh không đỡ nổi chiếc mình thon, và êm, thật êm, Phù-du nhẹ rơi xuống cỏ, lúc lắc đầu một hồi, rồi nằm yên, ngủ một giấc vô cùng dịu dàng và bình tĩnh. Phù-du đã hết sống.

Dầu thở dài, thương xót:

« Tội nghiệp Phù-du. Đời ngắn ngủi một cách đáng sợ! »

Và cứ như thế, mỗi lần Hè lại là những đám Phù-du nhảy, múa, và với chúng, cuộc nói chuyện như trên lặp lại chẳng biết mấy trăm thế hệ Phù-du! Và con nào cũng cho đời mình là đầy đủ, là một chuỗi sướng vui, là một nguồn Hạnh-phước.

Hôm nay, cây Dầu chúng ta đang ở vào cuối Thu, tức là buổi chạng vạng của đêm Đông. Gió hắt hiu bắt đầu ru: « Một đêm an giấc; một đêm an giấc... » trong khi Lá vàng lần lượt lìa cành.

« Ngủ đi... ngủ đi... Ta sẽ hát một bài cho người ngủ. Ngủ đi... »

Gió vừa rung mạnh cây, vừa đổ dành như ta lúc ru em, vì thật ra, Dầu mới ngủ có ba trăm sáu mươi lăm đêm. Và chỉ là một đứa con nít sánh với Vạn Vật lâu bền.

« Ngủ đi, và ngủ ngon nhé ! Ngủ... ngủ ngon... và chúc người thấy những giấc mơ xinh ».

Dầu trụi hết lá, và ngủ trọn mùa Đông. Trong giấc ngủ dài, Dầu cũng chiêm bao thấy lại những đoạn đời qua.

Dầu thấy mình lúc còn nhỏ xiu, nằm trong nôi tí hon là hột Dầu. Rồi lần lần, cây lớn ; đến nay, nếu tính theo loài người thì Dầu đang ở vào thế kỷ thứ tư của nó. Bây giờ, Dầu là cây già nhất, lớn nhất, cao nhất của khu Rừng này, nên những người đi biển vùng ấy lấy nó làm chừng. Và trên mấy cánh sum sê Lá, vài gia đình Cu, Cưỡng làm ổ ở ; Tu-hú cũng từ đó phát ra giọng đều đều. Sang Thu, thì Dầu thành cái trạm cho mấy đàn chim Yến nghỉ cánh trước khi vượt Biển để đến những vùng khí hậu ấm hơn. Nay là mùa Đông, thành Dầu giờ lên trời mấy nhánh không còn một lá. Đôi khi một đàn Quạ ghé lại ăn I thaa phiên thời tiết xấu, khó kiếm miếng ăn.

Nhưng đêm ba mươi Tết, Dầu mới mơ một giấc đẹp hơn hết.

Trong mơ, Dầu thấy mình đang ở giữa một ngày Hè, một ngày Hè từng bừng nắng ấm ; và Dầu cảm nhựa đông trong thân bỗng rạt rào lưu chuyển. Dầu vạm vỡ thỉnh linh trở lợc nồn nà. Tia sáng Mặt Trời chạy giỡn qua lá mượt, cành tươi và Bướm muôn màu, chói lọi có, mát êm có, rủ nhau đến chơi rượt bắt quanh Dầu ; còn Phù-du thì bay lại từng bầy, nhảy múa điên cuồng, dường như coi đời này lập ra để chúng nó đùa vầy.

Dầu còn đang ngạc nhiên với cảnh rộn rịp bất thường bao bọc lấy mình

thì những gì lạ đã xảy cạnh cây vụt hiện lại : dân làng hơn hờ, chiêm trống vang lừng, cờ long tui cười trong sáng sớm, rước ông nghè vinh qui ; những toàn linh lạ hùng hồ qua với lửa, với súng trong bụi mờ và nắng hực, làm một xó Rừng ngo ngác và mầy nóc Nhà ngần ngo ; đôi người khăn đen áo dài, chợt tỉnh giấc nghỉ trưa dưới bóng cây, hối hả mang lên vai gói nặng vì ánh chiều đã dịu mà đường « tiến vào Nam » còn xa thăm thẳm ; những cặp tình nhân vừa hai chín, hoặc im lặng ngồi để ánh Trăng êm lòn qua kẽ lá xuống ve vuốt mặt, hoặc chỉ Non thê Biển hay khắc trên mình cây hai chữ ôm quẩn lấy nhau ; và mới đây, sau một ngày hoạt động, một đoàn Trai tơ vui vẻ, nấu cơm ăn dưới gốc Dầu và tối đến, quanh ngọn lửa hồng, nắm tay nhau nhảy múa, hát ca theo điệu đờn hăng hái hoặc trầm buồn khiến Dầu cũng muốn nhảy với bọn họ cho vui.

Ồ ! Lạ chưa ? Một luồng rừng rộn rề mê từ đầu rễ chạy thẳng lên đầu cành cao nhứt, và dường như Dầu vươn lên, vươn mãi trong khi mờ Rể trên mình hút ở lòng Đất một nguồn sống mãnh liệt, mới mẻ. Càng lên, cây càng mạnh : lá trên đầu thêm rộng, thêm dày. Và hễ cây lên cao bao nhiêu thì lại càng thấy mình sung sướng bấy nhiêu. Dầu muốn lên thật cao, lên tận vùng nóng chói, vùng của Mặt Trời hực đỏ. Thi đây này, nhánh chót vót đã đâm thủng Mây và bây giờ, đám Mây trắng ở lưng chừng cây như một đám Ngõng trời giương cánh rộng. Và huyền diệu thay ; mọi lá cây như nở ra một mắt, thành cây thấy rõ hẳng hà sa số Sao, những ngôi Sao hết sức chói lòa mặc dầu Trời sáng hực, khiến Dầu nhớ đến mắt bọn Trẻ thơ và mắt những cặp tình nhân gặp nhau dưới nhánh của Dầu.

GIẤC MƠ CHÓT CỦA CÂY DẦU

Dầu chứa chan sung sướng và đầy đủ, song Dầu lại ước muốn sao Cây cối Cỏ Bông khác của Bụi, Rừng ở dưới chân đều cao như Dầu để cùng nhau ngoạn thưởng sự lộng lẫy choáng ngợp này, để dự vào niềm hạnh phúc lớn lao với Dầu. Cây cỏ thọ dinh dàng, oai nghi ấy chỉ sung sướng trọn nếu những gì xung quanh cũng sướng như cây. Ước muốn ấy nồng nàn đến đổi cành lắc lư và lá run rẩy. Dầu cúi đầu nhìn xuống như tìm kiếm cái gì, thì ô này ! lên tận nó mùi của xạ hương, và mùi nồng hơn của kim ngân hoa, của hoa đồng thảo... Dầu lại văng vẳng nghe tiếng kêu đều đều của Tu-hú.

Lại gì đây ? Sự ước mong thiết tha kia đang thực hiện chẳng ? Những cây cao của Rừng, em út của Dầu, vừa đâm thủng đám Mây, vượt mạnh lên gần đến đầu Dầu, và dưới chúng, Dầu thấy các Cây nhỏ khác lỏ nhỏ chồm lên mấy bụi Gai, mấy cộng Cỏ cũng lớn mau, và dường như chúng bứt phăng cả rễ để phóng mình lên lẹ hơn nữa. Tất cả gì mọc ở Rừng đều đua nhau lớn, đua nhau cao một cách quá sức tưởng tượng, trong khi muôn Chim, muôn Côn trùng vừa bay lên vừa ca hát tung bừng.

Trên một cộng Cỏ phát. phơ trong không gian như một miếng băng xanh, một chú Cào-cào nằm iên ổn đờn một bản âm nhạc mới vừa đặt. Tiếng Dế rí rả, Ong vù vù, Chim riu rít... gây thành một cuộc hòa thanh ngộ nghĩnh.

— Còn cái Bông xanh nhỏ ở bên bờ Suối giờ đâu ? Dầu hỏi. Và bông Bìm-bìm và bông Cúc trắng giờ đâu ? Dầu muốn có chúng cạnh mình như hồi trước.

— Anh Dầu ! chúng em đây, chúng em đây ! Mấy Bông nhỏ vừa vọt lên vừa đáp lớn.

— Những Dạ-hương hè năm ngoái giờ đâu ? Và những bông Linh-lăng mùa rồi diêm tô mặt Đất ? Và tất cả vùng hào quang của Rừng hể cứ đến Xuân là nở lại ? Mà chắc những gì mọc dưới kia đều ở đây với ta cả.

— Phải ! Phải ! Chúng em đều ở đây với anh cả ! Nhiều tiếng rí rít trả lời. Giờ, Dầu mới hoàn toàn sung sướng. Và Hương Rừng chỉ còn thoang thoảng, tiếng Chim và Côn-trùng đã trở nên mơ hồ....

Dầu ngẫm nghĩ :

« Ô ! Đẹp ! Thật là đẹp quá, đẹp đến đổi mình ngỡ rằng chẳng phải thật. Quanh mình, đủ cả, Cỏ, Cây, Hoa, Lá lớn nhỏ đủ cả, chẳng thiếu một ai, có thể nào tưởng tượng một niềm Hạnh phúc to lớn như thế này chẳng ? Niềm Hạnh phúc này có thể có chẳng ?

— Lên trên vùng thanh thoát, lên tận Ánh-sáng đời đời, tất nhiên người ta có thể tưởng tượng thế, và ở đó, niềm Hạnh phúc ấy, có thể có lắm chớ ! Một Tiếng êm đềm qua cõi Thanh Cao đáp lại i nghĩ của Dầu.

Bỗng Dầu cảm thấy rễ mình rời đất và vun vút bay lên như con Diều mới đứt dây. Dầu hôn hờ :

— Hay quá ! Thật là hay ! Giờ thì mình chẳng còn gì ràng buộc cả. Mình có thể phóng lên nơi Ánh sáng đời đời, với những gì mình thương và thương mình. Cả thấy, lớn, nhỏ, thấp, cao, đều lên đó với mình.



Giấc mơ chót của cây Dầu là thế.

Trong lúc Dầu sống trong mộng thì một cơn Bão ghê gớm nổi lên, nổi ngay lên đêm ba mươi Tết. Biển và Sóng dữ đập bờ ; Mưa to tuôn không ngớt ; Gió ào ào bứt lá bẻ cành và rung mạnh Dầu kêu

răng rắc ; thân cây hơi rung rinh thì một trận Gió cuồng bật gốc Dầu lên, vật Dầu xuống đất, và chính lúc đó Dầu mơ cảm mình rút bao dây ràng buộc và bay lên Ánh-sáng đời đời.

Thế là ba trăm sáu mươi lăm năm dài của Dầu đã qua như một ngày ngắn của Phù-du vậy.



Khi Mặt Trời của Năm mới vừa lên thì Bão cũng vừa hết. Biển bắt đầu êm lại. Một chiếc Thuyền lớn đang thẳng vào bờ, một chiếc thuyền xơ xác vì cả đêm đem hết sức chống lại với Gió hăng, với Mưa nặng với Nước cuồng. Song thủy thủ là những chàng Trai cả quyết, có i mới đón Giao thừa giữa Nước và Trời, thành Thuyền tuy có vẻ tiều tụy nhưng Linh hồn thì còn nguyên và sáng chói.

Có người chỉ vào bờ bảo các bạn ; « Ô kia, cây Dầu cao đâu mất ? Thôi, Bão đã bật gốc nó rồi. Từ đây Ghe Thuyền mới biết lấy gì làm chứng ? Cây to thế, chắc thế, ai ngờ... »

Đó là mấy lời điệu tang ngắn ngủi, nhưng phát tự đáy lòng làm những người trên Thuyền ngẩn ngơ trong giây lát.

Họ chỉ ngẩn ngơ trong giây lát, vì Vòng Hồng mồn mĩn ở Chân Trời, lớp Năng dịu chập chờn trên Nước gợn, màu xanh hờ hờ của Xanh cao, cảnh ban mai iều iều sau một cơn Đông Tố hải hùng chẳng cho các chàng Trai ấy buồn lâu. Pháo đem theo đã ướm nhẹp thì họ chào Năm mới bằng những bài ca tươi sáng. Họ đồng cất tiếng ca và cùng nhịp vào mạn Thuyền. Dưới Trời lồng lộng, trên Biển mênh mông, bao lời ca chói lọi, tin tưởng ở sức trai, ở giống nòi, ở ngày mai từ những miệng tươi thắm ấy bay ra như mọc cánh nâng Hồn họ lên cao, cao vút như cây Dầu trong giấc mơ, và như cây, họ ngậy ngất khi Hồn họ thẳng lên Ánh sáng đời đời.

Thuật theo ANDERSEN
YÃ-HẠT và TRINH-NGUIÊN
(Những chuyện của ngày xưa)

ĐÍNH CHÁNH

Bách-Khoa số 28 trong bài Nguyễn-Huệ có sót vài chỗ xin bạn đọc sửa giùm :

Trang 24, cột 2, dòng 2 :

... đánh mạnh vào cánh mặt.

Trang 25, cột 2, dòng 10, 11, 12, 13 :

... niên hiệu Thái-Đức thứ XI ở Nam không còn, mà niên hiệu Chiêu-Thống thứ II ở Bắc cũng mất : niên hiệu Quang-Trung nguyên niên ghi vào thanh sử !

EXPORTATION

Caoutchouc, Crêpe semelle
Latex et Produits divers

ALCAN SAIGON S. A.

Société au Capital de VN\$. 5.000.000

Siège Social :

7, Bến Chương Dương — Saigon

Boite postale 46

Téléphone : 21.338 — 21.339

AGENTS DES COMPAGNIES DE NAVIGATION
REPRÉSENTANTS DE :

S.A.F.I.C. ALCAN & Cie. PARIS 16^e

HECHT LEVIS & ALCAN LTD, LONDRES

ANGLO FRENCH ET WATERHOUSE LTD, SINGAPORE

S.O.B.E.P.I.C. ANVERS

HECHT LEVIS ET KAHN DIVISION OF RUBBER

CORPORATION OF AMERICA NEW-YORK

ANGLO-FRENCH TRADING COMPANY LTD. JAPAN

Công-ty kỹ-thuật và thương-mại Việt-Nam

(COMPAGNIE TECHNIQUE ET COMMERCIALE DU VIÊT-NAM)

121, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON



IMPORT - EXPORT XUẤT - NHẬP - CẢNG



Quincaillerie — Métallurgie — Technique

Miroiterie — Produits chimiques

CÁC LOẠI ĐỒ KIM - KHÍ VÀ DỤNG - CỤ KỸ - NGHỆ HÓA - PHẨM

KHÓI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGŨ-ĐƯỜNG
(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)



LƯỢC DẪN

Vì ở Bắc-Kinh xảy ra cuộc loạn Nghĩa-Hòa-đoàn, tức Quyền-phi, mà ông Diêu-Tư-An, một phú-thương, phải đem gia-quyển về quê nhà ở Hoảng-Châu để lánh nạn.

Chẳng may, giữa đường, người con gái lớn của ông là Mộc-Lan bị thất lạc và lọt vào tay phường bán thịt, buôn người, trên Vạn-hà. Ông và người nhà đã ra công tìm kiếm cô, mà không ra tông tích.

Cũng là duyên trời dẫu-dối nên ông Tăng-văn-Phác, một cố hữu của Diêu-gia tìm được thấy cô và chuộc cô về. Nhân ông Tăng cũng đem gia-dình về thăm quê nhà, ông đưa Mộc-Lan về Thái-an, sau khi báo tin mừng cho Diêu-gia rõ.

Sau một thời gian, Diêu-tiên-sinh đích thân sang đón con về, nhưng, trước khi về Kinh, Diêu-tiên-sinh bắt cô con lạy ông bà Tăng-Văn Phác làm ký-phụ, ký-mẫu. Hai gia đình Diêu, Tăng, trở nên thân mật hơn xưa, vì cụ Tồ-mẫu tức thân mẫu ông Tăng, có ngờ ý muốn xin Mộc-Lan cho cậu Tân-A, người con trai út của họ Tăng.

Cuộc loạn-lạc đã yên. Hai cha con cô Mộc-Lan trở về Bắc-Kinh. Ít lâu sau thì cả gia quyến họ Diêu lại đoàn tụ ở chốn Kinh-sư, mà Tăng-tiên-sinh cũng đem vợ con lên đó, để tựu-chức.

Mối giao tình giữa hai nhà Diêu, Tăng, đã khăng khít, lại càng thêm khăng khít.

Nào ngờ đâu, Bân-A người con trưởng bên Tăng gia bỗng lâm trọng bệnh. Theo một tục lệ cổ hữu và nhân Bân-A đã đính hôn với Man Ny, nên Tăng gia mời thân mẫu nàng và nàng lai Kinh, làm lễ cưới « Xung Hỉ », để họa may, có cứu được bệnh nhân chăng. Vậy, trong các hồi dưới đây, hai mẫu, nữ Man Ny lần đầu tiên, đặt chân lên đất Thần kinh và sau đó, Bân A và Man Ny thành hôn, mặc dầu cậu còn ngọa bệnh.

Tuy Tăng phủ đã thu xếp để đón thân mẫu nàng và nàng, nhưng không ai ngờ cuộc hành trình lại mau được đến thế.

Khi người coi cửa vào báo tin, cả nhà tao động hẳn lên đến một lúc lâu. Khâm-A và Tân-A đi học vắng, nên ở nhà chỉ có ông bà Tăng-văn.

Phát, với hai đứa con gái nhỏ của Quế-Cô cùng các người đầy tớ trai, đầy tớ gái ra đón. Quế-Cô thì còn đương dở sẵn sóc bệnh nhân.

Vì Bân-A, lúc đó, cứ ngủ li bì, và thêm thiếp mê man, nên Quế-Cô không thể để cậu nằm một mình đó, mà ra ngoài được.

Quế-Cô ở trong phòng, nghe rõ mồn một tiếng tào tạp của bọn người nhà. Ái-Liên, hốt hải vào nói cho mẹ rõ và khoe Man-Ni vừa lớn lên nhiều, vừa mỹ lệ và cô ăn mặc như thế nào. Quế-Cô vội vàng lấy tay bịt miệng con bé lại, không cho nó nói tiếp, nhưng Bân-A, khi nghe thấy tên Man-Ni thì mở bừng hai mắt ra và hỏi : « Man-Ni đã ở đây rồi sao ? » Quế-Cô liền chạy tới bên giường cậu và ôn tồn bảo cậu : « Bân-nhi ạ, Man-Ni đã đến đấy!... chắc con vui thích lắm, đấy nhỉ? Có phải không nào ? » Lúc đó, cậu đang sốt, nhiệt độ hẳn cao, nên cậu nằm thềm thiếp, nhắm mắt lại rồi lại mở mắt ra, cậu nói : « Có đích thật em Man-Ni đã lên tới nơi rồi không ? Quế-Cô không nói dối tôi đấy chứ ? Thế sao em không vào ngay đây với tôi, hử có ? »

Quế-Cô vội đáp : « Ừ, ừ, con làm gì mà nóng nảy thế ! Thân-mẫu nó và nó vừa vừa mới tới nơi, con chờ nên nóng nảy lắm vậy... Vả lại, em nó đương có đại tang, thân thượng hữu hiếu, không thể đường đột vào ngay buồng một người yếu được, con nghe không ? »

Cậu nói : « Không biết em nó đi mất bao nhiêu ngày đường nhỉ ? đường xa, xa lắm, xa lắm !... »

— Không lâu lắm, chỉ mất, đâu có sáu bảy ngày trời thôi, con lo tới việc đó làm gì cho nó mệt óc, con ạ... Em với thân mẫu của em lên cũng khá mau thiệt đấy... vả lại, chỉ

tại con mệt nhiều nên con nghỉ là lâu la đấy thôi ».

— Cô ạ, thế con có thể khỏi được không nhỉ ? » Tội nghiệp cho cậu, một thanh niên hai mươi tuổi đầu, mà nay, chỉ vì đau ốm, mà hóa thành một đứa trẻ thơ.

— Nhất định là con sẽ khỏi chứ, nhưng con phải cố chấn tĩnh và hết sức nghỉ ngơi cho chóng lành mạnh, để nay mai, hoa đình hương nở, cô sẽ dẫn con và em Man-Ni của con, đến Thập - sát - Hải mà hân thưởng... Hoa đình hương thịnh phóng vừa thơm ngát, vừa tươi đẹp vô cùng ; như vậy, con có thích không ? »

Quế cô, đem một chén thuốc mới sắc xong, còn nóng, cho cậu uống và gọi một người nhà lên trông cậu, để Quế-Cô đi ra tiếp hai mẹ con Man-Ni.

Tăng công quán là một cái đình thự vừa to lớn, vừa phú lệ ; nó gồm có tới bốn cái cư đệ mà chính ốc ở về phía đông ; cách một khoảng đất thực dài, hai bên có trồng toàn một loại cây dâu ; rồi một dãy hành lang, quanh co, ngắt đình thự đó ra thành từng đoạn, từng đoạn một, và dẫn tới một cái sân lớn, ẩn ở dưới bóng um tùm của cây cối. Để cho được mát mẻ và tĩnh mịch, người nhà đã đem cậu ra ở một cái tây tương, ở mãi phía sau, và xa hẳn chỗ song thân cậu nghỉ. Trước buồng cậu, cũng có một cái sân khá rộng, chính giữa, sân lại có

một tòa giả sơn, đặt ở giữa một cái ao con, trong ao thả cá vàng; hai bên giả sơn có một đôi cây thạch lựu trồng ở lên châu. Nơi dưỡng bệnh này, vừa u tĩnh, vừa dễ, phòng khi bất trắc, khỏi lưu lại ở chính ốc một cái ấn tượng bất tường.

Quế-Cô còn phải, từ cái sân trên đây, đi qua một cái cửa hình lục lăng, và cái sân lớn nữa rồi mới tới căn nhà thứ ba mà, hiện ở đó, Man-Ni và thân mẫu nàng đang chuyện vãn với Tăng phu nhân và Tăng tiên sinh.

Man-Ni bận một cái áo dài màu lam và một chiếc xiêm màu lục. Tóc nàng tết thành bím và trên mái đầu nàng có gài một, cái hoa kết màu đen. Tuy nàng vẫn giữ nguyên cái tầm vóc mảnh dẻ xưa, nhưng Quế-Cô nhận thấy nàng đã cao hơn hồi gặp mặt ở Sơn-Đông, nhiều. Cả nhà đang nói về cuộc đi đường của hai mẹ con nàng, cùng là bệnh trạng của cậu Bàn-A. Tuy nhiên, Tăng phu nhân vẫn chưa dám đem cái bệnh thái nguy kịch của Bàn-A ra kể với hai mẹ con nàng. Chợt trông thấy Quế-Cô, một tay dắt con bé Ái-Liên, bước vào, thì hai mẹ con nàng đều đứng lên. Quế-Cô liền chấp tay vái chào bà mẹ và chúc cậu vạn phúc, rồi nói tiếp: « Được tin bá mẫu đã tới nơi, mà cháu chậm ra, xin bá mẫu thứ lỗi cho,.. » Quế-Cô xưng hô như vậy là do một cái tập quán, thường cha, mẹ, cứ hay lấy lời

của con để thay lời của mình; Quế-Cô đã dùng lời của con Ái-Liên nên mới gọi Tôn-thái-thái, mẹ Man-Ni là bá mẫu, vậy.

Quế-Cô lại nói tiếp: « Chắc là Bá-mẫu và em, đi đường vất vả lắm thì phải... Tôi đương thì thu xếp để cho Bàn-Nhi ngủ thì con Ái-Liên nó vào, nó báo tin bá mẫu và em đã tới; vì nó nói hơi to nên Bàn-nhi sợ tỉnh dậy và vội vàng hỏi ngay... và hỏi, sao Man-Ni muội muội không thấy vào?... »

Man-Ni đỏ ửng cả đôi gò má; thân mẫu nàng liền đỡ lời con: « Cô cứ bảo em hãy thư thả; hiện mẫu nữ chúng tôi, còn đương hiểu phục tại thân, nên không thể đường đột vào thăm em được... xin để chúng tôi rửa mặt, thay quần áo, cái đã... »

Câu trả lời của thân mẫu Man-Ni làm cho Tăng phu nhân sợ nhớ ra cái việc tương kiến giữa Bàn-a và Man-Ni.

Bà liền nói: « Vâng, chính thế đấy. Quả thiệt tình, chúng tôi vẫn rất nổi áy náy về việc mời bá mẫu và cháu lai kinh; đường xa, dặm thẳng, mà làm phiền lao cho mợ và cháu nhiều quá! Chúng tôi biết vậy mà không thể dừng được, nên vạn bất đắc dĩ, phải đành liều... Vì chúng tôi cho cái căn bệnh của Bàn-nhi là do tâm thương mà ra... Bá mẫu cũng nhận cho rằng cháu đã trưởng thành, thế rồi khi cháu về chịu tang, đã gần gửi Man-Ni khá lâu, nên cháu có thể nhớ Man-

Ni mà sinh bệnh ; nếu như vậy, cháu được giáp mặt em nó, tâm tình sẽ được cởi mở và nhờ vậy, bệnh sẽ thuyên giảm đi một cách mau chóng chẳng... Vừa vừa lúc bữa cơm, chưa nay, tôi cũng có bàn với Quế-Thư về việc đó, cùng là chọn lấy một giờ lành để cho hai trẻ tương kiến... chiều nay, được giờ tuất rất tốt đấy... nhưng xin bá mẫu cứ nghỉ ngơi cho khỏi mệt đi đã, rồi, có lẽ bá mẫu sẽ vào thăm cháu trước. còn con em Man-Ni thì tới giờ tuất hãy hay... Hai má con nhất định là nhọc mệt lắm, vậy xin mời bá mẫu hãy đi nằm nghỉ đi một lát cái đã... để tôi dẫn bá mẫu về phòng, nhá... »

Tăng phu nhân hết sức niềm nở, để tỏ rằng bà rất ân cần đối hai mẹ con Man-Ni, không kém gì mọi lần bà đối với ngay thân mẫu của bà vậy, bởi vì, thật ra các việc tiếp đón này, bà có thể giao cho Quế-Cô thay bà được. Thân mẫu Man-Ni cũng có suy từ, nhưng khi nào bà nghe theo và cứ thân hành đưa hai mẹ con nàng về buồng, như ý đã định ; với lại, bà nói, bà còn có bao nhiêu điều muốn bàn bạc, toan tính, Bà lại bảo Quế-Cô mau mau về buồng Bàn-a để săn sóc cậu. Hai mẹ con Man-Ni liền tạm biệt ông Tăng-văn-Phát cùng Quế-Cô.

Người nhà đã đem tất cả hành lý của Tôn-thái-thái và của Man-

Ni về « Tĩnh tâm-trai » cùng là xếp dọn buồng the. Đó là một nếp nhà ở về phía tây và cách xa hẳn chính sảnh, nhưng, có cửa ăn thông sang chỗ phòng dưỡng bệnh của Bàn-a. Trong Tăng công quán, các nếp nhà đều làm riêng biệt ra ; mỗi nếp, mỗi nơi, như vậy, khi có bà con, họ hàng lưu túc thì rất tiện. Tuy cũng quây quần nhau, nhưng nếp nhà nào cũng có đủ sản sường hẳn hoi, và rất hoàn mỹ tuyệt nhiên, không vướng vất gì đến chỗ ở của Tăng gia. Trong khi Man-Ni đi hết chặng cửa này, đến chặng hành lang kia, nàng nghĩ thầm trong bụng : « như thế này thì nhất định sẽ bị lạc, không sao nhớ nổi lối, cho mà xem. »

Cái nếp nhà hai mẹ con Man-Ni ở, gồm có ba gian, xoay mặt về hướng nam ; về phía tây có lối ăn thông xuống chỗ nghỉ ngơi của người nhà, đầy tớ. Cách sân thì là tường rào quét vôi trắng, dọc theo bờ tường có một khóm trúc xò xạc, vây lấy một tảng thạch tuân, một tảng đá thiên nhiên trên đầu nhọn như một chiếc măng tre, nên mỗi gọi như vậy. Tảng thạch tuân này sắc lam nhạt và cao tới tám thước. Cả nếp nhà thật là u tĩnh và đơn thuần. Cái sân rộng rãi lại không bị cái gì che khuất nên, những khi trăng lên, ánh trăng có thể soi sáng khắp cả lòng sân lẫn mặt nhà.

Về phía tây, là nhà từ đường, xoay trên một thửa đất cực rộng

trong đó có mấy gốc cây ăn quả một cái lương đình đã hư nát, một đồng những vật vô dụng bỏ đi; tất cả nơi đó có một cái vẻ hoang vu. Phía sau nữa từ đường chính là cái sân của nếp nhà mà cậu Bàn-a đương ngọa bệnh.

Cái biệt thự mà hiện nay hai mẹ con Ma-Ni ở, là một nơi rất thích hợp cho họ hàng lưu trú vì nó cách xa hẳn chỗ chính viện.

Nơi đó lại có thể dùng làm thư trai rất tinh mịch để đọc sách, viết văn, hoặc để cho một vị hưu nhân ngồi làm sách để tự ngộ hay để đi dưỡng tính tình; hoặc dùng làm một thứ Đồng-Tước để cho một trang thiên kim phần đại, dùng làm nơi khóa xuân, vì ở trong chốn u tĩnh này, người ta có thể quên hẳn rằng ở ngoài kia, có cả một thế giới nhộn nhịp của sự sinh tồn cạnh tranh vậy.

Tăng phu nhân hết dạ ân cần và lễ kính đối với hai người khách quý; bà thân hành xem xét từng li, từng tí, nào giường màn, chăn chiếu, áo quần, tủ dĩa, gương lược, không thiếu một thứ gì, rồi bà lại sai dẫn người vú già và con bé Tiểu-Lạc xuống bếp lấy lên một bình trà long tỉnh cùng chè hạnh nhân để cho khách tạm dùng. Chỉ một lát nữa sẽ có các thức điểm tâm đưa lên sau.

Một người nhà lại đem tới một đôi đệm, một cái bình phong, một cái diều đồng, và một cái thảm nỉ tất cả đều mới tinh hảo.

Tăng phu nhân trông thấy những thứ đó, liền trách bị người dung bộc rằng :

— Chết chữa ! Những đồ này, đáng lẽ phải chu biện rồi mới phải, sao mãi bay giờ mới đem lên, các anh thật là sơ thất hết sức ! » Tuy bà nói vậy để biểu thị lòng kính khách, nhưng bà cũng đã rõ, sự sơ thất đó đo sự đến quá sớm của hai mẫu nữ Man-Ni.

Bà quay nói với Man-Ni :

« Man-Ni ạ, nếu con còn cần bất cứ thức gì, con cứ bảo Tiểu-Lạc nó lên nói với Quế-Thư mà lấy, nghe không con ? »

Thân mẫu Man-Ni liền đáp : « Hai mẹ con chúng tôi đi vội vàng quá, đã chẳng có lễ vật gì lên kính tạnh quý phủ, nay, lại làm nhọc lòng thái thái, thực là quá thất và vô cùng sơ suất... Cái phòng này phải để cho các vị tiên nhân an trú mới phải, không biết hai mẫu nữ chúng tôi có đủ phúc khí để hưởng hay không ! »

Tăng phu nhân vội đáp : Trời đất ơi ! Bà mẫu chớ dạy quá lời như vậy, đã là chỗ thân-tinh xin bà mẫu chớ khách khí như thế... Thiệt ra, khi đánh điện mời bà mẫu lai Kinh, chúng tôi chỉ sợ e ngại bà mẫu từ nan... Quả thiệt, cái năm nay là năm xung, năm hạn của chúng tôi...

(Còn nữa)

LÂM-NGŨ-ĐUƠNG

TẠP CHÍ BÁCH - KHOA

XUẤT BẢN MỖI THÁNG HAI KỶ

DIỄN ĐÀN CHUNG CỦA TẤT CẢ
NHỮNG NGƯỜI THA THIẾT ĐẾN CÁC VẤN ĐỀ
**CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA,
XÃ HỘI.**

Chủ-nhiệm : HUỖNH - VẦN - LANG

hợp tác cùng các bạn :

LÊ-ĐÌNH-CHÂN
TĂNG-VẦN-CHỈ
ĐỖ-TRỌNG-CHU
LÊ-THÀNH-CƯỜNG
TRẦN-LƯU-DY
LÊ-PHÁT-ĐẠT
NGUYỄN-VẦN-ĐẠT
NGUYỄN-LÊ-GIANG
PHẠM-NGỌC-THUẦN-GIAO
NGUYỄN-HỮU-HẠNH
LÊ-VẦN-HOÀNG
NGUYỄN-VẦN-KHẢI
PHẠM-DUY-LÂN
NGUYỄN-QUANG-LỆ
TRẦN-LONG

BÙI-BÁ-LƯ
DƯƠNG-CHÍ-SANH
NGUYỄN-HUY-THANH
BÙI-KIẾN-THÀNH
HOÀNG KHẮC-THÀNH
PHẠM-NGỌC-THẢO
BÙI-VẦN-THỊNH
NGUYỄN-TẤN-THỊNH
VŨ-NGỌC-TIẾN
VÕ-THU-TỊNH
NGUYỄN-TẤN-TRUNG
PHẠM-KIM-TƯƠNG
HOÀNG-MINH-TUYNH
BÙI-CÔNG-VẦN

SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :

— « **Thần tháp rùa** » Của nhà văn Vũ-khắc-Khoan do tác-giả
gửi tặng.

Trân trọng cảm ơn tác-giả và xin ân cần giới thiệu cùng các bạn đọc
thân mến.

BÁCH-KHOA

HOOSE



15%

Thuốc thơm hảo hạng

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 3.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.000.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaouv Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE
PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(Hội nặc danh với số vốn 400.000.000 quan)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện-thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín: Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CA CÔNG - VIỆC NGÂN - HÀNG



**Đại - diện các Ngân - Hàng
trên thế-giới**



*Ngân-Hàng thừa-nhận do Viện
Hội - Đoài Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cofres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 — Card 55

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 904

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hã*ng* Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có t*ủ* bảo hiểm cho thuê, mỗi t*ủ* tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

HÀNG RƯỢU BÌNH TÂY



Eau de Cologne et Lotion

de

PREMIÈRE QUALITÉ



Rượu luyện tinh hảo-hạng làm bằng rượu nếp. Các thứ nước hoa đều chế bằng rượu luyện-tinh, tốt bậc nhất hoàn-cầu, cùng các chất hoa ở bên Pháp thuộc vùng Grasse (Alpes Maritimes).

Bán sỉ và lẻ tại : 135, Pasteur — SAIGON

Bán lẻ tại khắp các nhà buôn đứng-dân.

Các nhà buôn muốn lãnh bán (đư trả lại), do nơi Văn-Phòng Công Ty
135, Pasteur — SAIGON

HÀNG LA-VE B.G.I

*Phung, Su' nên
Kính tế Việt-Nam
từ năm 1875*

LA-VE LARUE

LA-VE "33" EXPORT

**BRASSERIES & GLACIÈRES
DE L'INDOCHINE**



Để dùng vào
KỸ - NGHỆ
NÔNG - NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra .



→ Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



→ Xà-bông nước hoá-học



→ Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



→ Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



→ Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhậy

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

ВАСННОАВАСННОАВАСННОАВАСННОА
ВАСННОАВАСННОАВАСННОАВАСННОА

BÁCH-KHOA TẠP CHÍ

GIÁ : 10\$00